

**LỊCH THI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1	NN660	Phan Trọng Hiếu	KORE2203	Âm vị học tiếng Hàn	DH21KL02,DH21KL01	KL2101	44	NN	09/05/2023	4	NK	
2	XH083	Nguyễn Thị Phương Thảo	SWOR1302	An sinh xã hội	DH22SW01	SW2201	65	XH	30/05/2023	4	NK	
3	XH083	Nguyễn Thị Phương Thảo	SWOR1302	An sinh xã hội	DH22SW02	SW2202	61	XH	30/05/2023	4	NK	
4	TH071	Lưu Quang Phương	ITEC3412	An toàn hệ thống thông tin	DH20IT01	IT2001	82	TH	22/05/2023	4	NK	
5	TH071	Lưu Quang Phương	ITEC3412	An toàn hệ thống thông tin	DH20IT02	IT2002	87	TH	22/05/2023	4	NK	
6	TH071	Lưu Quang Phương	ITEC3412	An toàn hệ thống thông tin	DH20IT03	IT2003	85	TH	22/05/2023	4	NK	
7	SH297	Tạ Đăng Khoa	BIOT2266	An toàn vệ sinh thực phẩm	DH20FT01	FT2001	32	SH	22/05/2023	5	NK	
8	SH297	Tạ Đăng Khoa	FOOD1203	An toàn vệ sinh thực phẩm	DH21FT01	FT2101	42	SH	22/05/2023	5	NK	
9	SH297	Tạ Đăng Khoa	FOOD1203	An toàn vệ sinh thực phẩm	DH21FT02	FT2102	46	SH	22/05/2023	5	NK	
10	AV131	Nguyễn Đông Phương Tiên	ENGL1278	Anh ngữ du lịch	BH21EL01	EL211B	17	NN	04/06/2023	1	VVT	
11	NN624	Đặng Thị Thảo Ly	ENGL1279	Anh ngữ kinh doanh	HC21BE01	BE211H	4	NN	21/05/2023	3	VVT	
12	AV131	Nguyễn Đông Phương Tiên	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB01	EL191C	22	NN	11/05/2023	4	VVT	
13	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB02	EL192C	25	NN	11/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
14	NN317	Đỗ Hữu Anh	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB03	EL193C	24	NN	11/05/2023	4	VVT	
15	NN399	Hồ Lệ Hằng	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB04	EL194C	28	NN	11/05/2023	4	VVT	
16	NN244	Đoàn Kim Khoa	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB05	EL195C	27	NN	11/05/2023	4	VVT	
17	NN393	Ngô Phan Lan Dung	ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	TA19DB06	EL196C	18	NN	11/05/2023	4	VVT	
18	AV198	Nguyễn Ngọc Tuyền	ENGL1355	Biên dịch 1	DH20AV05	EL2005	20	NN	15/05/2023	2	NK	
19	NN293	Lê Võ Phương Linh	JAPA2215	Biên dịch 1	DH21JL01	JL2101	46	NN	29/05/2023	3	NK	
20	NN293	Lê Võ Phương Linh	JAPA2215	Biên dịch 1	DH21JL02	JL2102	48	NN	29/05/2023	3	NK	
21	NN293	Lê Võ Phương Linh	JAPA2215	Biên dịch 1	DH21JL03	JL2103	47	NN	29/05/2023	3	NK	
22	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1246	Biên dịch thương mại	DH20NB01	JL2001	47	NN	08/05/2023	2	NK	
23	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1246	Biên dịch thương mại	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	47	NN	08/05/2023	2	NK	
24	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1246	Biên dịch thương mại	DH20NB03	JL2003	45	NN	08/05/2023	2	NK	
25	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC3421	Các công nghệ lập trình hiện đại	DH19CS02, DH19CS01	CS1901	66	TH				Khoa tổ chức thi
26	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC3421	Các công nghệ lập trình hiện đại	DH19IT03, DH19IT02, DH19IT01	IT1901	70	TH				Khoa tổ chức thi
27	SH170	Lý Thị Minh Hiền	BIOT3407	Các quá trình sinh học trong Công nghệ thực phẩm	SH20DB01	BT201C	8	SH	21/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
28	SH233	Như Xuân Thiện Chân	BIOT2367	Các quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm	DH20FT01	FT2001	31	SH	01/06/2023	4	NK	
29	QT615	Đặng Hoàng Lan	TOUR1313	Các vùng văn hóa Việt Nam	DH21TO01	TO2101	59	QT	17/05/2023	1	MTL	
30	TH009, TH118	Lê Xuân Trường, Dương Thái Bảo	ITEC1427	Cấu trúc DL và thuật giải 1	_DH2021	HL2101	50	TH	25/05/2023	2	NK	
31	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AC01	AC2101	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
32	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AC02	AC2102	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
33	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AC01C	AC211C	46	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
34	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AC02C	AC212C	46	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
35	GV706	Phạm Thị Thùy	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AC03C	AC213C	44	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
36	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AU01	AU2101	60	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
37	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21AU02	AU2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
38	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA01	BA2101	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
39	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA02	BA2102	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
40	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA03	BA2103	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
41	GV706	Phạm Thị Thùy	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA01C	BA211C	50	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
42	GV706	Phạm Thị Thùy	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA02C	BA212C	49	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
43	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA03C	BA213C	49	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
44	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA04C,D H21BT01C	BA214C	57	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
45	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BA05C	BA215C	46	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
46	GV693	Trần Quốc Hoàn	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BL01	BL2101	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
47	GV693	Trần Quốc Hoàn	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BL02	BL2102	63	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
48	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BT01	BT2101	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
49	GV658	Nguyễn Xuân Tiệp	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21BT02	BT2102	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
50	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21CL01,DH 21CL02	CL2101	80	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
51	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EC01	EC2101	69	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
52	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EC02	EC2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
53	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EC03	EC2103	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
54	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EL03,DH 21EL01	EL2101	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
55	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EL02,DH 21EL04	EL2102	90	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
56	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EL03C,D H21EL01C	EL211C	50	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
57	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EL02C,D H21EL04C	EL212C	53	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
58	GV700	Phạm Đình Huân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21EL06C,D H21EL05C	EL215C	57	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
59	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB01	FB2101	74	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
60	GV701	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB02	FB2102	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
61	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB01C	FB211C	43	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
62	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB02C	FB212C	49	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
63	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB03C	FB213C	48	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
64	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FB04C	FB214C	48	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
65	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FT01	FT2101	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
66	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21FT02	FT2102	60	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
67	GV658	Nguyễn Xuân Tiệp	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21HM01	HM2101	74	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
68	GV658	Nguyễn Xuân Tiệp	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21HM02	HM2102	63	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
69	GV658	Nguyễn Xuân Tiệp	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21IB01	IB2101	71	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
70	GV693	Trần Quốc Hoàn	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21IB02	IB2102	69	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
71	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21IB03	IB2103	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
72	GV738	Hoàng Văn Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21JL01	JL2101	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
73	GV738	Hoàng Văn Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21JL03,DH21JL02	JL2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
74	GV692	An Thị Ngọc Trinh	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21JL01C	JL211C	32	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
75	GV700	Phạm Đình Huân	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21KL02,DH21KL01	KL2101	60	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
76	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SA01	SA2101	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
77	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SA02	SA2102	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
78	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SC01	SC2101	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
79	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SC02	SC2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
80	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SW01	SW2101	69	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
81	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DH21SW02	SW2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
82	TH086, TH111, TH116	Trương Hoàng Vinh,Hồ Hường Thiên,Nguyễn Văn Bảy	ITEC4418	Chuyên đề	DH19CS02, DH19CS01	CS1901	130	TH	23/05/2023	1	NK	
83	TH100	Dương Hữu Thành	MISY3401	Chuyên đề 1 (HTTTQL)	DH19IM02, DH19IM01	IM1901	55	TH	28/05/2023	2	NK	
84	CT228	Bùi Anh Kiệt	CENG1203	Cơ chất lỏng	DH22CE01	CE2201	90	KT	18/05/2023	2	NK	
85	CT228	Bùi Anh Kiệt	CENG6201	Cơ chất lỏng	DH22CE01C	CE2201C	17	KT	18/05/2023	2	VVT	
86	CT228	Bùi Anh Kiệt	CENG1203	Cơ chất lỏng	DH22CE02	CE2202	89	KT	18/05/2023	2	NK	
87	CT228	Bùi Anh Kiệt	CENG1203	Cơ chất lỏng	DH22CM01	CM2201	90	KT	18/05/2023	2	NK	
88	CT025	Trần Thúc Tài	CENG1203	Cơ chất lỏng	DH22CM02	CM2202	87	KT	18/05/2023	2	NK	
89	CT263	Trần Thanh Danh	CENG2303	Cơ học đất	DH21CE01	CE2101	86	KT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
90	CT271	Võ Nguyễn Phú Huân	CENG2303	Cơ học đất	DH20XD02	CE2102	61	KT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
91	CT271	Võ Nguyễn Phú Huân	CENG2303	Cơ học đất	DH21CM01	CM2101	70	KT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
92	CT303	Tô Thanh Sang	CENG2303	Cơ học đất	DH21CM02	CM2102	70	KT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
93	CT312	Lại Văn Quý	CENG5302	Cơ học đất	DH21CE01C	CE211C	10	KT	17/05/2023	4	VVT	
94	CT113	Trần Trung Dũng	CENG2404	Cơ học kết cấu	DH21CE01	CE2101	86	KT	02/06/2023	3	NK	
95	CT113	Trần Trung Dũng	CENG2404	Cơ học kết cấu	DH20XD02	CE2102	83	KT	02/06/2023	3	NK	
96	CT255	Lê Thanh Cường	CENG2404	Cơ học kết cấu	DH21CM01	CM2101	70	KT	31/05/2023	1	NK	
97	CT255	Lê Thanh Cường	CENG2404	Cơ học kết cấu	DH21CM02	CM2102	69	KT	31/05/2023	1	NK	
98	TH095	Võ Thị Kim Anh	ITEC6404	Cơ sở dữ liệu	DH21CS01C	CS211C	33	TH	19/05/2023	1	VVT	
99	TH095	Võ Thị Kim Anh	ITEC6404	Cơ sở dữ liệu	DH21CS02C	CS212C	34	TH	19/05/2023	1	VVT	
100	TH111	Hồ Hương Thiên	ITEC2502	Cơ sở dữ liệu (Nhập môn CSDL)	DH21IT01	IT2101	70	TH	28/05/2023	1	NK	
101	KI162	Phạm Chí Công	ITEC2502	Cơ sở dữ liệu (Nhập môn CSDL)	DH21IT02	IT2102	69	TH	28/05/2023	1	NK	
102	TH111	Hồ Hương Thiên	ITEC2502	Cơ sở dữ liệu (Nhập môn CSDL)	DH21IT03	IT2103	70	TH	28/05/2023	1	NK	
103	NN505	Nguyễn Thùy Nương	VIET6302	Cơ sở ngôn ngữ học	DH22JL01C	JL2201C	45	NN	16/05/2023	2	VVT	
104	KI209,S H347,X H053	Tổng Hồng Lam,Thái Hữu Phú,Trần Thị Lệ Quyên	BIOT1341	Con người và môi trường	DH20LK01	BL2001	73	SH	29/05/2023	3	NK	
105	KI209,S H347,X H053	Tổng Hồng Lam,Thái Hữu Phú,Trần Thị Lệ Quyên	BIOT1341	Con người và môi trường	DH20LK02	BL2002	53	SH	29/05/2023	3	NK	
106	KI209,S H234,S H439	Tổng Hồng Lam,Dương Nhật Linh,Nguyễn Ngọc Bảo Châu	BIOT1341	Con người và môi trường	DH20LK03	BL2003	73	SH	29/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
107	KI147, KI209,S H478	Lương Duy Quang,Tổng Hồng Lam,Nguyễn Thành Hưng	BIOT6301	Con người và môi trường	LK20DB01	BL201C	36	SH	25/05/2023	4	VVT	
108	KI147, KI209,S H478	Lương Duy Quang,Tổng Hồng Lam,Nguyễn Thành Hưng	BIOT6301	Con người và môi trường	LK20DB02	BL202C	38	SH	25/05/2023	4	VVT	
109	KI147, KI209,S H233	Lương Duy Quang,Tổng Hồng Lam,Như Xuân Thiện Chân	BIOT6301	Con người và môi trường	LK20DB03	BL203C	34	SH	25/05/2023	4	VVT	
110	SH021	Nguyễn Thanh Mai	BIOT1347	Con người và môi trường	DH21CL01,DH 21CL02	CL2101	70	SH	30/05/2023	3	NK	
111	SH021	Nguyễn Thanh Mai	BIOT1347	Con người và môi trường	DH22FB01	FB2201	80	SH	30/05/2023	3	NK	
112	SH439, SH463, SH482	Nguyễn Ngọc Bảo Châu,Hồ Bảo Thùy Quyên,Bùi Phú Nam Anh	BIOT5301	Con người và môi trường	DH22BA01E,D H22FB01E	FB2201E	43	SH	25/05/2023	4	VVT	
113	SH021	Nguyễn Thanh Mai	BIOT1347	Con người và môi trường	DH22FB02	FB2202	80	SH	30/05/2023	3	NK	
114	SH021	Nguyễn Thanh Mai	BIOT1347	Con người và môi trường	DH22FB03	FB2203	80	SH	30/05/2023	3	NK	
115	TH095	Võ Thị Kim Anh	ITEC3407	Công cụ thiết kế HT thông tin	DH20CS02, DH20CS01	CS2001	100	TH				Khoa tổ chức thi
116	TH095	Võ Thị Kim Anh	ITEC3407	Công cụ thiết kế HT thông tin	DH20CS02, DH20CS01	CS2002	37	TH				Khoa tổ chức thi
117	SH346	Lao Đức Thuận	BIOT3427	Công nghệ gene	DH21BT01	BT2101	66	SH	25/05/2023	4	NK	
118	SH123	Trương Kim Phụng	BIOT3427	Công nghệ gene	DH21BT02	BT2102	64	SH	25/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
119	SH284	Lê Huyền ái Thúy	BIOT3427	Công nghệ gene	DH21BT01C	BT211C	16	SH	30/05/2023	2	VVT	
120	SH123	Trương Kim Phượng	BIOT2351	Công nghệ sinh học phân tử ứng dụng trong chẩn đoán bệnh ở người	DH20PB01	PB2001	33	SH	31/05/2023	3	NK	
121	SH237	Nguyễn Trần Đông Phương	BIOT3422	Công nghệ sinh học thực vật ứng dụng trong Dược học	DH20PB01	PB2001	33	SH				Khoa tổ chức thi
122	SH121, SH235, SH462	Lê Thị Trúc Linh,Đặng Thanh Dũng,Lê Quang Anh Tuấn	BIOT3414	Công nghệ sinh học trong trị liệu bệnh ở người	DH20PB01	PB2001	33	SH	14/05/2023	1	NK	
123	SH439	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	BIOT3415	Công nghệ sinh học ứng dụng trong bảo vệ Thực vật	DH20AE01	AE2001	19	SH	22/05/2023	4	NK	
124	SH237, SH289	Nguyễn Trần Đông Phương,Lê Thị Kính	BIOT2357	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chọn tạo giống thực vật	DH20AE01	AE2001	19	SH	22/05/2023	1	NK	
125	SH439, SH482	Nguyễn Ngọc Bảo Châu,Bùi Phú Nam Anh	BIOT2333	Công nghệ tế bào	DH21BT01C	BT211C	16	SH	30/05/2023	1	VVT	
126	SH463	Hồ Bảo Thùy Quyên	BIOT2358	Công nghệ trồng nấm	DH20AE01	AE2001	19	SH				Khoa tổ chức thi
127	KI153	Nguyễn Đăng Nghĩa	BLAW3301	Công pháp quốc tế (KI)	DH20LA01	LA2001	69	LA	16/05/2023	2	NK	
128	KI153	Nguyễn Đăng Nghĩa	BLAW3301	Công pháp quốc tế (KI)	DH20LA02	LA2002	44	LA	16/05/2023	2	NK	
129	XH038, XH046	Nguyễn Kim Thanh,Võ Thị Thu Hà	SWOR1301	Công tác xã hội nhập môn	DH22SC01	SC2201	77	XH	29/05/2023	4	NK	
130	XH038, XH046	Nguyễn Kim Thanh,Võ Thị Thu Hà	SWOR1301	Công tác xã hội nhập môn	DH22SC02	SC2202	72	XH	29/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
131	NN054	Huỳnh Minh Hiền	SWOR4213	Công tác xã hội với gia đình	DH19CT01	SW1901	30	XH	08/05/2023	1	NK	
132	AV002	Nguyễn Quốc Bảo	ENGL1250	Cú pháp - Hình thái học	DH20AV01	EL2001	41	NN	08/05/2023	5	NK	
133	AV002	Nguyễn Quốc Bảo	ENGL1250	Cú pháp - Hình thái học	DH20AV02	EL2002	40	NN	24/05/2023	1	NK	
134	AV002	Nguyễn Quốc Bảo	ENGL1250	Cú pháp - Hình thái học	DH20AV03,DH20AV05	EL2003	40	NN	08/05/2023	5	NK	
135	AV002	Nguyễn Quốc Bảo	ENGL1250	Cú pháp - Hình thái học	DH20AV04	EL2004	36	NN	24/05/2023	1	NK	
136	NN091	Lý Thị Mỹ Hạnh	ENGL3206	Cú pháp - Hình thái học	BH21EL01	EL211B	15	NN	04/06/2023	2	VVT	
137	NN091	Lý Thị Mỹ Hạnh	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB01	EL201C	35	NN	10/05/2023	2	VVT	
138	AV032	Nguyễn Thúy Nga	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB02	EL202C	31	NN	10/05/2023	2	VVT	
139	AV032	Nguyễn Thúy Nga	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB03	EL203C	28	NN	30/05/2023	1	VVT	
140	AV032	Nguyễn Thúy Nga	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB04	EL204C	31	NN	30/05/2023	1	VVT	
141	NN359	Vũ Thị Hồng Vân	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB05	EL205C	26	NN	30/05/2023	1	VVT	
142	NN091	Lý Thị Mỹ Hạnh	ENGL5202	Cú pháp – Hình thái học	TA20DB06	EL206C	34	NN	10/05/2023	2	VVT	
143	NN617	Thân Thụy Mỹ Linh	KORE2205	Cú pháp - Hình thái học tiếng Hàn	DH21KL02,DH21KL01	KL2101	44	NN	10/05/2023	3	NK	
144	DN002	Nguyễn Thị Tâm Anh	VIET1305	Đại cương văn hóa VN	DH22KL01	KL2201	60	XH				Phòng Khảo thí tổ chức thi
145	DN002	Nguyễn Thị Tâm Anh	VIET1305	Đại cương văn hóa VN	DH22SA01	SA2201	89	XH				Phòng Khảo thí tổ chức thi
146	DN049	Nguyễn Thị Kim Yền	VIET1305	Đại cương văn hóa VN	DH22SA02	SA2202	89	XH				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
147	DN049	Nguyễn Thị Kim Yền	VIET1305	Đại cương văn hóa VN	DH22TO01	TO2201	73	XH				Phòng Khảo thí tổ chức thi
148	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH1313	Đại số tuyến tính	DH22CE01	CE2201	93	CB	31/05/2023	5	NK	
149	TH037	Trần Trung Kiệt	MATH6302	Đại số tuyến tính	DH22CE01C	CE2201C	14	CB	31/05/2023	5	VVT	
150	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH1313	Đại số tuyến tính	DH22CE02	CE2202	93	CB	31/05/2023	5	NK	
151	GV735	Trần Hồng Mơ	MATH1313	Đại số tuyến tính	DH22CM01	CM2201	90	CB	31/05/2023	5	NK	
152	GV735	Trần Hồng Mơ	MATH1313	Đại số tuyến tính	DH22CM02	CM2202	90	CB	31/05/2023	5	NK	
153	NN382	Nguyễn Thị Hương Nhài	ENGL2237	Đàm phán trong kinh doanh	DH20AV01	EL2001	45	NN				Khoa tổ chức thi
154	NN382	Nguyễn Thị Hương Nhài	ENGL2237	Đàm phán trong kinh doanh	DH20AV03	EL2003	32	NN				Khoa tổ chức thi
155	NN624	Đặng Thị Thảo Ly	ENGL2237	Đàm phán trong kinh doanh	BH21EL01	EL211B	16	NN				Khoa tổ chức thi
156	GV566	Lâm Thị ánh Quyên	SOCI1320	Dẫn nhập phần mềm thống kê xã hội	DH21SC01	SC2101	60	XH	10/05/2023	3	NK	
157	GV566	Lâm Thị ánh Quyên	SOCI1320	Dẫn nhập phần mềm thống kê xã hội	DH21SC02	SC2102	67	XH	10/05/2023	3	NK	
158	SH159	Nguyễn Thị Lệ Thủy	BIOT2270	Đánh giá cảm quan thực phẩm	DH20FT01	FT2001	34	SH	30/05/2023	4	NK	
159	NN521	Thái ái Châu	CHIN1349	Đất nước học Trung Quốc	DH20HV01	CL2001	32	NN	16/05/2023	2	NK	
160	NN521	Thái ái Châu	CHIN1349	Đất nước học Trung Quốc	DH20HV02	CL2002	35	NN	16/05/2023	2	NK	
161	QT632	Đặng Huỳnh Anh Duy	BADM3330	Đầu tư quốc tế (QT)	QT19DB01	IB191C	47	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
162	QT610	Lê Lan Hương	BADM3330	Đầu tư quốc tế (QT)	QT19DB03	IB192C	47	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
163	XH086	Phạm Sang	SEAS4335	Đề án về Du lịch Đông Nam Á	DH19DN01	SA1901	60	XH	31/05/2023	4	NK	Nộp tiểu luận
164	XH086	Phạm Sang	SEAS4335	Đề án về Du lịch Đông Nam Á	DH19DN02	SA1902	34	XH	31/05/2023	4	NK	Nộp tiểu luận
165	QT615	Đặng Hoàng Lan	SEAS4334	Đề án về Văn hóa Đông Nam Á	DH19DN01	SA1901	56	XH	02/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
166	QT615	Đặng Hoàng Lan	SEAS4334	Đề án về Văn hóa Đông Nam Á	DH19DN02	SA1902	33	XH	02/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
167	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN1346	Dịch du lịch	DH20HV01	CL2001	38	NN	15/05/2023	1	NK	
168	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN1346	Dịch du lịch	DH20HV02	CL2002	31	NN	15/05/2023	1	NK	
169	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN1344	Dịch thương mại	B220HV1A	CL201B	10	NN	21/05/2023	2	VVT	
170	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1247	Dịch tiếng Trung Quốc ngành nghề 1	DH20HV01	CL2001	38	NN	09/05/2023	3	NK	
171	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1247	Dịch tiếng Trung Quốc ngành nghề 1	DH20HV02	CL2002	29	NN	09/05/2023	3	NK	
172	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1248	Dịch tiếng Trung Quốc ngành nghề 2	B220HV1A	CL201B	12	NN	07/05/2023	1	VVT	
173	QT390	Trần Trí Dũng	BADM1393	Digital Marketing	DH20QT01	BA2001	69	QT	30/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
174	QT390	Trần Trí Dũng	BADM1393	Digital Marketing	DH20QT02	BA2002	69	QT	30/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
175	QT390	Trần Trí Dũng	BADM1393	Digital Marketing	DH20QT03	BA2003	70	QT	30/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
176	QT390	Trần Trí Dũng	BADM1393	Digital Marketing	DH19MK01	MK1901	29	QT	30/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
177	SH297	Tạ Đăng Khoa	FOOD1205	Dinh dưỡng người	DH21FT01	FT2101	44	SH	24/05/2023	1	NK	
178	SH297	Tạ Đăng Khoa	FOOD1205	Dinh dưỡng người	DH21FT02	FT2102	48	SH	24/05/2023	1	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
179	NN190	Đoàn Thị Quỳnh Như	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22CL01C	CL2201C	36	DB	16/05/2023	2	VVT	
180	KI002	Huỳnh Đặng Bích Vy	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL01C	EL2201C	33	DB	17/05/2023	1	VVT	
181	KI002	Huỳnh Đặng Bích Vy	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL02C	EL2202C	26	DB	17/05/2023	1	VVT	
182	KI212	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Uyên	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL03C	EL2203C	29	DB	17/05/2023	1	VVT	
183	NN399	Hồ Lệ Hằng	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL04C	EL2204C	32	DB	16/05/2023	2	VVT	
184	NN420	Mai Thị Hồng Dung	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL05C	EL2205C	32	DB	16/05/2023	2	VVT	
185	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22EL06C	EL2206C	32	DB	17/05/2023	1	VVT	
186	QT634	Lê Đăng Lãng	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB01C	FB2201C	45	DB	17/05/2023	2	VVT	
187	NN583	Nguyễn Thành Luân	EDUC5301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB01E	FB2201E	15	DB	17/05/2023	4	VVT	
188	QT634	Lê Đăng Lãng	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB02C	FB2202C	44	DB	17/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
189	QT634	Lê Đăng Lãng	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB03C	FB2203C	42	DB	17/05/2023	2	VVT	
190	QT634	Lê Đăng Lãng	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB04C	FB2204C	36	DB	17/05/2023	2	VVT	
191	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	EDUC6301	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	DH22FB05C	FB2205C	42	DB	17/05/2023	1	VVT	
192			CENG3207	Đồ án nền móng	DH20XD01	CE2001	64	KT				Khoa tổ chức thi
193			CENG3207	Đồ án nền móng	DH20XD02	CE2002	60	KT				Khoa tổ chức thi
194	CT317	Nguyễn Bá Phú	CENG6110	Đồ án Nền móng	XD20DB01	CE201C	5	KT				Khoa tổ chức thi
195			CMAN1125	Đồ án phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	DH20QX01	CM2001	39	KT				Khoa tổ chức thi
196			CMAN1125	Đồ án phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	DH20QX02	CM2002	34	KT				Khoa tổ chức thi
197			CMAN1122	Đồ án Quản lý dự án xây dựng	DH20QX01	CM2001	37	KT				Khoa tổ chức thi
198			CMAN1122	Đồ án Quản lý dự án xây dựng	DH20QX02	CM2002	35	KT				Khoa tổ chức thi
199			CENG1099	Đồ án tốt nghiệp	DH18XD01	CE1801	13	KT				Khoa tổ chức thi
200			CENG1099	Đồ án tốt nghiệp	XD18DB01	CE1801C	1	KT				Khoa tổ chức thi
201	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1339	Đọc - Viết 2	DH22EL01	EL2201	48	NN	17/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
202	NN387	Bùi Quốc Chính	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL01C	EL2201C	34	NN	15/05/2023	4	VVT	
203	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1339	Đọc - Viết 2	DH22EL02	EL2202	48	NN	17/05/2023	4	NK	
204	NN339	Nguyễn Diên Khương	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL02C	EL2202C	30	NN	15/05/2023	4	VVT	
205	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	ENGL1339	Đọc - Viết 2	DH22EL03	EL2203	47	NN	17/05/2023	4	NK	
206	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL03C	EL2203C	32	NN	15/05/2023	4	VVT	
207	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	ENGL1339	Đọc - Viết 2	DH22EL04	EL2204	43	NN	17/05/2023	4	NK	
208	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL04C	EL2204C	32	NN	15/05/2023	4	VVT	
209	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL1339	Đọc - Viết 2	DH22EL05	EL2205	47	NN	17/05/2023	4	NK	
210	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL05C	EL2205C	34	NN	15/05/2023	4	VVT	
211	AV204	Ngô Thị Bạch Loan	ENGL5303	Đọc - Viết 2	DH22EL06C	EL2206C	33	NN	15/05/2023	4	VVT	
212	NN244	Đoàn Kim Khoa	GENG1426	Đọc 2	LK22BO01,LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	BO2201	15	DB	30/05/2023	1	VVT	
213	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL1342	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL01	EL2101	43	NN	15/05/2023	1	NK	
214	NN420	Mai Thị Hồng Dung	ENGL1342	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL02	EL2102	33	NN	15/05/2023	1	NK	
215	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL1342	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL03	EL2103	43	NN	15/05/2023	1	NK	
216	AV044	Nguyễn Kim Quý	ENGL1342	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL04	EL2104	38	NN	15/05/2023	1	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
217	AV044	Nguyễn Kim Quý	ENGL1342	Đọc hiểu nâng cao	BH21EL01	EL211B	18	NN	07/05/2023	2	VVT	
218	NN390	Hồ Thị Xuân Vương	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL01C	EL211C	29	NN	26/05/2023	2	VVT	
219	NN393	Ngô Phan Lan Dung	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL02C	EL212C	30	NN	26/05/2023	1	VVT	
220	NN498	Nguyễn Xuân Minh	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL03C	EL213C	25	NN	26/05/2023	1	VVT	
221	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL04C	EL214C	29	NN	26/05/2023	2	VVT	
222	NN393	Ngô Phan Lan Dung	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL05C	EL215C	26	NN	26/05/2023	1	VVT	
223	NN399	Hồ Lệ Hằng	ENGL5306	Đọc hiểu nâng cao	DH21EL06C	EL216C	30	NN	26/05/2023	2	VVT	
224	NN659	Phan Thị Thanh Minh	KORE1322	Đọc tiếng Hàn sơ cấp 2	DH22KL01	KL2201	50	NN	29/05/2023	3	NK	
225	QT019	Trần Kim Ngọc	BADM2372	Dự báo trong kinh doanh	DH20IM01	IM2001	75	QT	21/05/2023	2	NK	
226	QT019	Trần Kim Ngọc	BADM2372	Dự báo trong kinh doanh	DH20IM02	IM2002	71	QT	21/05/2023	2	NK	
227	QT615	Đặng Hoàng Lan	BADM2344	Du lịch văn hóa và di sản	DH20DN01	SA2001	64	QT	15/05/2023	4	NK	
228	QT591	Trần Thị Bích Ngọc	BADM2344	Du lịch văn hóa và di sản	DH20DN02	SA2002	58	QT	15/05/2023	4	NK	
229	CT313	Thạch Phi Hùng	CMAN3304	Dự toán xây dựng	DH20XD01	CE2001	47	KT	08/05/2023	3	NK	
230	CT313	Thạch Phi Hùng	CMAN3304	Dự toán xây dựng	DH20CE02	CE2002	43	KT	08/05/2023	3	NK	
231	CT313	Thạch Phi Hùng	CMAN3304	Dự toán xây dựng	DH20QX01	CM2001	36	KT	08/05/2023	3	NK	
232	CT310	Nguyễn Khắc Quân	CMAN3304	Dự toán xây dựng	DH20QX02	CM2002	34	KT	08/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
233	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22IB01	IB2201	37	QT				Khoa tổ chức thi
234	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22IB02	IB2202	37	QT				Khoa tổ chức thi
235	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22IB01	IB2203	37	QT				Khoa tổ chức thi
236	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22IB02	IB2204	37	QT				Khoa tổ chức thi
237	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM2188	Giá trị sống 1	DH21MK01	MK2101	30	QT				Khoa tổ chức thi
238	QT039	Nguyễn Thị Diệu Linh	BADM2188	Giá trị sống 1	DH21MK02	MK2102	35	QT				Khoa tổ chức thi
239	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM2188	Giá trị sống 1	DH21MK03	MK2103	30	QT				Khoa tổ chức thi
240	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM2188	Giá trị sống 1	DH21MK01	MK2104	16	QT				Khoa tổ chức thi
241	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM2188	Giá trị sống 1	DH21MK03	MK2106	15	QT				Khoa tổ chức thi
242	QT614	Lê Thị Phụng Liên	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22MK01	MK2201	37	QT				Khoa tổ chức thi
243	QT614	Lê Thị Phụng Liên	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22MK02	MK2202	37	QT				Khoa tổ chức thi
244	QT614	Lê Thị Phụng Liên	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22MK01	MK2203	37	QT				Khoa tổ chức thi
245	QT614	Lê Thị Phụng Liên	BADM2188	Giá trị sống 1	DH22MK02	MK2204	37	QT				Khoa tổ chức thi
246	QT562	Lê Thị Huệ Linh	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA01	BA2201	35	QT				Khoa tổ chức thi
247	QT039	Nguyễn Thị Diệu Linh	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA02	BA2202	35	QT				Khoa tổ chức thi
248	QT532	Nguyễn Thu Hà	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA03	BA2203	35	QT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
249	QT532	Nguyễn Thu Hà	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA04	BA2204	35	QT				Khoa tổ chức thi
250	QT562	Lê Thị Huệ Linh	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA01	BA2205	35	QT				Khoa tổ chức thi
251	QT039	Nguyễn Thị Diệu Linh	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA02	BA2206	35	QT				Khoa tổ chức thi
252	QT532	Nguyễn Thu Hà	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA03	BA2207	35	QT				Khoa tổ chức thi
253	QT532	Nguyễn Thu Hà	BADM1198	Giá trị sống 2	DH22BA04	BA2208	35	QT				Khoa tổ chức thi
254	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21HM01	HM2101	35	QT				Khoa tổ chức thi
255	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21HM02	HM2102	35	QT				Khoa tổ chức thi
256	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21HM01	HM2103	34	QT				Khoa tổ chức thi
257	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21HM02	HM2104	35	QT				Khoa tổ chức thi
258	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB01	IB2101	35	QT				Khoa tổ chức thi
259	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB02	IB2102	35	QT				Khoa tổ chức thi
260	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB03	IB2103	35	QT				Khoa tổ chức thi
261	QT591	Trần Thị Bích Ngọc	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB01	IB2104	36	QT				Khoa tổ chức thi
262	QT585	Trần Ngọc Anh Vũ	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB02	IB2105	35	QT				Khoa tổ chức thi
263	QT530	Trương Ngọc Anh Vũ	BADM1198	Giá trị sống 2	DH21IB03	IB2106	35	QT				Khoa tổ chức thi
264	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM5104	Giá trị sống 2	QT20DBE1	BA201E	17	QT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
265	TH037	Trần Trung Kiệt	MATH1314	Giải tích	DH22CS01	CS2201	96	CB	19/05/2023	3	NK	
266	GV114	Võ Thanh Hải	MATH6301	Giải tích	DH22CS01C	CS2201C	53	CB	24/05/2023	4	VVT	
267	TH063	Trịnh Thị Thanh Hải	MATH1314	Giải tích	DH22CS02	CS2202	96	CB	19/05/2023	3	NK	
268	GV735	Trần Hồng Mơ	MATH1314	Giải tích	DH22EC01	EC2201	77	CB	19/05/2023	3	MTL	
269	TH063	Trịnh Thị Thanh Hải	MATH6301	Giải tích	DH22EC01C	EC2201C	31	CB	24/05/2023	4	VVT	
270	GV735	Trần Hồng Mơ	MATH1314	Giải tích	DH22EC02	EC2202	77	CB	19/05/2023	3	MTL	
271	TH063	Trịnh Thị Thanh Hải	MATH6301	Giải tích	DH22EC02C	EC2202C	35	CB	24/05/2023	4	VVT	
272	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH1314	Giải tích	DH22EC03	EC2203	49	CB	19/05/2023	4	MTL	
273	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH1314	Giải tích	DH22IM01	IM2201	94	CB	19/05/2023	4	NK	
274	TH063	Trịnh Thị Thanh Hải	MATH1314	Giải tích	DH22IM02	IM2202	95	CB	19/05/2023	3	NK	
275	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH1314	Giải tích	DH22IT01	IT2201	89	CB	19/05/2023	4	NK	
276	TH037	Trần Trung Kiệt	MATH1314	Giải tích	DH22IT02	IT2202	91	CB	19/05/2023	3	NK	
277	GV671	Hà Minh Tuấn	MATH1314	Giải tích	DH22IT03	IT2203	88	CB	19/05/2023	4	NK	
278	TH037	Trần Trung Kiệt	MATH1314	Giải tích	DH22PM01	PM2201	31	CB	19/05/2023	4	MTL	
279	NN269	Nguyễn Châu Bích Tuyền	ENGL1269	Giảng dạy qua chuyện kể, kịch	HC21ET01	ET211H	16	NN				Khoa tổ chức thi
280	QT601	Hoàng Thị Ngân	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22BA01	BA2201	70	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
281	QT437	Trần Kiêm Việt Thắng	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22BA02	BA2202	70	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
282	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22BA03	BA2203	70	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
283	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22BA04	BA2204	61	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
284	QT471	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	BADM2311	Giao tiếp trong kinh doanh	LK21FLAC	FL21AC	2	DB				Khoa tổ chức thi
285	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22HM01	HM2201	50	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
286	QT437	Trần Kiêm Việt Thắng	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22HM02	HM2202	50	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
287	DN070	Hoàng Thị Thu Hà	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22IB01	IB2201	70	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
288	DN070	Hoàng Thị Thu Hà	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22IB02	IB2202	70	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
289	QT437	Trần Kiêm Việt Thắng	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22LG01	LG2201	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
290	QT601	Hoàng Thị Ngân	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22MK01	MK2201	67	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
291	DN070	Hoàng Thị Thu Hà	BADM1368	Giao tiếp trong kinh doanh	DH22MK02	MK2202	66	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
292	QT562	Lê Thị Huệ Linh	BADM1391	Hành vi khách hàng	DH21MK01	MK2101	75	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
293	QT562	Lê Thị Huệ Linh	BADM1391	Hành vi khách hàng	DH21MK02	MK2102	81	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
294	QT562	Lê Thị Huệ Linh	BADM1391	Hành vi khách hàng	DH21MK03	MK2103	82	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
295	QT172	Nguyễn Quang Vinh	BADM1370	Hành vi tổ chức	DH19QT01	BA1901	50	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
296	QT172	Nguyễn Quang Vinh	BADM1370	Hành vi tổ chức	DH19QT02	BA1902	35	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
297	QT172	Nguyễn Quang Vinh	BADM1370	Hành vi tổ chức	DH20XH01	SC2001	97	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
298	QT172	Nguyễn Quang Vinh	BADM1370	Hành vi tổ chức	DH20XH02	SC2002	98	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
299	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO1355	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	DH20KT01	AC2001	48	KK	15/05/2023	2	NK	
300	KK066	Trần Đình Sơn Anh Minh	ACCO1355	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	DH20KT02	AC2002	48	KK	15/05/2023	2	NK	
301	KK066	Trần Đình Sơn Anh Minh	ACCO1355	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	DH20KT03	AC2003	47	KK	15/05/2023	2	NK	
302	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO1355	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	DH20KT02	AC2004	38	KK	15/05/2023	2	NK	
303	KK016	Vũ Quốc Thông	ACCO1355	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	HC21AC01	AC211H	15	KK	14/05/2023	3	VVT	
304	KK016	Vũ Quốc Thông	ACCO6307	Hệ thống thông tin kế toán 1	KT20DBE1	AC201E	13	KK	17/05/2023	2	VVT	Khoa tổ chức thi
305	KT149	Trần Minh Ngọc	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	DH20KT01	AC2001	39	KK	15/05/2023	4	NK	
306	KT149	Trần Minh Ngọc	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	DH20KT02	AC2002	48	KK	15/05/2023	4	NK	
307	KT149	Trần Minh Ngọc	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	DH20KT03	AC2003	48	KK	15/05/2023	4	NK	
308	KT149	Trần Minh Ngọc	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	DH20KT01	AC2004	19	KK	15/05/2023	4	NK	
309	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	DH20KT02	AC2005	39	KK	15/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
310	KK016	Vũ Quốc Thông	ACCO6308	Hệ thống thông tin kế toán 2	KT20DB01	AC201C	40	KK	18/05/2023	4	VVT	
311	KK016	Vũ Quốc Thông	ACCO6308	Hệ thống thông tin kế toán 2	KT20DB02	AC202C	38	KK	18/05/2023	4	VVT	
312	KK016	Vũ Quốc Thông	ACCO6308	Hệ thống thông tin kế toán 2	KT20DB03	AC203C	40	KK	18/05/2023	4	VVT	
313	SH040	Nguyễn Minh Hoàng	CHEM1302	Hóa học phân tích & Hóa hữu cơ	DH22BT01	BT2201	95	SH	23/05/2023	4	NK	
314	SH040	Nguyễn Minh Hoàng	CHEM1302	Hóa học phân tích & Hóa hữu cơ	DH22BT02	BT2202	87	SH	23/05/2023	4	NK	
315	SH159	Nguyễn Thị Lệ Thủy	CHEM1304	Hóa hữu cơ	DH22FT01	FT2201	81	SH	31/05/2023	1	NK	
316	SH159	Nguyễn Thị Lệ Thủy	CHEM1304	Hóa hữu cơ	DH22FT02	FT2202	90	SH	31/05/2023	1	NK	
317	SH159	Nguyễn Thị Lệ Thủy	CHEM6302	Hóa hữu cơ và Hóa phân tích	DH22BT01C	BT2201C	27	SH	17/05/2023	3	VVT	
318	SH159	Nguyễn Thị Lệ Thủy	BIOT2365	Hóa sinh học thực phẩm	DH20FT01	FT2001	33	SH	31/05/2023	3	NK	
319	SH263	Nguyễn Thị Phương Khanh	FOOD1303	Hóa sinh học thực phẩm	DH21FT01	FT2101	42	SH	31/05/2023	3	NK	
320	SH263	Nguyễn Thị Phương Khanh	FOOD1303	Hóa sinh học thực phẩm	DH21FT02	FT2102	46	SH	31/05/2023	3	NK	
321	QT591	Trần Thị Bích Ngọc	TOUR1118	Hoạt náo trong du lịch	DH21TO01	TO2101	57	QT				Khoa tổ chức thi
322	QT591	Trần Thị Bích Ngọc	TOUR1118	Hoạt náo trong du lịch	DH22TO01	TO2201	62	QT				Khoa tổ chức thi
323	SH192	Nguyễn Kim Phi Phụng	BIOT4204	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	SH20DB01	BT201C	8	SH	09/05/2023	2	VVT	
324	NN226	Lê Kim Long	JAPA2206	Kanji - Đọc hiểu I	DH21JL01	JL2101	39	NN	09/05/2023	3	NK	
325	NN495	Trần Lê Thùy Anh	JAPA2206	Kanji - Đọc hiểu I	DH21JL02	JL2102	34	NN	09/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
326	NN579	Phan Châu Phương Anh	JAPA2206	Kanji - Đọc hiểu I	DH21JL03	JL2103	39	NN	09/05/2023	3	NK	
327	NN054	Huỳnh Minh Hiền	JAPA1225	Kanji - Đọc hiểu IV	DH20NB01	JL2001	40	NN	08/05/2023	3	NK	
328	NN054	Huỳnh Minh Hiền	JAPA1225	Kanji - Đọc hiểu IV	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	40	NN	08/05/2023	3	NK	
329	NN206	Lý Khánh Hùng	JAPA1225	Kanji - Đọc hiểu IV	DH20NB03	JL2003	40	NN	08/05/2023	3	NK	
330	NN663	Võ Thị Kim Chi	JAPA5202	Kanji - Đọc hiểu trung cấp 2	DH21JL01C	JL211C	31	NN	09/05/2023	1	VVT	
331	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO4301	Kế toán chi phí	DH21AC01	AC2101	63	KK	22/05/2023	2	NK	
332	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO4301	Kế toán chi phí	DH21AC02	AC2102	64	KK	22/05/2023	2	NK	
333	KT158	Hoàng Huy Cường	ACCO4301	Kế toán chi phí	DH21AU01	AU2101	48	KK	22/05/2023	2	NK	
334	KK037	Nguyễn Hoàng Phi Nam	ACCO4301	Kế toán chi phí	DH21AU02	AU2102	50	KK	22/05/2023	2	NK	
335	KK062	Hồ Thị Bích Nhơn	ACCO1344	Kế toán hành chính sự nghiệp	DH20KT01	AC2001	38	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
336	KK029	Trần Thị Vinh	ACCO1344	Kế toán hành chính sự nghiệp	DH20KT02	AC2002	65	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
337	KK071	Lâm Thị Mỹ Yến	ACCO1344	Kế toán hành chính sự nghiệp	DH20KT03	AC2003	65	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
338	KT025	Nguyễn Quốc Anh	ACCO6312	Kế toán ngân hàng	DH20BK01C	BK2001C	48	KK	17/05/2023	4	VVT	
339	KT025	Nguyễn Quốc Anh	ACCO6312	Kế toán ngân hàng	DH20BK02C	BK2002C	46	KK	17/05/2023	4	VVT	
340	KT025	Nguyễn Quốc Anh	ACCO6312	Kế toán ngân hàng	DH20BK03C	BK2003C	48	KK	17/05/2023	4	VVT	
341	KK052	Nguyễn Bảo Châu	ACCO1330	Kế toán quản trị	HC21AC01	AC211H	17	KK	07/05/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
342	KK015	Lý Nguyễn Thu Ngọc	ACCO1330	Kế toán quản trị	DH20CF01	CF2001	70	KK	17/05/2023	2	NK	
343	KK065	Nguyễn Anh Hoàng Sơn	ACCO5326	Kế toán quản trị	DH20CF01C	CF2001C	46	KK	16/05/2023	3	VVT	
344	KK015	Lý Nguyễn Thu Ngọc	ACCO1330	Kế toán quản trị	DH20CF02	CF2002	61	KK	17/05/2023	2	NK	
345	KK066	Trần Đình Sơn Anh Minh	ACCO5326	Kế toán quản trị	DH20CF02C	CF2002C	45	KK	16/05/2023	3	VVT	
346	KT158	Hoàng Huy Cường	ACCO5326	Kế toán quản trị	DH20CF03C	CF2003C	37	KK	16/05/2023	3	VVT	
347	KK065	Nguyễn Anh Hoàng Sơn	ACCO5326	Kế toán quản trị	DH20CF03C	CF2004C	35	KK	16/05/2023	3	VVT	
348	KK066	Trần Đình Sơn Anh Minh	ACCO5326	Kế toán quản trị	TN20DBE1	FB201E	14	KK	16/05/2023	3	VVT	
349	KK052	Nguyễn Bảo Châu	ACCO5317	Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)	DH21AC01C	AC211C	46	KK	21/05/2023	3	VVT	
350	KK052	Nguyễn Bảo Châu	ACCO5317	Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)	DH21AC02C	AC212C	47	KK	21/05/2023	3	VVT	
351	KK065	Nguyễn Anh Hoàng Sơn	ACCO5317	Kế toán quản trị căn bản 1 (TA)	DH21AC03C	AC213C	50	KK	21/05/2023	3	VVT	
352	KK072	Nguyễn Tấn Đạt	ACCO3317	Kế toán quốc tế 1	HC21AC01	AC211H	9	KK	04/06/2023	1	VVT	
353	KK072	Nguyễn Tấn Đạt	ACCO1332	Kế toán quốc tế 1	DH19TN01	CF1901	59	KK	16/05/2023	2	NK	
354	KK072	Nguyễn Tấn Đạt	ACCO1346	Kế toán quốc tế 2	DH20KK01	AU2001	48	KK	18/05/2023	3	NK	
355	KK072	Nguyễn Tấn Đạt	ACCO1346	Kế toán quốc tế 2	DH20KK02	AU2002	62	KK	18/05/2023	3	NK	
356	KK071	Lâm Thị Mỹ Yến	ACCO2310	Kế toán tài chính 1	DH21FB01	FB2101	86	KK	14/05/2023	2	NK	
357	KK071	Lâm Thị Mỹ Yến	ACCO2310	Kế toán tài chính 1	DH21FB02	FB2102	86	KK	14/05/2023	2	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
358	KT027	Ngô Hoàng Điệp	ACCO6301	Kế toán tài chính 1	DH21FB01C	FB211C	48	KK	15/05/2023	2	VVT	
359	KK067	Đỗ Phương Thảo	ACCO6301	Kế toán tài chính 1	DH21FB02C	FB212C	51	KK	15/05/2023	2	VVT	
360	KK025	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ACCO6301	Kế toán tài chính 1	DH21FB03C	FB213C	51	KK	15/05/2023	2	VVT	
361	KK025	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ACCO6301	Kế toán tài chính 1	DH21FB04C	FB214C	51	KK	15/05/2023	2	VVT	
362	KT158	Hoàng Huy Cường	ACCO6302	Kế toán tài chính 2	DH21AC01C	AC211C	50	KK	17/05/2023	3	VVT	
363	KT158	Hoàng Huy Cường	ACCO6302	Kế toán tài chính 2	DH21AC02C	AC212C	50	KK	17/05/2023	3	VVT	
364	KK025	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ACCO6302	Kế toán tài chính 2	DH21AC03C	AC213C	53	KK	17/05/2023	3	VVT	
365	KK056	Đinh Thị Thu Hiền	ACCO1335	Kế toán tài chính 3	DH21AC01	AC2101	64	KK	01/06/2023	4	NK	
366	KT053	Trần Tuyết Thanh	ACCO1335	Kế toán tài chính 3	DH21AC02	AC2102	64	KK	01/06/2023	4	NK	
367	KK056	Đinh Thị Thu Hiền	ACCO1335	Kế toán tài chính 3	DH21AU01	AU2101	51	KK	01/06/2023	4	NK	
368	KT053	Trần Tuyết Thanh	ACCO1335	Kế toán tài chính 3	DH21AU02	AU2102	53	KK	01/06/2023	4	NK	
369	KT158	Hoàng Huy Cường	ACCO6304	Kế toán tài chính 4	KT20DBE1	AC201E	9	KK	21/05/2023	2	VVT	
370	KK045	Phạm Minh Vương	ACCO5306	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	KT20DB01	AC201C	42	KK	16/05/2023	4	VVT	
371	KK045	Phạm Minh Vương	ACCO5306	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	KT20DB02	AC202C	40	KK	16/05/2023	4	VVT	
372	KK045	Phạm Minh Vương	ACCO5306	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	KT20DB03	AC203C	42	KK	16/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
373	KK045	Phạm Minh Vương	ACCO1347	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	DH20KK01,DH20KK02	AU2001	1	KK	16/05/2023	4	VVT	Học ghép với nhóm lớp: ACCO5306, AC201C
374	KK045	Phạm Minh Vương	ACCO5306	Kế toán tài chính quốc tế 2 (TA)	KT20DB04	AU201C	53	KK	16/05/2023	4	VVT	
375	KT027	Ngô Hoàng Điệp	ACCO6305	Kế toán thuế 1	KT20DB01	AC201C	33	KK	24/05/2023	1	VVT	
376	KK067	Đỗ Phương Thảo	ACCO6305	Kế toán thuế 1	KT20DBE1	AC201E	12	KK	24/05/2023	1	VVT	
377	KT006	Phạm Quốc Thuần	ACCO6305	Kế toán thuế 1	KT20DB02	AC202C	41	KK	24/05/2023	1	VVT	
378	KK067	Đỗ Phương Thảo	ACCO6305	Kế toán thuế 1	KT20DB03	AC203C	42	KK	24/05/2023	1	VVT	
379	KK067	Đỗ Phương Thảo	ACCO2311	Kế toán thuế 1	HC21AC01	AC211H	9	KK	04/06/2023	2	VVT	
380	KT006	Phạm Quốc Thuần	ACCO6305	Kế toán thuế 1	KT20DB04	AU201C	51	KK	24/05/2023	1	VVT	
381	KT157	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	ACCO1338	Kế toán thuế 2	DH20KT01	AC2001	65	KK	17/05/2023	3	NK	
382	KT027	Ngô Hoàng Điệp	ACCO1338	Kế toán thuế 2	DH20KT02	AC2002	65	KK	17/05/2023	3	NK	
383	KT157	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	ACCO1338	Kế toán thuế 2	DH20KT03	AC2003	65	KK	17/05/2023	3	NK	
384	KT157	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	ACCO1338	Kế toán thuế 2	DH20KK01	AU2001	31	KK	17/05/2023	3	NK	
385	KK025	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ACCO1338	Kế toán thuế 2	DH20KK02	AU2002	62	KK	17/05/2023	3	NK	
386	CT311	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	CENG6303	Kết cấu bê tông cốt thép 1	DH21CE01C	CE211C	10	KT	18/05/2023	4	VVT	
387	CT272	Phan Vũ Phương	CENG1235	Kết cấu bê tông cốt thép 3	DH20XD01	CE2001	59	KT	23/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
388	CT022	Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	CENG1235	Kết cấu bê tông cốt thép 3	DH20CE02	CE2002	46	KT	24/05/2023	2	NK	
389	CT277	Nguyễn Phú Cường	CENG6304	Kết cấu thép 1	DH21CE01C	CE211C	10	KT	21/05/2023	4	VVT	
390	NN187	La Thị Thúy Hiền	CHIN1254	Khẩu ngữ nâng cao	DH20HV01	CL2001	34	NN				Khoa tổ chức thi
391	NN187	La Thị Thúy Hiền	CHIN1254	Khẩu ngữ nâng cao	DH20HV02	CL2002	34	NN				Khoa tổ chức thi
392			CMAN4699	Khóa luận tốt nghiệp	DH19QX01	CM1901	47	KT				Khoa tổ chức thi
393	KK007	Lê Thị Thanh Xuân	ACCO1350	Kiểm soát nội bộ	DH20KK01	AU2001	60	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
394	KK007	Lê Thị Thanh Xuân	ACCO1350	Kiểm soát nội bộ	DH20KK02	AU2002	56	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
395	TH115	Phan Trần Minh Khuê	ITEC4415	Kiểm thử phần mềm	DH20IT01	IT2001	66	TH	25/05/2023	1	NK	
396	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC4415	Kiểm thử phần mềm	DH20IT02	IT2002	70	TH	25/05/2023	1	NK	
397	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC4415	Kiểm thử phần mềm	DH20IT03	IT2003	70	TH	25/05/2023	1	NK	
398	KK068	Điền Văn Châu	ACCO3302	Kiểm toán 1	HC21AC01	AC211H	10	KK	21/05/2023	1	VVT	
399	KK056	Đinh Thị Thu Hiền	ACCO1329	Kiểm toán 1	DH20KK01	AU2001	62	KK	24/05/2023	4	NK	
400	KK056	Đinh Thị Thu Hiền	ACCO1329	Kiểm toán 1	DH20KK02	AU2002	57	KK	24/05/2023	4	NK	
401	KK007	Lê Thị Thanh Xuân	ACCO6318	Kiểm toán 1	DH20CF01C	CF2001C	45	KK	25/05/2023	2	VVT	
402	KK007	Lê Thị Thanh Xuân	ACCO6318	Kiểm toán 1	DH20CF02C	CF2002C	41	KK	25/05/2023	2	VVT	
403	KK007	Lê Thị Thanh Xuân	ACCO6318	Kiểm toán 1	DH20CF03C	CF2003C	36	KK	25/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
404	KK061	Hồ Hữu Thụy	ACCO5307	Kiểm toán 1 (TA)	KT20DB01	AC201C	42	KK	15/05/2023	1	VVT	
405	KK061	Hồ Hữu Thụy	ACCO5307	Kiểm toán 1 (TA)	KT20DBE1	AC201E	9	KK	15/05/2023	1	VVT	
406	KK061	Hồ Hữu Thụy	ACCO5307	Kiểm toán 1 (TA)	KT20DB02	AC202C	36	KK	15/05/2023	1	VVT	
407	KK061	Hồ Hữu Thụy	ACCO5307	Kiểm toán 1 (TA)	KT20DB03	AC203C	42	KK	15/05/2023	1	VVT	
408	KK061	Hồ Hữu Thụy	ACCO5307	Kiểm toán 1 (TA)	KT20DB04	AU201C	54	KK	15/05/2023	1	VVT	
409	CT318	Phạm Anh Hào	CENG1217	Kiến trúc dân dụng	DH21CE01	CE2101	86	KT	02/06/2023	4	NK	
410	CT318	Phạm Anh Hào	CENG1217	Kiến trúc dân dụng	DH20XD02	CE2102	73	KT	02/06/2023	4	NK	
411	CT275	Nguyễn Bảo Thành	CENG5206	Kiến trúc dân dụng	XD20DB01	CE201C	5	KT	21/05/2023	4	VVT	
412	TH112	Hồ Văn Thanh	ITEC1201	Kiến trúc máy tính	DH22CS01	CS2201	99	TH	26/05/2023	3	NK	
413	TH112	Hồ Văn Thanh	ITEC1201	Kiến trúc máy tính	DH22CS02	CS2202	101	TH	26/05/2023	3	NK	
414	TH004	Tô Oai Hùng	ITEC1201	Kiến trúc máy tính	DH22IT01	IT2201	95	TH	10/05/2023	4	NK	
415	TH004	Tô Oai Hùng	ITEC1201	Kiến trúc máy tính	DH22IT02	IT2202	98	TH	10/05/2023	4	NK	
416	TH004	Tô Oai Hùng	ITEC1201	Kiến trúc máy tính	DH22IT03	IT2203	98	TH	10/05/2023	4	NK	
417	TH115	Phan Trần Minh Khuê	ITEC5304	Kiến trúc máy tính	DH22CS01C	CS2201C	52	TH	15/05/2023	4	VVT	
418	KT222	Phạm Thu Hương	FINA2346	Kinh doanh ngoại hối	DH20BK01	BK2001	71	TC	16/05/2023	1	NK	
419	QT080	Nguyễn Thị Bích Phượng	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH20QT01	BA2001	22	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
420	QT080	Nguyễn Thị Bích Phụng	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH20QT02	BA2002	68	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
421	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH20QT03	BA2003	71	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
422	QT600	Lê Thị Kim Khang	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH21IB01	IB2101	63	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
423	QT080	Nguyễn Thị Bích Phụng	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH21IB02	IB2102	62	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
424	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH21IB03	IB2103	62	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
425	QT600	Lê Thị Kim Khang	BADM1385	Kinh doanh quốc tế	DH20LG01	LG2001	64	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
426	NN181	Ina Chisato	JAPA1253	Kính ngữ trong tiếng Nhật	DH20NB01	JL2001	45	NN				Khoa tổ chức thi
427	NN181	Ina Chisato	JAPA1253	Kính ngữ trong tiếng Nhật	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	38	NN				Khoa tổ chức thi
428	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1253	Kính ngữ trong tiếng Nhật	DH20NB03	JL2003	44	NN				Khoa tổ chức thi
429	GV598	Nguyễn Thị Thanh Liên	POLI1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DH21CS01	CS2101	69	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
430	GV598	Nguyễn Thị Thanh Liên	POLI1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DH21CS02	CS2102	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
431	GV660	Nguyễn Thị Giang	POLI1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DH21IM01	IM2101	55	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
432	GV660	Nguyễn Thị Giang	POLI1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DH21IM02	IM2102	55	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
433	GV724	Nguyễn Thị Hồng Phương	POLI1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DH21LG01	LG2101	61	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
434	KI152	Phạm Thị Ngọc Sương	ECON2325	Kinh tế công	DH20KI01	EI2001	72	KI	15/05/2023	1	MTL	
435	KI152	Phạm Thị Ngọc Sương	ECON2325	Kinh tế công	DH20KI02	EI2002	55	KI	15/05/2023	1	MTL	
436	KI152	Phạm Thị Ngọc Sương	ECON2325	Kinh tế công	DH20KI03	IE2001	90	KI	15/05/2023	1	MTL	
437	KI074	Lê Công Tâm	SEAS2301	Kinh tế học đại cương	DH22IM01	IM2201	90	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
438	KI074	Lê Công Tâm	SEAS2301	Kinh tế học đại cương	DH22IM02	IM2202	89	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
439	KI074	Lê Công Tâm	SEAS2301	Kinh tế học đại cương	DH22SC01	SC2201	76	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
440	KI239	Đoàn Bảo Sơn	SEAS2301	Kinh tế học đại cương	DH22SC02	SC2202	79	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
441	KI236	Bùi Đức Nhã	ECON1319	Kinh tế học tài chính	DH21EC01	EC2101	64	KI	30/05/2023	3	MTL	
442	KI236	Bùi Đức Nhã	ECON1319	Kinh tế học tài chính	DH21EC02	EC2102	65	KI	30/05/2023	3	MTL	
443	KI236	Bùi Đức Nhã	ECON1319	Kinh tế học tài chính	DH21EC03	EC2103	65	KI	30/05/2023	3	MTL	
444	KI212	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Uyên	ECON2333	Kinh tế lao động	DH20QX01	CM2001	40	KI	31/05/2023	4	NK	
445	KI212	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Uyên	ECON2333	Kinh tế lao động	DH20QX02	CM2002	32	KI	31/05/2023	4	NK	
446	KI217	Lê Kiên	ECON1316	Kinh tế lượng	DH21EC01	EC2101	65	KI	29/05/2023	4	MTL	
447	KI217	Lê Kiên	ECON1316	Kinh tế lượng	DH21EC02	EC2102	64	KI	29/05/2023	4	MTL	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
448	KI239	Đoàn Bảo Sơn	ECON1316	Kinh tế lượng	DH21EC03	EC2103	65	KI	29/05/2023	4	MTL	
449	KI239	Đoàn Bảo Sơn	ECON1316	Kinh tế lượng	DH21IM01	IM2101	55	KI	15/05/2023	2	NK	
450	KI239	Đoàn Bảo Sơn	ECON1316	Kinh tế lượng	DH21IM02	IM2102	45	KI	15/05/2023	2	NK	
451	KI209	Tổng Hồng Lam	ECON2326	Kinh tế môi trường	DH20KI01	EI2001	54	KI	18/05/2023	1	MTL	
452	KI209	Tổng Hồng Lam	ECON2326	Kinh tế môi trường	DH20KI02	EI2002	71	KI	18/05/2023	1	MTL	
453	KI209	Tổng Hồng Lam	ECON2326	Kinh tế môi trường	DH20KI03	IE2001	87	KI	18/05/2023	1	MTL	
454	QT194	Nguyễn Văn Sơn	ECON2334	Kinh tế quốc tế nâng cao	DH20KI03	IE2001	70	KI	21/05/2023	3	MTL	
455	QT194	Nguyễn Văn Sơn	ECON2334	Kinh tế quốc tế nâng cao	DH20KI03	IE2002	61	KI	21/05/2023	3	MTL	
456	NN161	Đoàn Hồ Đan Tâm	ENGL1363	Kinh tế vi mô	DH20AV01	EL2001	45	NN	21/05/2023	2	NK	
457	NN161	Đoàn Hồ Đan Tâm	ENGL1363	Kinh tế vi mô	DH20AV03	EL2003	41	NN	21/05/2023	2	NK	
458	KI212	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tô Quyên	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB01	EL201C	35	NN	23/05/2023	2	VVT	
459	QT106	Lê Thị Kim Dung	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB02	EL202C	31	NN	23/05/2023	2	VVT	
460	KI192	Dương Tiến Hà My	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB03	EL203C	27	NN	23/05/2023	2	VVT	
461	QT106	Lê Thị Kim Dung	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB04	EL204C	29	NN	23/05/2023	2	VVT	
462	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB05	EL205C	27	NN	22/05/2023	5	VVT	
463	QT106	Lê Thị Kim Dung	ENGL5321	Kinh tế Vi mô	TA20DB06	EL206C	32	NN	23/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
464	GV310	Bùi Anh Sơn	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22AC01	AC2201	87	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
465	KI233	Hồ Thanh Trúc	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22AC02	AC2202	87	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
466	KI156	Nguyễn Thị Phúc Doang	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22AC03	AC2203	87	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
467	GV310	Bùi Anh Sơn	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22AU01	AU2201	80	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
468	GV310	Bùi Anh Sơn	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22AU02	AU2202	80	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
469	KI152	Phạm Thị Ngọc Sương	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22EC01	EC2201	76	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
470	KI209	Tổng Hồng Lam	ECON6302	Kinh tế vi mô	DH22EC01C	EC2201C	50	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
471	KI152	Phạm Thị Ngọc Sương	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22EC02	EC2202	54	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
472	KI192	Dương Tiến Hà My	ECON6302	Kinh tế vi mô	DH22EC02C	EC2202C	49	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
473	KI192	Dương Tiến Hà My	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22EC03	EC2203	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
474	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	ECON5302	Kinh tế Vi mô	LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	FL22BA	11	DB	22/05/2023	5	VVT	
475	KI209	Tổng Hồng Lam	ECON1301	Kinh tế vi mô	DH22PM01	PM2201	36	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
476	KI192	Dương Tiến Hà My	ECON5302	Kinh tế Vi mô	LK22ROVN	VN2201	14	KI	23/05/2023	2	VVT	
477	KI241	Lê Văn Phong	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA01	BA2201	73	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
478	KI245	Đoàn Thị Thủy	ECON6303	Kinh tế vĩ mô	DH22BA01C	BA2201C	44	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
479	KI244	Phạm Năng Thắng	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA02	BA2202	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
480	KI244	Phạm Năng Thắng	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA02	BA2202	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
481	KI184	Lê Thanh Tùng	ECON6303	Kinh tế vĩ mô	DH22BA02C	BA2202C	47	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
482	KI241	Lê Văn Phong	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA03	BA2203	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
483	KI241	Lê Văn Phong	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA03	BA2203	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
484	GV310	Bùi Anh Sơn	ECON6303	Kinh tế vĩ mô	DH22BA03C	BA2203C	46	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
485	KI241	Lê Văn Phong	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22BA04	BA2204	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
486	KI074	Lê Công Tâm	ECON6303	Kinh tế vĩ mô	DH22BA04C	BA2204C	44	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
487	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON6303	Kinh tế vĩ mô	DH22BA05C	BA2205C	42	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
488	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22FB01	FB2201	91	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
489	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22FB01	FB2201	91	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
490	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22FB02	FB2202	89	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
491	KI241	Lê Văn Phong	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22FB03	FB2203	90	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
492	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22HM01	HM2201	62	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
493	QT106	Lê Thị Kim Dung	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22HM02	HM2202	63	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
494	KI074	Lê Công Tâm	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22IB01	IB2201	74	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
495	GV310	Bùi Anh Sơn	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22IB02	IB2202	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
496	KI244	Phạm Năng Thắng	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22LG01	LG2201	27	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
497	KI235	Trần Mạnh Kiên	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22MK01	MK2201	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
498	KI244	Phạm Năng Thắng	ECON1302	Kinh tế vĩ mô	DH22MK02	MK2202	75	KI				Phòng Khảo thí tổ chức thi
499	KI234	Phạm Văn Quỳnh	ECON1321	Kinh tế vĩ mô nâng cao	DH21EC01	EC2101	64	KI	01/06/2023	3	MTL	
500	KI234	Phạm Văn Quỳnh	ECON1321	Kinh tế vĩ mô nâng cao	DH21EC02	EC2102	64	KI	01/06/2023	3	MTL	
501	KI245	Đoàn Thị Thủy	ECON1321	Kinh tế vĩ mô nâng cao	DH21EC03	EC2103	65	KI	01/06/2023	3	MTL	
502	CT126	Nguyễn Thanh Phong	CENG2319	Kinh tế xây dựng	DH20XD01	CE2001	55	KT	30/05/2023	4	NK	
503	CT126	Nguyễn Thanh Phong	CENG2319	Kinh tế xây dựng	DH20CE02	CE2002	44	KT	30/05/2023	4	NK	
504	CT205	Trương Đình Nhật	CENG5301	Kinh tế xây dựng	XD20DB01	CE201C	5	KT	23/05/2023	5	VVT	
505	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM1105	Kỹ năng 5:Trả lời PV& Xin việc	LK21ROVN	VN2101	18	QT				Khoa tổ chức thi
506	NN642	Hồng Nguyệt Bình	CHIN1335	Kỹ năng đọc 3	DH21CL01	CL2101	36	NN	17/05/2023	1	NK	
507	NN304	Gịp Tú Anh	CHIN1335	Kỹ năng đọc 3	DH21CL02	CL2102	25	NN	17/05/2023	1	NK	
508	NN117	Trần Khai Xuân	CHIN5311	Kỹ năng đọc nâng cao 2	DH21CL01C	CL211C	37	NN	17/05/2023	1	VVT	
509	NN583	Nguyễn Thành Luân	EDUC1201	Kỹ năng học tập	LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	FL22BA	15	DB	31/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
510	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	GENG2538	Kỹ năng làm bài IELTS	LK21BO01,LK21FLBA,LK21FLEL	BO2101	14	DB	04/05/2023	1	VVT	
511	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	GENG2538	Kỹ năng làm bài IELTS	LK21BO01,LK21FLBA,LK21FLEL	BO2101	14	DB	04/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
512	AV204	Ngô Thị Bạch Loan	ENGL1274	Kỹ năng làm bài thi TOEFL (Paper Test)	HC21BE01	BE211H	2	NN				Khoa tổ chức thi
513	NN140	Châu A Phí	CHIN0203	Kỹ năng nghe hiểu 1	DH22CL01C	CL2201C	35	NN	11/05/2023	3	VVT	
514	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1328	Kỹ năng nghe hiểu 2	DH22CL01	CL2201	48	NN	29/05/2023	4	NK	
515	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1328	Kỹ năng nghe hiểu 2	DH22CL02	CL2202	43	NN	29/05/2023	4	NK	
516	NN409	Lê Minh Thanh	CHIN5305	Kỹ năng nghe hiểu nâng cao 2	DH21CL01C	CL211C	38	NN	18/05/2023	1	VVT	
517	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1331	Kỹ năng nói 2	DH22CL01	CL2201	48	NN				Khoa tổ chức thi
518	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1331	Kỹ năng nói 2	DH22CL02	CL2202	44	NN				Khoa tổ chức thi
519	NN142	Vương Huệ Nghi	CHIN5309	Kỹ năng nói nâng cao 3	DH21CL01C	CL211C	37	NN				Khoa tổ chức thi
520	KI223	Phạm Thị Minh Anh	BLAW3311	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	B220XD1A	CE201B	71	LA	07/05/2023	2	VVT	
521	KI178	Phạm Huy Tiến	BLAW1228	Kỹ năng soạn thảo văn bản	DH21BL01	BL2101	75	LA	21/05/2023	2	NK	
522	KI178	Phạm Huy Tiến	BLAW1228	Kỹ năng soạn thảo văn bản	DH21BL02	BL2102	67	LA	21/05/2023	2	NK	
523	NN395	Nguyễn Thủy Tiên	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB01	EL201C	34	NN				Khoa tổ chức thi
524	NN016	Nguyễn Như Quỳnh	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB02	EL202C	31	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
525	NN395	Nguyễn Thủy Tiên	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB03	EL203C	27	NN				Khoa tổ chức thi
526	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB04	EL204C	32	NN				Khoa tổ chức thi
527	NN647	Lưu Nguyễn Đức Minh	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB05	EL205C	25	NN				Khoa tổ chức thi
528	NN425	Võ Hoàng Kim Ngân	ENGL5214	Kỹ năng thuyết trình	TA20DB06	EL206C	31	NN				Khoa tổ chức thi
529	NN579	Phan Châu Phương Anh	JAPA2203	Kỹ năng viết 1	DH21JL01	JL2101	38	NN	10/05/2023	2	NK	
530	NN517	Noriyuki Goto	JAPA2203	Kỹ năng viết 1	DH21JL02	JL2102	40	NN	10/05/2023	2	NK	
531	NN438	Mika Ueno	JAPA2203	Kỹ năng viết 1	DH21JL03	JL2103	28	NN	10/05/2023	2	NK	
532	NN117	Trần Khai Xuân	CHIN1338	Kỹ năng viết 2	BH21CL01	CL211B	3	NN	28/05/2023	3	VVT	
533	NN517	Noriyuki Goto	JAPA1229	Kỹ năng Viết IV	DH20NB01	JL2001	40	NN	10/05/2023	1	NK	
534	NN517	Noriyuki Goto	JAPA1229	Kỹ năng Viết IV	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	40	NN	10/05/2023	1	NK	
535	NN438	Mika Ueno	JAPA1229	Kỹ năng Viết IV	DH20NB03	JL2003	38	NN	10/05/2023	1	NK	
536	NN634	Trương Gia Quyền	CHIN5313	Kỹ năng viết nâng cao 2	DH21CL01C	CL211C	38	NN	23/05/2023	2	VVT	
537	KI172	Lê Thị Hồng Nhung	BLAW6203	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	DH21BL01C	BL211C	46	LA	28/05/2023	2	VVT	
538	KI172	Lê Thị Hồng Nhung	BLAW6203	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	DH21BL02C	BL212C	48	LA	28/05/2023	2	VVT	
539			CENG3204	Kỹ thuật đô thị	_DH2018	THI01	1	KT	08/05/2023	3	NK	
540	NN299	Mai Minh Tiến	ENGL1268	Kỹ thuật hỗ trợ giảng dạy	HC21ET01	ET211H	24	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
541	TH115	Phan Trần Minh Khuê	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22CS01	CS2201	96	TH				Khoa tổ chức thi
542	GV345	Lê Hồng Thái	ITEC6402	Kỹ thuật lập trình	DH22CS01C	CS2201C	53	TH				Khoa tổ chức thi
543	TH115	Phan Trần Minh Khuê	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22CS02	CS2202	97	TH				Khoa tổ chức thi
544	GV345	Lê Hồng Thái	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22IM01	IM2201	90	TH				Khoa tổ chức thi
545	GV345	Lê Hồng Thái	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22IM02	IM2202	89	TH				Khoa tổ chức thi
546	TH036	Nguyễn Thị Mai Trang	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22IT01	IT2201	88	TH				Khoa tổ chức thi
547	TH101	Võ Thị Hồng Tuyết	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22IT02	IT2202	85	TH				Khoa tổ chức thi
548	TH115	Phan Trần Minh Khuê	ITEC1504	Kỹ thuật lập trình	DH22IT03	IT2203	88	TH				Khoa tổ chức thi
549	SH478	Nguyễn Thành Hưng	BIOT4405	Kỹ thuật môi trường	DH20AE01	AE2001	19	SH	23/05/2023	1	NK	
550	QT521	Sử Ngọc Hoành	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19KT01	AC1901	75	QT	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
551	QT521	Sử Ngọc Hoành	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19KT02	AC1902	39	QT	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
552	QT521	Sử Ngọc Hoành	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19KK01	AU1901	54	QT	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
553	QT521	Sử Ngọc Hoành	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19KK02	AU1902	22	QT	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
554	QT521	Sử Ngọc Hoành	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19QT02	BA1902	54	QT	31/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận
555	QT602	Nguyễn Thị Nhung	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH19QT03	BA1903	17	QT	31/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận
556	QT602	Nguyễn Thị Nhung	BADM2323	Lập kế hoạch kinh doanh	DH20LG01	LG2001	73	QT	31/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
557	KI162	Phạm Chí Công	ITEC3406	Lập trình cơ sở dữ liệu	DH20IT01	IT2001	80	TH				Khoa tổ chức thi
558	KI162	Phạm Chí Công	ITEC3406	Lập trình cơ sở dữ liệu	DH20IT02	IT2002	76	TH				Khoa tổ chức thi
559	KI162	Phạm Chí Công	ITEC3406	Lập trình cơ sở dữ liệu	DH20IT03	IT2003	78	TH				Khoa tổ chức thi
560	TH036	Nguyễn Thị Mai Trang	ITEC2401	Lập trình giao diện	DH21IM01	IM2101	70	TH	22/05/2023	1	NK	
561	TH036	Nguyễn Thị Mai Trang	ITEC2401	Lập trình giao diện	DH21IM02	IM2102	70	TH	22/05/2023	1	NK	
562	TH036	Nguyễn Thị Mai Trang	ITEC2401	Lập trình giao diện	DH21IT01	IT2101	70	TH	22/05/2023	1	NK	
563	TH036	Nguyễn Thị Mai Trang	ITEC2401	Lập trình giao diện	DH21IT02	IT2102	70	TH	22/05/2023	1	NK	
564	TH117	Nguyễn Thị Huyền Trang	ITEC2401	Lập trình giao diện	DH21IT03	IT2103	70	TH	22/05/2023	1	NK	
565	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC2504	Lập trình hướng đối tượng	DH21CS01	CS2101	100	TH	26/05/2023	1	NK	
566	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC2504	Lập trình hướng đối tượng	DH21CS02	CS2102	100	TH	26/05/2023	1	NK	
567	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC2504	Lập trình hướng đối tượng	DH21CS01,DH21CS02	CS2103	62	TH	26/05/2023	1	NK	
568	TH119	Trần Sơn Hải	ITEC6403	Lập trình hướng đối tượng	DH21CS01C	CS211C	32	TH	19/05/2023	5	VVT	
569	TH119	Trần Sơn Hải	ITEC6403	Lập trình hướng đối tượng	DH21CS02C	CS212C	34	TH	19/05/2023	5	VVT	
570	TH100	Dương Hữu Thành	ITEC4407	Lập trình Java	DH19IT03, DH19IT02, DH19IT01	IT1901	74	TH				Khoa tổ chức thi
571	TH071	Lưu Quang Phương	ITEC3408	Lập trình mạng	DH20CS02, DH20CS01	CS2001	56	TH				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
572	NN220	Bùi Thị Thục Quyên	ENGL1352	Lịch sử các phương pháp giảng dạy tiếng Anh	LK21FLEL	FL21EL	8	DB	21/05/2023	4	VVT	
573	GV697	Nguyễn Văn Linh	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20QT01	BA2001	15	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
574	GV697	Nguyễn Văn Linh	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20QT02	BA2002	69	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
575	GV736	Phạm Văn Lương	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20QT03	BA2003	66	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
576	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LK20DB01	BL201C	38	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
577	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LK20DB02	BL202C	37	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
578	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LK20DB03,SH20DB01	BL203C	43	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
579	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20NL01	HM2001	21	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
580	GV736	Phạm Văn Lương	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20KQ01	IB2001	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
581	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20KQ02	IB2002	36	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
582	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QT20DB04	IB201C	50	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
583	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QT20DB05	IB202C	52	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
584	GV683	Đinh Thị Nguyệt Nga	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20LG01	LG2001	65	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
585	GV683	Đinh Thị Nguyệt Nga	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20MK01	MK2001	37	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
586	GV697	Nguyễn Văn Linh	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20MK02	MK2002	37	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
587	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QT20DB01	MK201C	54	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
588	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QT20DB02	MK202C	55	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
589	GV636	Trần Duy Mỹ	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	QT20DB03	MK203C	53	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
590	GV697	Nguyễn Văn Linh	POLI1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DH20DL01	TO2001	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
591	QT140	Bùi Ngọc Tuyền	BLAW1218	Luật Công ty	DH20CF01	CF2001	70	LA	02/06/2023	2	NK	
592	QT195	Trần Huỳnh Thanh Nghị	BLAW6215	Luật Công ty	DH20CF01C	CF2001C	45	LA	04/06/2023	2	VVT	
593	QT140	Bùi Ngọc Tuyền	BLAW1218	Luật Công ty	DH20CF02	CF2002	67	LA	02/06/2023	2	NK	
594	KI182	Lê Thị Tuyết Hà	BLAW6215	Luật Công ty	DH20CF02C	CF2002C	41	LA	04/06/2023	2	VVT	
595	KI150	Nguyễn Thị Tâm	BLAW6215	Luật Công ty	DH20CF03C	CF2003C	36	LA	04/06/2023	2	VVT	
596	KI164	Phạm Thị Kim Phụng	BLAW2304	Luật dân sự 1	DH22BL01	BL2201	95	LA	17/05/2023	4	NK	
597	KI174	Lâm Tổ Trang	BLAW6328	Luật dân sự 1	DH22BL01C	BL2201C	50	LA	08/05/2023	4	VVT	
598	KI164	Phạm Thị Kim Phụng	BLAW2304	Luật dân sự 1	DH22BL02	BL2202	55	LA	17/05/2023	4	NK	
599	KI174	Lâm Tổ Trang	BLAW6328	Luật dân sự 1	DH22BL02C	BL2202C	51	LA	08/05/2023	4	VVT	
600	KI214	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	BLAW2304	Luật dân sự 1	DH22BL02	BL2204	48	LA	17/05/2023	4	NK	
601	KI096	Dương Kim Thế Nguyên	BLAW6310	Luật đất đai	DH21BL01C	BL211C	47	LA	02/06/2023	1	VVT	
602	KI096	Dương Kim Thế Nguyên	BLAW6310	Luật đất đai	DH21BL02C	BL212C	48	LA	02/06/2023	1	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
603	KI110	Nguyễn Huỳnh Anh Như	BLAW1324	Luật Đất đai	DH21LA01	LA2101	60	LA	01/06/2023	1	NK	
604	KI110	Nguyễn Huỳnh Anh Như	BLAW1324	Luật Đất đai	DH21LA02	LA2102	53	LA	01/06/2023	1	NK	
605	KI107	Lương Thị Thu Hương	BLAW2302	Luật hành chính	DH22LA01	LA2201	69	LA	21/05/2023	2	NK	
606	KI107	Lương Thị Thu Hương	BLAW2302	Luật hành chính	DH22LA02	LA2202	64	LA	21/05/2023	2	NK	
607	KI021	Trần Thị Mai Phước	BLAW2301	Luật hiến pháp	DH22BL01	BL2201	87	LA	18/05/2023	3	NK	
608	KI196	Cao Vũ Minh	BLAW6325	Luật Hiến pháp	DH22BL01C	BL2201C	54	LA	02/06/2023	2	VVT	
609	KI021	Trần Thị Mai Phước	BLAW2301	Luật hiến pháp	DH22BL02	BL2202	87	LA	18/05/2023	3	NK	
610	KI196	Cao Vũ Minh	BLAW6325	Luật Hiến pháp	DH22BL02C	BL2202C	57	LA	02/06/2023	2	VVT	
611	KI172	Lê Thị Hồng Nhung	BLAW2301	Luật hiến pháp	DH22LA01	LA2201	68	LA	18/05/2023	3	NK	
612	KI172	Lê Thị Hồng Nhung	BLAW2301	Luật hiến pháp	DH22LA02	LA2202	64	LA	18/05/2023	3	NK	
613	KI214	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	BLAW1203	Luật hôn nhân gia đình	DH21LA01	LA2101	60	LA	15/05/2023	2	NK	
614	KI214	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	BLAW1203	Luật hôn nhân gia đình	DH21LA02	LA2102	48	LA	15/05/2023	2	NK	
615	KI182	Lê Thị Tuyết Hà	GLAW1318	Luật kinh doanh	DH21AC01	AC2101	63	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
616	KI198	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	GLAW1318	Luật kinh doanh	DH21AC02	AC2102	62	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
617	KI182	Lê Thị Tuyết Hà	GLAW1318	Luật kinh doanh	DH21AU01	AU2101	50	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
618	QT196	Trần Anh Thục Đoan	GLAW1318	Luật kinh doanh	DH21AU02	AU2102	41	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
619	QT196	Trần Anh Thục Đoan	BLAW1317	Luật Lao động	DH21BL01	BL2101	81	LA	30/05/2023	4	NK	
620	KI210	Nguyễn Thị Hồng	BLAW1317	Luật Lao động	DH21BL02	BL2102	90	LA	30/05/2023	4	NK	
621	KI150	Nguyễn Thị Tâm	BLAW6302	Luật lao động	DH21BL01C	BL211C	49	LA	01/06/2023	5	VVT	
622	KI150	Nguyễn Thị Tâm	BLAW6302	Luật lao động	DH21BL02C	BL212C	47	LA	01/06/2023	5	VVT	
623	KI141	Nguyễn Thị Cát Tường	BLAW2203	Luật ngân hàng	DH20BK01	BK2001	76	LA	31/05/2023	3	NK	
624	KI076	Phan Phương Nam	BLAW6208	Luật ngân hàng	DH20BK01C	BK2001C	47	LA	04/06/2023	3	VVT	
625	KT111	Lê Xuân Quang	BLAW6208	Luật ngân hàng	DH20BK02C	BK2002C	45	LA	04/06/2023	3	VVT	
626	KI076	Phan Phương Nam	BLAW6208	Luật ngân hàng	DH20BK03C	BK2003C	47	LA	04/06/2023	3	VVT	
627	KT111	Lê Xuân Quang	BLAW1205	Luật ngân sách Nhà nước (Luật TC)	DH20LA01	LA2001	90	LA	02/06/2023	4	NK	
628	KI107	Lương Thị Thu Hương	BLAW1205	Luật ngân sách Nhà nước (Luật TC)	DH20LA02	LA2002	90	LA	02/06/2023	4	NK	
629	KI149	Nguyễn Thanh Hùng	BLAW2331	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LA01	LA2101	60	LA	31/05/2023	4	NK	
630	KI149	Nguyễn Thanh Hùng	BLAW2331	Luật sở hữu trí tuệ	DH21LA02	LA2102	60	LA	31/05/2023	4	NK	
631	KI198	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	BLAW2330	Luật thuế	DH20LK01	BL2001	70	LA	18/05/2023	4	NK	
632	KI229	Tôn Quang Anh	BLAW2330	Luật thuế	DH20LK02	BL2002	49	LA	18/05/2023	4	NK	
633	KI229	Tôn Quang Anh	BLAW2330	Luật thuế	DH20LK03	BL2003	51	LA	18/05/2023	4	NK	
634	QT178	Phan Hiễn Minh	BLAW6311	Luật thuế	LK20DB01	BL201C	36	LA	02/06/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
635	QT178	Phan Hiễn Minh	BLAW6311	Luật thuế	LK20DB02	BL202C	36	LA	02/06/2023	3	VVT	
636	QT178	Phan Hiễn Minh	BLAW6311	Luật thuế	LK20DB03	BL203C	34	LA	02/06/2023	3	VVT	
637	KI197	Đào Nguyên Phương Thảo	BLAW2319	Luật thương mại quốc tế	DH20LA01	LA2001	110	LA	25/05/2023	5	NK	
638	KI197	Đào Nguyên Phương Thảo	BLAW2319	Luật thương mại quốc tế	DH20LA02	LA2002	106	LA	25/05/2023	5	NK	
639	KI237	Lê Thị Ngọc Hà	BLAW5303	Luật thương mại quốc tế (TA)	LK20DB01	BL201C	36	LA	04/06/2023	3	VVT	
640	KI237	Lê Thị Ngọc Hà	BLAW5303	Luật thương mại quốc tế (TA)	LK20DB02	BL202C	36	LA	04/06/2023	3	VVT	
641	KI237	Lê Thị Ngọc Hà	BLAW5303	Luật thương mại quốc tế (TA)	LK20DB03	BL203C	33	LA	04/06/2023	3	VVT	
642	QT196	Trần Anh Thục Đoan	BLAW1325	Luật tổ tụng dân sự	DH21BL01	BL2101	78	LA	31/05/2023	3	NK	
643	KI210	Nguyễn Thị Hồng	BLAW1325	Luật tổ tụng dân sự	DH21BL02	BL2102	80	LA	31/05/2023	3	NK	
644	KI243	Lê Thị Mơ	GLAW1222	Luật Tổ tụng hành chính	DH21LA01	LA2101	60	LA	04/06/2023	4	NK	
645	KI243	Lê Thị Mơ	GLAW1222	Luật Tổ tụng hành chính	DH21LA02	LA2102	53	LA	04/06/2023	4	NK	
646	KI220	Nguyễn Thị ánh Hồng	BLAW6201	Luật tổ tụng hình sự	DH21BL01C	BL211C	48	LA	04/06/2023	4	VVT	
647	KI220	Nguyễn Thị ánh Hồng	BLAW6201	Luật tổ tụng hình sự	DH21BL02C	BL212C	50	LA	04/06/2023	4	VVT	
648	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN3304	Lược sử Văn học Trung Quốc	DH20HV01	CL2001	38	NN	31/05/2023	4	NK	
649	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN3304	Lược sử Văn học Trung Quốc	DH20HV02	CL2002	25	NN	31/05/2023	4	NK	
650	AV075	Trương Vĩ Quyền	CHIN3304	Lược sử Văn học Trung Quốc	B220HV1A	CL201B	12	NN	21/05/2023	1	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
651	NN091	Lý Thị Mỹ Hạnh	ENGL1359	Lý thuyết dịch	DH20AV05	EL2005	20	NN	16/05/2023	2	NK	
652	NN357	Nguyễn Thị ái Tiên	JAPA5215	Lý thuyết dịch	DH21JL01C	JL211C	32	NN	08/05/2023	4	VVT	
653	TH120	Nguyễn Xuân Sâm	ITEC6405	Mạng máy tính	DH21CS01C,D H21CS02C	CS211C	67	TH	22/05/2023	1	VVT	
654	TH111	Hồ Hường Thiên	ITEC2503	Mạng máy tính (Nhập môn MMT)	DH21IM01	IM2101	100	TH	26/05/2023	2	NK	
655	TH111	Hồ Hường Thiên	ITEC2503	Mạng máy tính (Nhập môn MMT)	DH21IM02	IM2102	100	TH	26/05/2023	2	NK	
656	TH111	Hồ Hường Thiên	ITEC2503	Mạng máy tính (Nhập môn MMT)	DH21IM02,DH 21IM01	IM2103	19	TH	26/05/2023	2	NK	
657	QT580	Phạm Ngọc Diễm	BADM1372	Marketing căn bản	DH19KT01	AC1901	76	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
658	QT580	Phạm Ngọc Diễm	BADM1372	Marketing căn bản	DH19KT02	AC1902	48	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
659	QT638	Phạm Xuân Ngọc	BADM1372	Marketing căn bản	DH19KK01	AU1901	43	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
660	QT638	Phạm Xuân Ngọc	BADM1372	Marketing căn bản	DH19KK02	AU1902	14	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
661	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	ENGL1361	Marketing căn bản	DH20AV01	EL2001	45	NN				Khoa tổ chức thi
662	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	ENGL1361	Marketing căn bản	DH20AV03	EL2003	40	NN				Khoa tổ chức thi
663	NN317	Đỗ Hữu Anh	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB01	EL201C	35	NN				Khoa tổ chức thi
664	NN317	Đỗ Hữu Anh	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB02	EL202C	31	NN				Khoa tổ chức thi
665	QT511	Nguyễn Lê Thái Hòa	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB03	EL203C	28	NN				Khoa tổ chức thi
666	QT511	Nguyễn Lê Thái Hòa	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB04	EL204C	29	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
667	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB05	EL205C	24	NN				Khoa tổ chức thi
668	NN317	Đỗ Hữu Anh	ENGL5319	Marketing căn bản	TA20DB06	EL206C	34	NN				Khoa tổ chức thi
669	QT471	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	BADM5335	Marketing căn bản	LK22ROVN	VN2201	14	QT	15/05/2023	3	VVT	
670	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM2301	Marketing căn bản	KT19DB01	AC191C	50	QT	21/05/2023	2	VVT	
671	QT471	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	BADM2301	Marketing căn bản	KT19DB02	AC192C	50	QT	21/05/2023	2	VVT	
672	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	BADM2301	Marketing căn bản	KT19DB03	AU191C	22	QT	29/05/2023	3	VVT	
673	QT559	Lê Duy Khang	BADM5335	Marketing căn bản	DH22BA01C	BA2201C	38	QT	15/05/2023	3	VVT	
674	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM5335	Marketing căn bản	DH22BA02C	BA2202C	45	QT	15/05/2023	3	VVT	
675	QT471	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	BADM5335	Marketing căn bản	DH22BA03C	BA2203C	43	QT	15/05/2023	3	VVT	
676	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM5335	Marketing căn bản	DH22BA04C	BA2204C	38	QT	15/05/2023	3	VVT	
677	QT559	Lê Duy Khang	BADM5335	Marketing căn bản	DH22BA05C	BA2205C	44	QT	15/05/2023	3	VVT	
678	QT637	Nguyễn Hồng Phước	BADM1395	Marketing dịch vụ	DH20MK01	MK2001	55	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
679	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM1395	Marketing dịch vụ	DH20MK02	MK2002	46	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
680	QT621	Võ Chí Linh	BADM2341	Marketing du lịch	DH21TO01	TO2101	56	QT	18/05/2023	1	MTL	
681	QT600	Lê Thị Kim Khang	BADM2383	Marketing quốc tế	DH20KQ01	IB2001	76	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
682	QT600	Lê Thị Kim Khang	BADM2383	Marketing quốc tế	DH20KQ02	IB2002	72	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
683	QT592	Kiều Anh Tài	BADM5320	Marketing quốc tế	QT20DB04	IB201C	54	QT	24/05/2023	2	VVT	
684	QT592	Kiều Anh Tài	BADM5320	Marketing quốc tế	QT20DB05	IB202C	52	QT	24/05/2023	2	VVT	
685	QT484	Lê Thị Ngọc Tú	BADM5320	Marketing quốc tế	QT20DB01	MK201C	54	QT	23/05/2023	1	VVT	
686	QT484	Lê Thị Ngọc Tú	BADM5320	Marketing quốc tế	QT20DB02	MK202C	52	QT	23/05/2023	1	VVT	
687	QT484	Lê Thị Ngọc Tú	BADM5320	Marketing quốc tế	QT20DB03	MK203C	54	QT	23/05/2023	1	VVT	
688	CT297	Phan Thanh Phương	CMAN1227	Marketing xây dựng	DH20QX01	CM2001	36	KT	04/06/2023	4	NK	
689	CT297	Phan Thanh Phương	CMAN1227	Marketing xây dựng	DH20QX02	CM2002	35	KT	04/06/2023	4	NK	
690	SH346	Lao Đức Thuận	BIOT3226	Miễn dịch học	DH20PB01	PB2001	33	SH	25/05/2023	2	NK	
691	CT280	Nguyễn Lê Minh Long	BADM2365	Môi trường và an toàn lao động	DH20NL01	HM2001	73	QT	15/05/2023	1	MTL	
692	KT201	Trần Hoàng Trúc Linh	FINA4349	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	DH19TN01	CF1901	58	TC	23/05/2023	3	NK	
693	KT201	Trần Hoàng Trúc Linh	FINA4349	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	DH19TN02	CF1902	23	TC	23/05/2023	3	NK	
694	KT029	Trần Thế Sao	FINA6312	Ngân hàng thương mại	KT20DB01	AC201C	42	TC	22/05/2023	2	VVT	
695	KT242	Phan Hồng Hạnh	FINA6312	Ngân hàng thương mại	KT20DBE1	AC201E	7	TC	22/05/2023	2	VVT	
696	KT029	Trần Thế Sao	FINA6312	Ngân hàng thương mại	KT20DB02	AC202C	42	TC	22/05/2023	2	VVT	
697	KT029	Trần Thế Sao	FINA6312	Ngân hàng thương mại	KT20DB03	AC203C	42	TC	22/05/2023	2	VVT	
698	KT029	Trần Thế Sao	FINA6312	Ngân hàng thương mại	KT20DB04	AU201C	57	TC	22/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
699	NN438	Mika Ueno	JAPA5312	Nghe - Nói 1	DH21JL01C	JL211C	29	NN				Khoa tổ chức thi
700	NN244	Đoàn Kim Khoa	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL01	EL2201	47	NN	15/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
701	NN244	Đoàn Kim Khoa	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL01	EL2201	47	NN	21/05/2023	4	NK	Thi Nghe
702	NN220	Bùi Thị Thục Quyên	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL01C	EL2201C	31	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
703	NN220	Bùi Thị Thục Quyên	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL01C	EL2201C	31	NN	16/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
704	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL02	EL2202	45	NN	16/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
705	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL02	EL2202	45	NN	21/05/2023	4	NK	Thi Nghe
706	NN016	Nguyễn Như Quỳnh	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL02C	EL2202C	28	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
707	NN016	Nguyễn Như Quỳnh	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL02C	EL2202C	28	NN	16/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
708	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL03	EL2203	46	NN	15/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
709	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL03	EL2203	46	NN	21/05/2023	4	NK	Thi Nghe
710	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL03C	EL2203C	29	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
711	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL03C	EL2203C	29	NN	17/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
712	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL04	EL2204	46	NN	15/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
713	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL04	EL2204	46	NN	21/05/2023	4	NK	Thi Nghe
714	NN425	Võ Hoàng Kim Ngân	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL04C	EL2204C	32	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
715	NN425	Võ Hoàng Kim Ngân	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL04C	EL2204C	32	NN	17/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
716	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL05	EL2205	46	NN	15/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
717	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	ENGL1331	Nghe - Nói 2	DH22EL05	EL2205	46	NN	21/05/2023	4	NK	Thi Nghe
718	NN387	Bùi Quốc Chính	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL05C	EL2205C	32	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
719	NN387	Bùi Quốc Chính	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL05C	EL2205C	32	NN	18/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
720	NN387	Bùi Quốc Chính	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL06C	EL2206C	32	NN	26/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
721	NN387	Bùi Quốc Chính	ENGL5309	Nghe - Nói 2	DH22EL06C	EL2206C	32	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
722	NN438	Mika Ueno	JAPA5313	Nghe - Nói 2	DH21JL01C	JL211C	29	NN				Khoa tổ chức thi
723	NN300	Nguyễn Trần ái Duyệt	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL01	EL2101	38	NN	16/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
724	NN300	Nguyễn Trần ái Duyệt	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL01	EL2101	38	NN	21/05/2023	1	NK	Thi Nghe
725	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL02	EL2102	43	NN	16/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
726	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL02	EL2102	43	NN	21/05/2023	1	NK	Thi Nghe
727	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL03	EL2103	43	NN	16/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
728	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL03	EL2103	43	NN	21/05/2023	1	NK	Thi Nghe
729	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL04	EL2104	38	NN	16/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
730	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	ENGL1343	Nghe - Nói 5	DH21EL04	EL2104	38	NN	21/05/2023	1	NK	Thi Nghe

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
731	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL1343	Nghe - Nói 5	BH21EL01	EL211B	21	NN	19/05/2023	5	VVT	Thi Nghe
732	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL1343	Nghe - Nói 5	BH21EL01	EL211B	21	NN	21/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
733	NN395	Nguyễn Thủy Tiên	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL01C	EL211C	28	NN	15/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
734	NN395	Nguyễn Thủy Tiên	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL01C	EL211C	28	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
735	NN016	Nguyễn Như Quỳnh	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL02C	EL212C	27	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
736	NN016	Nguyễn Như Quỳnh	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL02C	EL212C	27	NN	18/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
737	NN410	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL03C	EL213C	25	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
738	NN410	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL03C	EL213C	25	NN	18/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
739	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL04C	EL214C	25	NN	17/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
740	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL04C	EL214C	25	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
741	NN498	Nguyễn Xuân Minh	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL05C	EL215C	27	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
742	NN498	Nguyễn Xuân Minh	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL05C	EL215C	27	NN	18/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
743	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL06C	EL216C	30	NN	19/05/2023	3	VVT	Thi Nghe
744	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL5312	Nghe - Nói 5	DH21EL06C	EL216C	30	NN	18/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
745	NN293	Lê Võ Phương Linh	JAPA1319	Nghe - Nói II	DH22JL01	JL2201	50	NN				Khoa tổ chức thi
746	NN438	Mika Ueno	JAPA1319	Nghe - Nói II	DH22JL02	JL2202	47	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
747	AV180	Phạm Minh Tú	JAPA1319	Nghe - Nói II	DH22JL03	JL2203	50	NN				Khoa tổ chức thi
748	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	GENG1428	Nghe 2	LK22BO01,LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	BO2201	15	DB	02/06/2023	1	VVT	
749	NN580	Ngô Phương Hạnh	KORE1312	Nghe tiếng Hàn sơ cấp 2	DH22KL01	KL2201	50	NN	23/05/2023	3	NK	
750	NN582	Jin Yong Soo	KORE1314	Nghe tiếng Hàn trung cấp 2	DH21KL02,DH21KL01	KL2101	44	NN	23/05/2023	5	NK	
751	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM5318	Nghiên cứu marketing	QT20DB01	MK201C	60	QT	30/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
752	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM5318	Nghiên cứu marketing	QT20DB02	MK202C	56	QT	30/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
753	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	BADM5318	Nghiên cứu marketing	QT20DB03	MK203C	58	QT	30/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
754	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	ENGL1276	Nghiệp vụ Biên phiên dịch	DH20AV05	EL2005	31	NN	10/05/2023	2	NK	
755	QT581	Trần Công Danh	BADM2376	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DH21TO01	TO2101	60	QT	16/05/2023	1	MTL	
756	NN142	Vương Huệ Nghi	CHIN1250	Nghiệp vụ văn phòng	B220HV1A	CL201B	8	NN				Khoa tổ chức thi
757	NN244	Đoàn Kim Khoa	ENGL2310	Nghiệp vụ văn phòng	TA19DB01	EL191C	23	NN	14/05/2023	1	VVT	
758	NN363	Trần Thị Diệu Long	ENGL2310	Nghiệp vụ văn phòng	TA19DB02	EL192C	25	NN	14/05/2023	1	VVT	
759	NN244	Đoàn Kim Khoa	ENGL2310	Nghiệp vụ văn phòng	TA19DB03	EL193C	24	NN	14/05/2023	1	VVT	
760	NN243	Bùi Đỗ Công Thành	ENGL2310	Nghiệp vụ văn phòng	TA19DB04	EL194C	29	NN	14/05/2023	1	VVT	
761	NN287	Nguyễn Phước Bích Hằng	ENGL2310	Nghiệp vụ văn phòng	TA19DB05	EL195C	28	NN	14/05/2023	1	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
762	NN287	Nguyễn Phước Bích Hằng	ENGL2310	Nghiep vụ văn phòng	TA19DB06	EL196C	18	NN	14/05/2023	1	VVT	
763	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1365	Nghiep vụ văn phòng	DH20AV01	EL2001	45	NN	17/05/2023	3	NK	
764	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1365	Nghiep vụ văn phòng	DH20AV03	EL2003	45	NN	17/05/2023	3	NK	
765	NN301	Lê Tấn Phước	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB01	EL191C	23	NN	25/05/2023	3	VVT	
766	NN554	Hoàng Thị Kim Dung	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB02	EL192C	25	NN	25/05/2023	3	VVT	
767	NN301	Lê Tấn Phước	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB03	EL193C	24	NN	25/05/2023	3	VVT	
768	NN554	Hoàng Thị Kim Dung	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB04	EL194C	27	NN	25/05/2023	3	VVT	
769	NN301	Lê Tấn Phước	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB05	EL195C	28	NN	30/05/2023	2	VVT	
770	NN554	Hoàng Thị Kim Dung	ENGL4205	Nghiep vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	TA19DB06	EL196C	17	NN	30/05/2023	2	VVT	
771	NN196	Âu Tuyền Diệu	CHIN1242	Ngữ âm - Văn tự Hán ngữ	BH21CL01	CL211B	4	NN	04/06/2023	1	VVT	
772	NN438	Mika Ueno	JAPA3214	Ngữ âm học Tiếng Nhật	DH22JL01	JL2201	50	NN				Khoa tổ chức thi
773	NN438	Mika Ueno	JAPA3214	Ngữ âm học Tiếng Nhật	DH22JL02	JL2202	50	NN				Khoa tổ chức thi
774	NN438	Mika Ueno	JAPA3214	Ngữ âm học Tiếng Nhật	DH22JL03	JL2203	50	NN				Khoa tổ chức thi
775	AV198	Nguyễn Ngọc Tuyền	ENGL4201	Ngữ nghĩa - Ngữ dụng học	HC21BE01,HC21ET01	ET211H	17	NN	07/05/2023	4	VVT	
776	NN566	Trần Thị Trang	KORE1307	Ngữ pháp – Viết tiếng Hàn sơ cấp 2	DH22KL01	KL2201	50	NN	16/05/2023	1	NK	
777	NN566	Trần Thị Trang	KORE1309	Ngữ pháp – Viết tiếng Hàn trung cấp 2	DH21KL02,DH21KL01	KL2101	44	NN	16/05/2023	2	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
778	NN664	Nguyễn Thị Thanh Thảo	JAPA5304	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2	DH21JL01C	JL211C	32	NN	19/05/2023	1	VVT	
779	NN187	La Thị Thúy Hiền	CHIN1341	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	DH21CL01	CL2101	38	NN	16/05/2023	1	NK	
780	NN187	La Thị Thúy Hiền	CHIN1341	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	DH21CL02	CL2102	24	NN	16/05/2023	1	NK	
781	NN187	La Thị Thúy Hiền	CHIN1341	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	BH21CL01	CL211B	7	NN	21/05/2023	3	VVT	
782	DN008	Đặng Thị Quốc Anh Đào	SEAS1240	Người Hoa ở Đông Nam Á	DH20DN01	SA2001	70	XH	01/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
783	DN008	Đặng Thị Quốc Anh Đào	SEAS1240	Người Hoa ở Đông Nam Á	DH20DN02	SA2002	64	XH	01/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
784	CT275	Nguyễn Bảo Thành	CENG1232	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	DH20XD01	CE2001	47	KT	09/05/2023	5	NK	
785	CT194	Nguyễn Ngọc Uyên	CENG1232	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	DH20CE02	CE2002	38	KT	09/05/2023	5	NK	
786	KT095	Phạm Thị Phương Thảo	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22AC01	AC2201	90	KK	16/05/2023	3	NK	
787	KT095	Phạm Thị Phương Thảo	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22AC02	AC2202	90	KK	16/05/2023	3	NK	
788	KK015	Lý Nguyễn Thu Ngọc	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22AC03	AC2203	90	KK	16/05/2023	3	NK	
789	KK062	Hồ Thị Bích Nhon	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22AU01	AU2201	75	KK	16/05/2023	3	NK	
790	KK015	Lý Nguyễn Thu Ngọc	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22AU02	AU2202	75	KK	16/05/2023	3	NK	
791	KK066	Trần Đình Sơn Anh Minh	ENGL1362	Nguyên lý kế toán	HC21BE01	BE211H	6	NN	07/05/2023	3	VVT	
792	KK029	Trần Thị Vinh	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22EC01	EC2201	77	KK	17/05/2023	2	MTL	
793	KK052	Nguyễn Bảo Châu	ACCO6319	Nguyên lý kế toán	DH22EC01C	EC2201C	34	KK	23/05/2023	1	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
794	KK029	Trần Thị Vinh	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22EC02	EC2202	70	KK	17/05/2023	2	MTL	
795	KK052	Nguyễn Bảo Châu	ACCO6319	Nguyên lý kế toán	DH22EC02C	EC2202C	33	KK	23/05/2023	1	VVT	
796	KT149	Trần Minh Ngọc	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	DH22EC03	EC2203	73	KK	17/05/2023	2	MTL	
797	SH233	Như Xuân Thiện Chân	FOOD1201	Nhập môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm	DH22FT01	FT2201	85	SH	11/05/2023	1	NK	
798	SH233	Như Xuân Thiện Chân	FOOD1201	Nhập môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm	DH22FT02	FT2202	85	SH	11/05/2023	1	NK	
799	NN244	Đoàn Kim Khoa	GENG1429	Nói 2	LK22BO01,LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	BO2201	15	DB	03/06/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
800	NN631	Oh Hyungkyo	KORE1317	Nói tiếng Hàn sơ cấp 2	DH22KL01	KL2201	50	NN				Khoa tổ chức thi
801	SH387	Bùi Thị Mỹ Hồng	BIOT3418	Nông nghiệp công nghệ cao	DH20AE01	AE2001	20	SH	29/05/2023	4	NK	
802	KT162	Huỳnh Thái Bảo	FINA2336	Phân tích báo cáo tài chính	DH20KI01	EI2001	47	TC	18/05/2023	2	MTL	
803	KT162	Huỳnh Thái Bảo	FINA2336	Phân tích báo cáo tài chính	DH20KI02	EI2002	31	TC	18/05/2023	2	MTL	
804	KT256	Lê Tuấn Bách	FINA5306	Phân tích báo cáo tài chính	TN20DBE1	FB201E	14	TC	17/05/2023	5	VVT	
805	CT126	Nguyễn Thanh Phong	CMAN1224	Phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	DH20QX01	CM2001	42	KT	09/05/2023	5	NK	
806	CT126	Nguyễn Thanh Phong	CMAN1224	Phân tích định lượng trong quản lý xây dựng	DH20QX02	CM2002	31	KT	09/05/2023	5	NK	
807	QT454	Huỳnh Gia Xuyên	BADM1365	Phân tích định lượng trong quản trị	DH21IB01	IB2101	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
808	QT461	Nguyễn Ngọc Thông	BADM1365	Phân tích định lượng trong quản trị	DH21IB02	IB2102	45	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
809	QT101	Trần Tuấn Anh	BADM1365	Phân tích định lượng trong quản trị	DH21IB03	IB2103	59	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
810	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BADM5309	Phân tích định lượng trong quản trị	QT20DBE1	BA201E	20	QT	15/05/2023	3	VVT	
811	XH087	Lê Anh Vũ	SOCI4332	Phân tích định tính và ứng dụng tin học trong phân tích định tính	DH19XH01	SC1901	42	XH	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
812	XH087	Lê Anh Vũ	SOCI4332	Phân tích định tính và ứng dụng tin học trong phân tích định tính	DH19XH02	SC1902	34	XH	01/06/2023	2	NK	Nộp tiểu luận
813	TH086	Trương Hoàng Vinh	ITEC6303	Phân tích dữ liệu	DH21AC01C	AC211C	38	TH	08/05/2023	3	VVT	
814	TH086	Trương Hoàng Vinh	ITEC6303	Phân tích dữ liệu	DH21AC02C	AC212C	37	TH	09/05/2023	3	VVT	
815	TH086	Trương Hoàng Vinh	ITEC6303	Phân tích dữ liệu	DH21AC03C, DH21AC02C, DH21AC01C	AC213C	62	TH	08/05/2023	3	VVT	
816	TH086	Trương Hoàng Vinh	ITEC1323	Phân tích dữ liệu	DH21AU01	AU2101	50	TH	08/05/2023	5	NK	
817	TH086	Trương Hoàng Vinh	ITEC1323	Phân tích dữ liệu	DH21AU02	AU2102	41	TH	08/05/2023	5	NK	
818	KI162	Phạm Chí Công	ITEC3401	Phân tích thiết kế hệ thống	DH21CS01	CS2101	86	TH	16/05/2023	2	NK	
819	TH095	Võ Thị Kim Anh	ITEC3401	Phân tích thiết kế hệ thống	DH21CS02	CS2102	89	TH	16/05/2023	2	NK	
820	KT262	Bùi Duy Tùng	FINA5311	Phân tích và đầu tư tài chính	DH20CF01C	CF2001C	45	TC	25/05/2023	5	VVT	
821	KT231	Vũ Bích Ngọc	FINA5311	Phân tích và đầu tư tài chính	DH20CF02C	CF2002C	44	TC	25/05/2023	5	VVT	
822	KT243	Phạm Hà	FINA5311	Phân tích và đầu tư tài chính	DH20CF03C	CF2003C	40	TC	25/05/2023	5	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
823	KT243	Phạm Hà	FINA5311	Phân tích và đầu tư tài chính	TN20DBE1	FB201E	14	TC	25/05/2023	5	VVT	
824	KT251	Nguyễn Văn Điệp	FINA2340	Phân tích và đầu tư tài chính	DH20FI01	FI2001	39	TC	18/05/2023	1	NK	
825	KI198	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22AC01C	AC2201C	50	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
826	KI210	Nguyễn Thị Hồng	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22AC02C	AC2202C	51	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
827	QT140	Bùi Ngọc Tuyền	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22AC03C	AC2203C	50	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
828	KI206	Huỳnh Thị Kim Lan	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22BT01C	BT2201C	26	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
829	KI231	Nguyễn Vương Quốc	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22CL02,DH22CL01	CL2201	90	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
830	KI197	Đào Nguyên Phương Thảo	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22CL01C	CL2201C	40	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
831	KI149	Nguyễn Thanh Hùng	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20CS01	CS2001	26	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
832	KI238	Võ Thị Ngọc Trân	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20CS02	CS2002	68	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
833	KI230	Trần Thị Kim Nguyên	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22FB01	FB2201	81	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
834	KI113	Phạm Thanh Tú	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22FB01C	FB2201C	39	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
835	KI231	Nguyễn Vương Quốc	GLAW5301	Pháp luật đại cương	DH22BA01E,DH22FB01E	FB2201E	46	LA	18/05/2023	3	VVT	
836	KI149	Nguyễn Thanh Hùng	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22FB02	FB2202	80	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
837	KI110	Nguyễn Huỳnh Anh Như	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22FB02C	FB2202C	41	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
838	KI140	Nguyễn Đình Sơn	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22FB03	FB2203	79	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
839	KI021	Trần Thị Mai Phước	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22FB03C	FB2203C	42	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
840	KI073	Phan Đăng Hiếu Thuận	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22FB04C	FB2204C	43	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
841	KI107	Lương Thị Thu Hương	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22FB05C	FB2205C	42	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
842	KI172	Lê Thị Hồng Nhung	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20IM01	IM2001	75	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
843	KI230	Trần Thị Kim Nguyên	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20IM02	IM2002	75	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
844	KI113	Phạm Thanh Tú	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20IT01	IT2001	34	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
845	KI238	Võ Thị Ngọc Trân	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20IT02	IT2002	70	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
846	KI113	Phạm Thanh Tú	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH20IT03	IT2003	45	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
847	KI140	Nguyễn Đình Sơn	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22JL01,DH22JL03	JL2201	90	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
848	KI238	Võ Thị Ngọc Trân	GLAW6301	Pháp luật đại cương	DH22JL01C	JL2201C	35	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
849	KI140	Nguyễn Đình Sơn	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22JL02	JL2202	88	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
850	KI110	Nguyễn Huỳnh Anh Như	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22KL01	KL2201	55	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
851	KI140	Nguyễn Đình Sơn	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22SA01	SA2201	84	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
852	KI231	Nguyễn Vương Quốc	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22SA02	SA2202	85	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
853	KI206	Huỳnh Thị Kim Lan	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22SW01	SW2201	60	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi
854	KI231	Nguyễn Vương Quốc	GLAW1315	Pháp luật đại cương	DH22SW02	SW2202	60	LA				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
855	KI141	Nguyễn Thị Cát Tường	BLAW3202	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	DH20LK01	BL2001	73	LA	29/05/2023	4	NK	
856	KI141	Nguyễn Thị Cát Tường	BLAW3202	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	DH20LK02	BL2002	62	LA	29/05/2023	4	NK	
857	KI141	Nguyễn Thị Cát Tường	BLAW3202	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	DH20LK03	BL2003	58	LA	29/05/2023	4	NK	
858	KI206	Huỳnh Thị Kim Lan	BLAW1211	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	DH21LA01	LA2101	80	LA	16/05/2023	1	NK	
859	KI206	Huỳnh Thị Kim Lan	BLAW1211	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	DH21LA02	LA2102	78	LA	16/05/2023	1	NK	
860	KI182	Lê Thị Tuyết Hà	BLAW3308	Pháp luật về hoạt động thương mại	DH21BL01	BL2101	74	LA	01/06/2023	4	NK	
861	QT140	Bùi Ngọc Tuyền	BLAW3308	Pháp luật về hoạt động thương mại	DH21BL02	BL2102	69	LA	01/06/2023	4	NK	
862	KI246	Đinh Khương Duy	BLAW6210	Pháp luật về xuất nhập khẩu	LK20DB01	BL201C	35	LA	02/06/2023	4	VVT	
863	KI246	Đinh Khương Duy	BLAW6210	Pháp luật về xuất nhập khẩu	LK20DB02	BL202C	40	LA	02/06/2023	4	VVT	
864	KI207	Nguyễn Thị Thu Hiền	BLAW6210	Pháp luật về xuất nhập khẩu	LK20DB03	BL203C	34	LA	02/06/2023	4	VVT	
865	SH047	Nguyễn Văn Minh	BIOT4242	Phát triển sản phẩm Công nghệ sinh học	DH19SH01	PB1901	7	SH	19/05/2023	2	BD	
866	AV198	Nguyễn Ngọc Tuyền	ENGL1356	Phiên dịch 1	DH20AV05	EL2005	20	NN				Khoa tổ chức thi
867	NN577	Nguyễn Trần Hoàng Quyên	JAPA1242	Phiên dịch 1	DH21JL01	JL2101	40	NN				Khoa tổ chức thi
868	NN577	Nguyễn Trần Hoàng Quyên	JAPA1242	Phiên dịch 1	DH21JL02	JL2102	40	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
869	AV180	Phạm Minh Tú	JAPA1242	Phiên dịch 1	DH21JL03	JL2103	34	NN				Khoa tổ chức thi
870	NN639	Trần Thị Kim Dung	JAPA1249	Phiên dịch thương mại	DH20NB01	JL2001	44	NN				Khoa tổ chức thi
871	NN206	Lý Khánh Hùng	JAPA1249	Phiên dịch thương mại	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	45	NN				Khoa tổ chức thi
872	NN206	Lý Khánh Hùng	JAPA1249	Phiên dịch thương mại	DH20NB03	JL2003	43	NN				Khoa tổ chức thi
873	SH387	Bùi Thị Mỹ Hồng	EDUC1313	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	DH22FT01	FT2201	79	SH	11/05/2023	2	NK	
874	SH387	Bùi Thị Mỹ Hồng	EDUC1313	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	DH22FT02	FT2202	86	SH	11/05/2023	2	NK	
875	CT113	Trần Trung Dũng	EDUC6202	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21CE01C	CE211C	10	KT				Khoa tổ chức thi
876	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	EDUC6303	Phương pháp nghiên cứu	DH22FB01C	FB2201C	41	TC	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
877	KT216	Nguyễn Thị Thanh Thủy	EDUC6303	Phương pháp nghiên cứu	DH22FB02C	FB2202C	40	TC	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
878	KT218	Vũ Hữu Thành	EDUC6303	Phương pháp nghiên cứu	DH22FB03C	FB2203C	40	TC	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
879	KT218	Vũ Hữu Thành	EDUC6303	Phương pháp nghiên cứu	DH22FB04C	FB2204C	42	TC	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
880	KT219	Phan Quỳnh Trang	EDUC6303	Phương pháp nghiên cứu	DH22FB05C	FB2205C	41	TC	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
881	QT568	Phạm Minh	EDUC6302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21BA01C	BA211C	48	QT	31/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
882	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	EDUC6302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21BA02C	BA212C	47	QT	31/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
883	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	EDUC6302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21BA03C	BA213C	47	QT	31/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
884	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	EDUC6302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21BA04C	BA214C	40	QT	31/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
885	QT568	Phạm Minh	EDUC6302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DH21BA05C	BA215C	41	QT	31/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
886	CT113	Trần Trung Dũng	CENG6208	Phương pháp phân tử hữu hạn	XD20DB01	CE201C	5	KT	22/05/2023	1	VVT	
887	NN399	Hồ Lệ Hằng	ENGL1347	PP giảng dạy tiếng Anh	DH20AV02	EL2002	43	NN	09/05/2023	3	NK	
888	NN420	Mai Thị Hồng Dung	ENGL1347	PP giảng dạy tiếng Anh	DH20AV04	EL2004	23	NN	09/05/2023	3	NK	
889	NN222	Nguyễn Thanh Tuấn	ENGL1364	Quan hệ công chúng	HC21BE01	BE211H	7	NN	04/06/2023	1	VVT	
890	QT078	Vân Thị Hồng Loan	BADM5323	Quan hệ công chúng	LK21BO01,LK21FLBA	BO2101	4	DB	05/05/2023	3	VVT	
891	QT078	Vân Thị Hồng Loan	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB01	EL201C	34	NN	05/05/2023	3	VVT	
892	XH080	Phan Thị Anh Thư	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB02	EL202C	31	NN	24/05/2023	2	VVT	
893	NN222	Nguyễn Thanh Tuấn	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB03	EL203C	27	NN	24/05/2023	2	VVT	
894	NN317	Đỗ Hữu Anh	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB04	EL204C	29	NN	22/05/2023	1	VVT	
895	NN222	Nguyễn Thanh Tuấn	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB05	EL205C	26	NN	24/05/2023	2	VVT	
896	QT078	Vân Thị Hồng Loan	ENGL5322	Quan hệ công chúng	TA20DB06	EL206C	33	NN	05/05/2023	3	VVT	
897	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH21HM01	HM2101	82	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
898	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH21HM02	HM2102	82	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
899	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH20MK01	MK2001	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
900	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH20MK02	MK2002	39	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
901	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH20XH01	SC2001	91	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
902	QT347	Nguyễn Văn Long	BADM1369	Quan hệ công chúng	DH20XH02	SC2002	90	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
903	XH080	Phan Thị Anh Thư	SEAS2320	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	DH21SA01	SA2101	70	XH	04/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
904	XH080	Phan Thị Anh Thư	SEAS2320	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	DH21SA02	SA2102	53	XH	04/06/2023	3	NK	Nộp tiểu luận
905	XH018	Nguyễn Thụy Diễm Hương	SWOR2325	Quản lý dự án xã hội	DH20XH01	SC2001	85	XH	15/05/2023	4	NK	
906	XH018	Nguyễn Thụy Diễm Hương	SWOR2325	Quản lý dự án xã hội	DH20XH02	SC2002	43	XH	15/05/2023	4	NK	
907	SH478	Nguyễn Thành Hưng	BIOT2243	Quản lý môi trường	DH20AE01	AE2001	22	SH	16/05/2023	2	NK	
908	XH083	Nguyễn Thị Phương Thảo	SWOR4238	Quản lý stress trong CTXH	DH19CT01	SW1901	28	XH	31/05/2023	4	NK	Nộp tiểu luận
909	QT568	Phạm Minh	BADM4303	Quản trị bán hàng	LK21ROVN	VN2101	18	QT				Khoa tổ chức thi
910	QT480	Nguyễn Thị Bích Trâm	BADM4303	Quản trị bán hàng	QT19DB02	MK191C	41	QT	16/05/2023	1	VVT	
911	QT480	Nguyễn Thị Bích Trâm	BADM4303	Quản trị bán hàng	QT19DB04	MK192C	45	QT	16/05/2023	1	VVT	
912	QT621	Võ Chí Linh	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22HM01	HM2201	50	QT				Khoa tổ chức thi
913	QT587	Nguyễn Thị Hồng Thủy	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22HM02	HM2202	50	QT				Khoa tổ chức thi
914	QT621	Võ Chí Linh	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22HM01	HM2203	50	QT				Khoa tổ chức thi
915	QT587	Nguyễn Thị Hồng Thủy	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22HM02	HM2204	50	QT				Khoa tổ chức thi
916	QT621	Võ Chí Linh	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22LG01	LG2201	49	QT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
917	QT621	Võ Chí Linh	BADM1186	Quản trị bản thân	DH22LG01	LG2202	36	QT				Khoa tổ chức thi
918	QT332	Nguyễn Trần Cẩm Linh	BADM5101	Quản trị bản thân	DH22BA01E	BA2201E	28	QT				Khoa tổ chức thi
919	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM1380	Quản trị chiến lược	DH20NL01	HM2001	78	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
920	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM1380	Quản trị chiến lược	DH20LG01	LG2001	65	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
921	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM1380	Quản trị chiến lược	DH20MK01	MK2001	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
922	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM1380	Quản trị chiến lược	DH20MK02	MK2002	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
923	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM5306	Quản trị chiến lược	QT20DB01	MK201C	55	QT	18/05/2023	2	VVT	
924	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM5306	Quản trị chiến lược	QT20DB02	MK202C	54	QT	18/05/2023	2	VVT	
925	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM5306	Quản trị chiến lược	QT20DB03	MK203C	55	QT	18/05/2023	2	VVT	
926	QT064	Ninh Hiếu Nghĩa	BADM1379	Quản trị dự án	DH20LG01	LG2001	76	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
927	TH010	Hồ Quang Khải	ITEC4402	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	DH20CS02,DH20CS01	CS2001	90	TH	23/05/2023	2	NK	
928	TH010	Hồ Quang Khải	ITEC4402	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	DH20IM01	IM2001	70	TH	23/05/2023	2	NK	
929	TH010	Hồ Quang Khải	ITEC4402	Quản trị hệ cơ sở dữ liệu	DH20IM02	IM2002	77	TH	23/05/2023	2	NK	
930	QT626	Vũ Ngọc Đan Thanh	BADM2360	Quản trị kho bãi	DH21LG01	LG2101	54	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
931	QT437	Trần Kiên Việt Thắng	BADM2354	Quản trị kinh doanh khách sạn	DH20DL01	TO2001	54	QT	16/05/2023	2	MTL	
932	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM3320	Quản trị kinh doanh quốc tế	LK21ROVN	VN2101	18	QT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
933	QT496	Cao Minh Trí	BADM5330	Quản trị kinh doanh quốc tế	QT20DBE1	BA201E	17	QT	16/05/2023	5	VVT	
934	TH071	Luu Quang Phuong	ITEC4403	Quản trị mạng	DH20CS02,DH20CS01	CS2001	70	TH	24/05/2023	2	NK	
935	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21BA01	BA2101	69	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
936	QT559	Lê Duy Khang	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21BA02	BA2102	75	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
937	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21BA03	BA2103	79	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
938	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21HM01	HM2101	75	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
939	QT559	Lê Duy Khang	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21HM02	HM2102	49	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
940	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21IB01	IB2101	76	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
941	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21IB02	IB2102	74	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
942	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21IB03	IB2103	75	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
943	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1367	Quản trị Marketing	DH21LG01	LG2101	73	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
944	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	BADM5305	Quản trị Marketing	DH21BA01C	BA211C	50	QT	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
945	QT442	Đỗ Khắc Xuân Diễm	BADM5305	Quản trị Marketing	DH21BA02C	BA212C	50	QT	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
946	QT353	Đinh Tiên Minh	BADM5305	Quản trị Marketing	DH21BA03C	BA213C	49	QT	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
947	QT353	Đinh Tiên Minh	BADM5305	Quản trị Marketing	DH21BA04C	BA214C	48	QT	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận
948	QT559	Lê Duy Khang	BADM5305	Quản trị Marketing	DH21BA05C	BA215C	34	QT	30/05/2023	3	VVT	Nộp tiểu luận

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
949	KT210	Ngô Thành Trung	FINA3307	Quản trị ngân hàng thương mại	TN19DB04	BK191C	29	TC	10/05/2023	1	VVT	
950	KT210	Ngô Thành Trung	FINA3307	Quản trị ngân hàng thương mại	TN19DB01	FN191C	36	TC	10/05/2023	1	VVT	
951	KT210	Ngô Thành Trung	FINA3307	Quản trị ngân hàng thương mại	TN19DB02	FN192C	43	TC	10/05/2023	1	VVT	
952	KT210	Ngô Thành Trung	FINA3307	Quản trị ngân hàng thương mại	TN19DB03	FN193C	28	TC	10/05/2023	1	VVT	
953	QT481	Phan Thị Thanh Huyền	BADM5331	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	QT20DB04	IB201C	54	QT	19/05/2023	2	VVT	
954	QT481	Phan Thị Thanh Huyền	BADM5331	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	QT20DB05	IB202C	52	QT	19/05/2023	2	VVT	
955	QT092	Vũ Thanh Hiếu	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH21BA01	BA2101	74	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
956	QT530	Trương Ngọc Anh Vũ	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH21BA02	BA2102	75	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
957	QT553	Trần Minh Thư	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH21BA03	BA2103	29	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
958	QT553	Trần Minh Thư	BADM1366	Quản trị nhân lực	B220XD1A	CE201B	14	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
959	QT530	Trương Ngọc Anh Vũ	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH21HM01	HM2101	71	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
960	QT092	Vũ Thanh Hiếu	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH21HM02	HM2102	74	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
961	QT576	Nguyễn Đức Trung	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH20IM01	IM2001	80	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
962	QT576	Nguyễn Đức Trung	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH20IM02	IM2002	90	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
963	QT389	Phạm Nam Vĩnh An	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH20XH01	SC2001	90	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
964	QT389	Phạm Nam Vĩnh An	BADM1366	Quản trị nhân lực	DH20XH02	SC2002	90	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
965	QT437	Trần Kiêm Việt Thắng	BADM2303	Quản trị nhân lực	LK21ROVN	VN2101	18	QT	24/05/2023	3	VVT	
966	QT481	Phan Thị Thanh Huyền	BADM2303	Quản trị nhân lực	KT19DB01	AC191C	46	QT	24/05/2023	3	VVT	
967	QT437	Trần Kiêm Việt Thắng	BADM2303	Quản trị nhân lực	KT19DB02	AC192C	47	QT	24/05/2023	3	VVT	
968	QT481	Phan Thị Thanh Huyền	BADM2303	Quản trị nhân lực	KT19DB03	AU191C	22	QT	24/05/2023	3	VVT	
969	QT568	Phạm Minh	BADM2351	Quản trị quan hệ khách hàng	DH19MK01	MK1901	21	QT	31/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
970	QT568	Phạm Minh	BADM6309	Quản trị quan hệ khách hàng	QT20DB01	MK201C	57	QT	31/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
971	QT568	Phạm Minh	BADM6309	Quản trị quan hệ khách hàng	QT20DB02	MK202C	54	QT	31/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
972	QT568	Phạm Minh	BADM6309	Quản trị quan hệ khách hàng	QT20DB03	MK203C	57	QT	31/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
973	KT222	Phạm Thu Hương	FINA4352	Quản trị rủi ro ngân hàng	DH19TN03	BK1901	75	TC	15/05/2023	1	NK	
974	KT243	Phạm Hà	FINA3314	Quản trị rủi ro tài chính	TN19DB04	BK191C	27	TC	10/05/2023	3	VVT	
975	KT183	Dương Tấn Khoa	FINA3314	Quản trị rủi ro tài chính	TN19DB01	FN191C	34	TC	10/05/2023	3	VVT	
976	KT183	Dương Tấn Khoa	FINA3314	Quản trị rủi ro tài chính	TN19DB02	FN192C	37	TC	10/05/2023	3	VVT	
977	KT183	Dương Tấn Khoa	FINA3314	Quản trị rủi ro tài chính	TN19DB03	FN193C	38	TC	10/05/2023	3	VVT	
978	KT251	Nguyễn Văn Điệp	FINA1328	Quản trị tài chính	DH20QT01	BA2001	40	TC	17/05/2023	4	MTL	
979	KT105	Phan Thị Minh Huệ	FINA1328	Quản trị tài chính	DH20QT02	BA2002	65	TC	16/05/2023	4	MTL	
980	KT252	Võ Thị Phương	FINA1328	Quản trị tài chính	DH20QT03	BA2003	69	TC	17/05/2023	3	MTL	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
981	KT252	Võ Thị Phương	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21BA01	BA2101	75	TC	17/05/2023	3	MTL	
982	KT282	Nguyễn Trọng Nghĩa	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21BA02	BA2102	68	TC	17/05/2023	4	MTL	
983	KT201	Trần Hoàng Trúc Linh	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21BA03	BA2103	73	TC	16/05/2023	4	MTL	
984	KT162	Huỳnh Thái Bảo	FINA1328	Quản trị tài chính	DH20KQ01	IB2001	75	TC	16/05/2023	3	MTL	
985	KT162	Huỳnh Thái Bảo	FINA1328	Quản trị tài chính	DH20KQ02	IB2002	75	TC	16/05/2023	3	MTL	
986	KT255	Đỗ Thị Thanh Nhân	FINA5324	Quản trị tài chính	QT20DB04	IB201C	52	TC	25/05/2023	1	VVT	
987	KT256	Lê Tuấn Bách	FINA5324	Quản trị tài chính	QT20DB05	IB202C	53	TC	23/05/2023	5	VVT	
988	KT162	Huỳnh Thái Bảo	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21MK01	MK2101	60	TC	16/05/2023	3	MTL	
989	KT247	Nguyễn Duy Sứ	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21MK02	MK2102	60	TC	17/05/2023	4	MTL	
990	KT252	Võ Thị Phương	FINA1328	Quản trị tài chính	DH21MK03	MK2103	60	TC	17/05/2023	3	MTL	
991	QT484	Lê Thị Ngọc Tú	BADM2384	Quản trị thương hiệu	DH19KQ01	IB1901	19	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
992	QT512	Nguyễn Văn Hiếu	BADM2364	Quản trị tiền lương	DH20NL01	HM2001	74	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
993	QT577	Dương Hương Giang	BADM1392	Quản trị vận hành	DH21LG01	LG2101	71	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
994	QT607	Nông Thị Như Mai	BADM5332	Quản trị xuất nhập khẩu	QT20DBE1	BA201E	19	QT	16/05/2023	1	VVT	
995	QT511	Nguyễn Lê Thái Hòa	BADM3331	Quảng cáo	QT19DB02	MK191C	40	QT	30/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận
996	QT511	Nguyễn Lê Thái Hòa	BADM3331	Quảng cáo	QT19DB04	MK192C	45	QT	30/05/2023	4	VVT	Nộp tiểu luận

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
997	CT275	Nguyễn Bảo Thành	CMAN4215	Quy hoạch đô thị	DH21CM01	CM2101	70	KT	29/05/2023	2	NK	
998	CT275	Nguyễn Bảo Thành	CMAN4215	Quy hoạch đô thị	DH21CM02	CM2102	55	KT	29/05/2023	2	NK	
999	SH235	Đặng Thanh Dũng	BIOT2274	Seminar chuyên ngành	DH19SH01	PB1901	7	SH				Khoa tổ chức thi
1000	SH235	Đặng Thanh Dũng	BIOT2405	Sinh hóa học	DH21BT01	BT2101	65	SH	28/05/2023	2	NK	
1001	SH235	Đặng Thanh Dũng	BIOT2405	Sinh hóa học	DH21BT02	BT2102	65	SH	28/05/2023	2	NK	
1002	SH237, SH439	Nguyễn Trần Đông Phương, Nguyễn Ngọc Bảo Châu	BIOT1201	Sinh học đại cương	DH22BT01	BT2201	88	SH	25/05/2023	3	NK	
1003	SH482	Bùi Phú Nam Anh	BIOT5202	Sinh học đại cương	DH22BT01C	BT2201C	24	SH	29/05/2023	3	VVT	
1004	SH237, SH439	Nguyễn Trần Đông Phương, Nguyễn Ngọc Bảo Châu	BIOT1201	Sinh học đại cương	DH22BT02	BT2202	94	SH	25/05/2023	3	NK	
1005	SH346	Lao Đức Thuận	BIOT2406	Sinh lý động vật	DH21BT01	BT2101	69	SH	30/05/2023	2	NK	
1006	SH346	Lao Đức Thuận	BIOT2406	Sinh lý động vật	DH21BT02	BT2102	69	SH	30/05/2023	2	NK	
1007	SH237	Nguyễn Trần Đông Phương	BIOT2407	Sinh lý Thực vật	DH21BT01	BT2101	58	SH	02/06/2023	1	NK	
1008	SH237	Nguyễn Trần Đông Phương	BIOT2407	Sinh lý Thực vật	DH21BT02	BT2102	70	SH	02/06/2023	1	NK	
1009	XH070	Hoàng Dương	SWOR3202	Sức khỏe tâm thần	DH19CT01	SW1901	27	XH	09/05/2023	5	NK	
1010	KT195	Nguyễn Thị ánh Như	FINA1330	Tài chính cá nhân	DH20FI01	FI2001	44	TC	16/05/2023	1	NK	
1011	KT279	Đoàn Thị Thanh Thúy	FINA5304	Tài chính doanh nghiệp 1	DH20BK01C	BK2001C	44	TC	23/05/2023	5	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1012	KT278	Dương Đăng Khoa	FINA5304	Tài chính doanh nghiệp 1	DH20BK02C	BK2002C	46	TC	23/05/2023	5	VVT	
1013	KT255	Đỗ Thị Thanh Nhân	FINA5304	Tài chính doanh nghiệp 1	DH20BK03C	BK2003C	50	TC	23/05/2023	5	VVT	
1014	KT219	Phan Quỳnh Trang	FINA5304	Tài chính doanh nghiệp 1	TN20DBE1	FB201E	14	TC	23/05/2023	5	VVT	
1015	KT252	Võ Thị Phương	FINA1329	Tài chính doanh nghiệp 1	DH21FB01	FB2101	73	TC	21/05/2023	1	NK	
1016	KT252	Võ Thị Phương	FINA1329	Tài chính doanh nghiệp 1	DH21FB02	FB2102	67	TC	21/05/2023	1	NK	
1017	KT231	Vũ Bích Ngọc	FINA5310	Tài chính doanh nghiệp 2	LK21BO01,LK21FLAC	BO2101	3	DB	07/05/2023	1	VVT	
1018	KK062	Hồ Thị Bích Nhon	FINA3324	Tài chính hành chính sự nghiệp	DH21AC01	AC2101	63	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1019	KK062	Hồ Thị Bích Nhon	FINA3324	Tài chính hành chính sự nghiệp	DH21AC02	AC2102	53	KK				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1020	KT105	Phan Thị Minh Huệ	FINA2335	Tài chính quốc tế	DH20KI01	EI2001	75	TC	16/05/2023	1	MTL	
1021	KT105	Phan Thị Minh Huệ	FINA2335	Tài chính quốc tế	DH20KI02	EI2002	50	TC	16/05/2023	1	MTL	
1022	KT255	Đỗ Thị Thanh Nhân	FINA5308	Tài chính quốc tế	TN20DBE1	FB201E	16	TC	18/05/2023	5	VVT	
1023	KT105	Phan Thị Minh Huệ	FINA2335	Tài chính quốc tế	DH20KI03	IE2001	90	TC	16/05/2023	1	MTL	
1024	AV204	Ngô Thị Bạch Loan	ENGL3306	Tâm lý giáo dục	DH20AV02	EL2002	43	NN	09/05/2023	4	NK	
1025	NN322	Hoàng Thị Tuyết	ENGL3306	Tâm lý giáo dục	DH20AV04	EL2004	22	NN	09/05/2023	4	NK	
1026	XH061	Phan Thị Mai Quyên	SOCI1201	Tâm lý học đại cương	SH20DB01	BT201C	11	XH	08/05/2023	2	VVT	
1027	XH016	Trần Thị Thanh Trà	SWOR2334	Tâm lý học phát triển	DH21SW01	SW2101	53	XH	18/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1028	XH016	Trần Thị Thanh Trà	SWOR2334	Tâm lý học phát triển	DH21SW02	SW2102	57	XH	18/05/2023	4	NK	
1029	XH061	Phan Thị Mai Quyên	BADM2367	Tâm lý học quản trị	DH19NL01	HM1901	52	QT	16/05/2023	2	MTL	
1030	XH016	Trần Thị Thanh Trà	ENGL1384	Tâm lý lứa tuổi	HC21ET01	ET211H	16	NN	21/05/2023	4	VVT	
1031	KT196	Phan Ngọc Tấn	FINA2345	Thẩm định tín dụng	DH20BK01	BK2001	70	TC	17/05/2023	1	NK	
1032	KT196	Phan Ngọc Tấn	FINA2343	Thanh toán quốc tế	DH20BK01	BK2001	90	TC	18/05/2023	4	NK	
1033	KT196	Phan Ngọc Tấn	FINA2343	Thanh toán quốc tế	DH20KQ01	IB2001	47	TC	18/05/2023	4	MTL	
1034	KT112	Phan Ngọc Thùy Như	FINA2343	Thanh toán quốc tế	DH20KQ02	IB2002	74	TC	18/05/2023	4	MTL	
1035	KT242	Phan Hồng Hạnh	FINA5313	Thanh toán quốc tế	DH20BK01C	BK2001C	49	TC	26/05/2023	1	VVT	
1036	KT242	Phan Hồng Hạnh	FINA5313	Thanh toán quốc tế	DH20BK02C	BK2002C	48	TC	26/05/2023	1	VVT	
1037	KT222	Phạm Thu Hương	FINA5313	Thanh toán quốc tế	DH20BK03C	BK2003C	46	TC	26/05/2023	1	VVT	
1038	KI230	Trần Thị Kim Nguyên	SEAS2304	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	DH21SA01	SA2101	72	LA	17/05/2023	2	NK	
1039	KI230	Trần Thị Kim Nguyên	SEAS2304	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	DH21SA02	SA2102	75	LA	17/05/2023	2	NK	
1040			CENG1204	Thí nghiệm Cơ chất lỏng	DH22CE01	CE2201	79	KT				Khoa tổ chức thi
1041			CENG6102	Thí nghiệm Cơ chất lỏng	DH22CE01C	CE2201C	13	KT				Khoa tổ chức thi
1042			CENG1204	Thí nghiệm Cơ chất lỏng	DH22CE02	CE2202	72	KT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1043			CENG2207	Thí nghiệm Cơ học đất	DH21CE01	CE2101	86	KT				Khoa tổ chức thi
1044			CENG2207	Thí nghiệm Cơ học đất	DH20XD02	CE2102	62	KT				Khoa tổ chức thi
1045			CENG6103	Thí nghiệm Cơ học đất	DH21CE01C	CE211C	10	KT				Khoa tổ chức thi
1046			CENG2207	Thí nghiệm Cơ học đất	DH21CM01	CM2101	70	KT				Khoa tổ chức thi
1047			CENG2207	Thí nghiệm Cơ học đất	DH21CM02	CM2102	65	KT				Khoa tổ chức thi
1048	CT316	Đặng Duy Linh	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CE01	CE2101	40	KT				Khoa tổ chức thi
1049	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH20XD02	CE2102	40	KT				Khoa tổ chức thi
1050	CT316	Đặng Duy Linh	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CE01	CE2103	25	KT				Khoa tổ chức thi
1051	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CE02	CE2104	40	KT				Khoa tổ chức thi
1052	CT316	Đặng Duy Linh	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CM01	CM2101	40	KT				Khoa tổ chức thi
1053	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CM02	CM2102	39	KT				Khoa tổ chức thi
1054	CT316	Đặng Duy Linh	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CM01	CM2103	40	KT				Khoa tổ chức thi
1055	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2209	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	DH21CM02	CM2104	31	KT				Khoa tổ chức thi
1056	KT251	Nguyễn Văn Điệp	FINA3320	Thị trường tài chính	DH21FB01	FB2101	71	TC	30/05/2023	2	NK	
1057	KT218	Vũ Hữu Thành	FINA3320	Thị trường tài chính	DH21FB02	FB2102	78	TC	30/05/2023	2	NK	
1058	KT219	Phan Quỳnh Trang	FINA5303	Thị trường tài chính	DH21FB01C	FB211C	51	TC	24/05/2023	5	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1059	KT219	Phan Quỳnh Trang	FINA5303	Thị trường tài chính	DH21FB02C	FB212C	51	TC	24/05/2023	5	VVT	
1060	KT219	Phan Quỳnh Trang	FINA5303	Thị trường tài chính	DH21FB03C	FB213C	50	TC	24/05/2023	5	VVT	
1061	KT219	Phan Quỳnh Trang	FINA5303	Thị trường tài chính	DH21FB04C	FB214C	51	TC	24/05/2023	5	VVT	
1062	KT193	Nguyễn Lê Ngọc Hoàn	FINA2337	Thị trường tài chính phái sinh	DH20CF01	CF2001	70	TC	19/05/2023	2	NK	
1063	KT193	Nguyễn Lê Ngọc Hoàn	FINA2337	Thị trường tài chính phái sinh	DH20CF02	CF2002	53	TC	19/05/2023	2	NK	
1064	KT252	Võ Thị Phương	FINA2337	Thị trường tài chính phái sinh	DH20FI01	FI2001	46	TC	19/05/2023	2	NK	
1065	QT591	Trần Thị Bích Ngọc	TOUR1310	Thiết kế và điều hành tour	DH20DL01	TO2001	53	QT	30/05/2023	4	MTL	Nộp tiểu luận
1066	KI156	Nguyễn Thị Phúc Doang	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH19TN03	BK1901	73	KI	19/05/2023	1	NK	
1067	KI156	Nguyễn Thị Phúc Doang	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH20CF01	CF2001	72	KI	19/05/2023	1	NK	
1068	KI156	Nguyễn Thị Phúc Doang	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH20CF02	CF2002	72	KI	19/05/2023	1	NK	
1069	KI241	Lê Văn Phong	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH20KI01	EI2001	61	KI	19/05/2023	1	MTL	
1070	KI241	Lê Văn Phong	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH20KI02	EI2002	61	KI	19/05/2023	1	MTL	
1071	KI156	Nguyễn Thị Phúc Doang	ECON2314	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	DH20KI03	IE2001	90	KI	19/05/2023	1	MTL	
1072	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH1316	Thống kê cho Kinh tế và Tài chính	DH21FB01	FB2101	73	TC	17/05/2023	2	NK	
1073	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH1316	Thống kê cho Kinh tế và Tài chính	DH21FB02	FB2102	70	TC	17/05/2023	2	NK	
1074	GV592	Lê Minh Tiến	SOCI1319	Thống kê xã hội	DH21SA01	SA2101	70	XH	16/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1075	GV592	Lê Minh Tiến	SOCI1319	Thống kê xã hội	DH21SA02	SA2102	55	XH	16/05/2023	4	NK	
1076	GV592	Lê Minh Tiến	SOCI1319	Thống kê xã hội	DH21SW01	SW2101	65	XH	16/05/2023	4	NK	
1077	GV592	Lê Minh Tiến	SOCI1319	Thống kê xã hội	DH21SW02	SW2102	65	XH	16/05/2023	4	NK	
1078	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM2117	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA01	BA2101	80	QT				Khoa tổ chức thi
1079	QT576	Nguyễn Đức Trung	BADM2117	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA02	BA2102	72	QT				Khoa tổ chức thi
1080	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM2117	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA03	BA2103	80	QT				Khoa tổ chức thi
1081	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM6105	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA01C	BA211C	49	QT				Khoa tổ chức thi
1082	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM6105	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA02C	BA212C	48	QT				Khoa tổ chức thi
1083	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM6105	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA03C	BA213C	46	QT				Khoa tổ chức thi
1084	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM6105	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA04C	BA214C	45	QT				Khoa tổ chức thi
1085	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM6105	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21BA05C	BA215C	43	QT				Khoa tổ chức thi
1086	QT576	Nguyễn Đức Trung	BADM2117	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21LG01	LG2101	48	QT				Khoa tổ chức thi
1087	QT486	Thái Thanh Tuấn	BADM2117	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	DH21LG01	LG2102	31	QT				Khoa tổ chức thi
1088	NN226	Lê Kim Long	JAPA1344	Thực hành nghề nghiệp 1	DH20NB01	JL2001	35	NN	22/05/2023	3	NK	
1089	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1344	Thực hành nghề nghiệp 1	DH20NB02,DH20NB04	JL2002	36	NN	22/05/2023	3	NK	
1090	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA1344	Thực hành nghề nghiệp 1	DH20NB03	JL2003	34	NN	22/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1091	AV180	Phạm Minh Tú	JAPA0403	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 3	DH22JL01C	JL2201C	35	NN	11/05/2023	2	VVT	
1092	NN084	Chu Vũ Như Nguyễn	JAPA0406	Thực hành Tiếng Nhật tổng hợp 4	DH22JL01C	JL2201C	35	NN	29/05/2023	2	VVT	
1093	NN518	Nguyễn Trần Quý	VIET6202	Thực hành văn bản tiếng Việt	DH22JL01C	JL2201C	35	NN	30/05/2023	2	VVT	
1094	SH297	Tạ Đăng Khoa	BIOT2355	Thực phẩm chức năng	DH20FT01	FT2001	32	SH	31/05/2023	4	NK	
1095	SH040	Nguyễn Minh Hoàng	CHEM6101	Thực tập Hóa hữu cơ và Hóa phân tích	DH22BT01C	BT2201C	25	SH				Khoa tổ chức thi
1096			IBUS1399	Thực tập tại doanh nghiệp	LK22ROFR	FR2201	0	QT				Khoa tổ chức thi
1097			CENG4599	Thực tập tốt nghiệp	DH19XD01	CE1901	60	KT				Khoa tổ chức thi
1098	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM1373	Thương mại điện tử	DH20QT01	BA2001	66	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1099	QT559	Lê Duy Khang	BADM1373	Thương mại điện tử	DH20QT02	BA2002	52	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1100	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM1373	Thương mại điện tử	DH20QT03	BA2003	69	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1101	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM1373	Thương mại điện tử	DH20KQ01	IB2001	76	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1102	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM1373	Thương mại điện tử	DH20KQ02	IB2002	77	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1103	QT533	Phạm Xuân Kiên	BADM1373	Thương mại điện tử	DH19IM01, DH19IM02	IM1901	13	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1104	QT480	Nguyễn Thị Bích Trâm	BADM3306	Thương mại điện tử	LK21ROVN	VN2101	18	QT	30/05/2023	1	VVT	
1105	KT257	Lê Duy Khánh	FINA6307	Tiền tệ và Ngân hàng	DH21FB01C	FB211C	52	TC	22/05/2023	5	VVT	
1106	KT257	Lê Duy Khánh	FINA6307	Tiền tệ và Ngân hàng	DH21FB02C	FB212C	52	TC	22/05/2023	5	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1107	KT257	Lê Duy Khánh	FINA6307	Tiền tệ và Ngân hàng	DH21FB03C	FB213C	52	TC	22/05/2023	5	VVT	
1108	KT257	Lê Duy Khánh	FINA6307	Tiền tệ và Ngân hàng	DH21FB04C	FB214C	52	TC	22/05/2023	5	VVT	
1109	NN430	Nguyễn Đức Bảo Thạch	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3101	43	NN	07/05/2023	3	NK	
1110	NN652	Lê Nguyễn Ty Na	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_DBTACB3	OL3101C	29	NN	07/05/2023	3	VVT	
1111	NN430	Nguyễn Đức Bảo Thạch	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3102	42	NN	07/05/2023	3	NK	
1112	NN461	Nguyễn Lê Tâm	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_DBTACB3	OL3102C	27	NN	07/05/2023	3	VVT	
1113	NN430	Nguyễn Đức Bảo Thạch	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3103	43	NN	07/05/2023	3	NK	
1114	NN430	Nguyễn Đức Bảo Thạch	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3104	43	NN	07/05/2023	3	NK	
1115	NN590	Phạm Trần Quế Hương	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3105	41	NN	07/05/2023	4	NK	
1116	NN458	Nguyễn Thê Bảo Long	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3106	29	NN	07/05/2023	4	NK	
1117	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3107	43	NN	07/05/2023	4	NK	
1118	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	_OLAVCB3	OL3108	43	NN	07/05/2023	4	NK	
1119	NN588	Phùng Thanh Duy	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4101	41	NN	14/05/2023	3	NK	
1120	NN648	Lâm Hồng Ngọc Vũ	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4102	41	NN	14/05/2023	3	NK	
1121	NN457	Phan Vũ Thị Kim Liên	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4103	40	NN	14/05/2023	3	NK	
1122	NN461	Nguyễn Lê Tâm	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_DBTACB4	OL4103C	35	NN	14/05/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1123	NN609	Lê Hoàng Thiên Trang	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4104	38	NN	14/05/2023	3	NK	
1124	NN554	Hoàng Thị Kim Dung	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_DBTACB4	OL4104C	40	NN	14/05/2023	3	VVT	
1125	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4105	40	NN	14/05/2023	3	NK	
1126	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4106	30	NN	14/05/2023	3	NK	
1127	NN522	Hồ Thị Thanh Hào	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4107	41	NN	14/05/2023	3	NK	
1128	NN485	Ông Hồng Thanh	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4108	40	NN	14/05/2023	4	NK	
1129	NN589	Lê Huệ Hà	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4109	41	NN	14/05/2023	4	NK	
1130	NN486	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4110	40	NN	14/05/2023	4	NK	
1131	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4111	40	NN	14/05/2023	4	NK	
1132	NN602	Mai Phước Sơn	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4112	36	NN	14/05/2023	4	NK	
1133	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4115	38	NN	14/05/2023	4	NK	
1134	AV121	Bùi Thị Phương Thảo	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4116	41	NN	14/05/2023	4	NK	
1135	NN522	Hồ Thị Thanh Hào	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4201	43	NN	21/05/2023	3	NK	
1136	NN652	Lê Nguyễn Ty Na	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_DBTACB4	OL4201C	25	NN	21/05/2023	3	VVT	
1137	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4202	43	NN	21/05/2023	3	NK	
1138	NN501	Phan Thị Minh Thảo	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_DBTACB4	OL4202C	34	NN	21/05/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1139	NN457	Phan Vũ Thị Kim Liên	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4203	42	NN	21/05/2023	3	NK	
1140	NN609	Lê Hoàng Thiên Trang	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4204	44	NN	21/05/2023	3	NK	
1141	NN489	Trần Thị Thanh Trãi	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4205	43	NN	21/05/2023	3	NK	
1142	NN602	Mai Phước Sơn	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4206	44	NN	21/05/2023	3	NK	
1143	NN588	Phùng Thanh Duy	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4207	43	NN	21/05/2023	3	NK	
1144	NN648	Lâm Hồng Ngọc Vũ	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	_OLAVCB4	OL4208	43	NN	21/05/2023	3	NK	
1145	NN600	Nguyễn Minh Quân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5101	40	NN	14/05/2023	2	NK	
1146	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_DBTACB5	OL5101C	45	NN	14/05/2023	2	VVT	
1147	NN539	Huỳnh Anh Nhân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5102	40	NN	14/05/2023	2	NK	
1148	NN554	Hoàng Thị Kim Dung	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_DBTACB5	OL5102C	45	NN	14/05/2023	2	VVT	
1149	GV200	Đoàn Thị Phương Lan	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5103	41	NN	14/05/2023	2	NK	
1150	GV200	Đoàn Thị Phương Lan	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5104	42	NN	14/05/2023	2	NK	
1151	NN458	Nguyễn Thê Bảo Long	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5105	34	NN	11/05/2023	4	NK	
1152	NN539	Huỳnh Anh Nhân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5106	29	NN	14/05/2023	2	NK	
1153	NN601	Đinh Phạm Xuân Quyên	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5107	41	NN	11/05/2023	4	NK	
1154	NN601	Đinh Phạm Xuân Quyên	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5108	42	NN	11/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1155	NN603	Trần Thanh Tân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5109	41	NN	11/05/2023	4	NK	
1156	NN600	Nguyễn Minh Quân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5110	41	NN	11/05/2023	4	NK	
1157	NN489	Trần Thị Thanh Trãi	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5111	40	NN	11/05/2023	4	NK	
1158	NN496	Lê Trường An	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5112	31	NN	11/05/2023	4	NK	
1159	NN533	Đinh Trần Thúy Liễu	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5113	41	NN	11/05/2023	4	NK	
1160	NN601	Đinh Phạm Xuân Quyên	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5201	41	NN	21/05/2023	4	NK	
1161	NN485	Ông Hồng Thanh	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5202	40	NN	21/05/2023	4	NK	
1162	NN603	Trần Thanh Tân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5203	40	NN	21/05/2023	4	NK	
1163	NN652	Lê Nguyễn Ty Na	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_DBTACB5	OL5203C	44	NN	21/05/2023	4	VVT	
1164	NN584	Trần Minh Bảo	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5204	41	NN	21/05/2023	4	NK	
1165	AV121	Bùi Thị Phương Thảo	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_DBTACB5	OL5204C	45	NN	21/05/2023	4	VVT	
1166	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5205	39	NN	21/05/2023	4	NK	
1167	NN539	Huỳnh Anh Nhân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5206	38	NN	21/05/2023	4	NK	
1168	NN600	Nguyễn Minh Quân	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5207	41	NN	21/05/2023	4	NK	
1169	NN601	Đinh Phạm Xuân Quyên	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5208	40	NN	19/05/2023	5	NK	
1170	GV200	Đoàn Thị Phương Lan	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5209	41	NN	19/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1171	GV200	Đoàn Thị Phương Lan	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5210	41	NN	19/05/2023	5	NK	
1172	NN458	Nguyễn Thế Bảo Long	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5211	41	NN	19/05/2023	5	NK	
1173	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5212	40	NN	19/05/2023	5	NK	
1174	NN589	Lê Huệ Hà	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5215	41	NN	19/05/2023	5	NK	
1175	NN486	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	_OLAVCB5	OL5216	41	NN	19/05/2023	5	NK	
1176	NN564	Nguyễn Ngọc Ly	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NNPHU	GENG11	48	NN	16/05/2023	5	NK	
1177	NN300	Nguyễn Trần ái Duy	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NNPHU	GENG12	36	NN	16/05/2023	5	NK	
1178	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NNPHU	GENG15	15	NN	16/05/2023	5	NK	
1179	NN476	Nguyễn Hằng My Đoàn	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6105	45	NN	15/05/2023	5	MTL	
1180	NN476	Nguyễn Hằng My Đoàn	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6106	47	NN	15/05/2023	5	MTL	
1181	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6201	47	NN	28/05/2023	4	MTL	
1182	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6202	43	NN	28/05/2023	3	MTL	
1183	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6203	47	NN	28/05/2023	3	MTL	
1184	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_MLAVNC1	ML6204	42	NN	28/05/2023	4	MTL	
1185	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6101	46	NN	15/05/2023	5	NK	
1186	NN224	Bùi Nguyễn Nguyệt Minh	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6102	45	NN	15/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1187	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6103	46	NN	15/05/2023	5	NK	
1188	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6104	45	NN	15/05/2023	5	NK	
1189	NN330	Nguyễn Hoàng Mai Dung	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6105	47	NN	15/05/2023	5	NK	
1190	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6106	46	NN	15/05/2023	5	NK	
1191	NN563	Huỳnh Ngọc An	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6107	47	NN	15/05/2023	5	NK	
1192	NN429	Trần Văn Đoàn	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6108	46	NN	16/05/2023	5	NK	
1193	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6109	46	NN	16/05/2023	5	NK	
1194	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6110	46	NN	16/05/2023	5	NK	
1195	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6115	39	NN	16/05/2023	5	NK	
1196	NN448	Nguyễn Trường Giang	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6116	33	NN	16/05/2023	5	NK	
1197	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6201	46	NN	28/05/2023	3	NK	
1198	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6202	46	NN	28/05/2023	3	NK	
1199	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6203	46	NN	28/05/2023	3	NK	
1200	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6204	46	NN	28/05/2023	3	NK	
1201	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6207	46	NN	28/05/2023	4	NK	
1202	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6208	47	NN	28/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1203	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6209	44	NN	28/05/2023	4	NK	
1204	NN229	Trần Thị Thắm	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_NKAVNC1	NK6210	46	NN	28/05/2023	4	NK	
1205	NN254	Phạm Thị Hồng Anh	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6101C	40	NN	15/05/2023	5	VVT	
1206	AV051	Lê Phương Thảo	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6102C	40	NN	15/05/2023	5	VVT	
1207	NN303	Trần Hoàng Yên	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6103C	40	NN	15/05/2023	5	VVT	
1208	NN385	Nguyễn Sỹ Tú	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6104C	40	NN	15/05/2023	5	VVT	
1209	NN480	Trần Thị Bách Khoa	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6109C	18	NN	15/05/2023	5	VVT	
1210	NN404	Nguyễn Thị Việt Nga	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6110C	10	NN	15/05/2023	5	VVT	
1211	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6201C	40	NN	28/05/2023	3	VVT	
1212	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	_DBTANC1	VT6202C	40	NN	28/05/2023	3	VVT	
1213	NN401, NN560	Lý Mai Hương,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF201C	35	NN	22/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1214	NN401, NN560	Lý Mai Hương,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF201C	35	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N
1215	NN401, NN560	Lý Mai Hương,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF201C	35	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET
1216	NN401, NN661	Lý Mai Hương,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF202C	37	NN	23/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1217	NN401, NN661	Lý Mai Hương,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF202C	37	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N
1218	NN401, NN661	Lý Mai Hương,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF202C	37	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1219	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF203C	28	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N
1220	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF203C	28	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET
1221	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF203C	28	NN	24/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1222	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF204C	40	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N
1223	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF204C	40	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET
1224	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF204C	40	NN	22/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1225	NN501, NN636	Phan Thị Minh Thảo,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF205C	34	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N
1226	NN501, NN636	Phan Thị Minh Thảo,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF205C	34	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET
1227	NN501, NN636	Phan Thị Minh Thảo,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF205C	34	NN	25/05/2023	3	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1228	NN607, NN636	Lê Võ Kim Tiếng,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF206C	18	NN	28/05/2023	1	VVT	D-N

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1229	NN607, NN636	Lê Võ Kim Tiếng,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF206C	18	NN	26/05/2023	5	VVT	VIET
1230	NN607, NN636	Lê Võ Kim Tiếng,Acker Michael Steven	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF206C	18	NN	24/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1231	NN303, NN406	Trần Hoàng Yên,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF207C	36	NN	30/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1232	NN303, NN406	Trần Hoàng Yên,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF207C	36	NN	04/06/2023	1	VVT	D-N
1233	NN303, NN406	Trần Hoàng Yên,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF207C	36	NN	02/06/2023	5	VVT	VIET
1234	NN401, NN406	Lý Mai Hương,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF209C	24	NN	31/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1235	NN401, NN406	Lý Mai Hương,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF209C	24	NN	04/06/2023	1	VVT	D-N
1236	NN401, NN406	Lý Mai Hương,Alexander Kenji Ikeda	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF209C	24	NN	02/06/2023	5	VVT	VIET
1237	NN283, NN560	Nguyễn Thành Tuấn,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF210C	41	NN	01/06/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1238	NN283, NN560	Nguyễn Thành Tuấn,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF210C	41	NN	04/06/2023	1	VVT	D-N

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1239	NN283, NN560	Nguyễn Thành Tuân,Andries Frederick Dreyer	GENG1348	Tiếng Anh Nâng cao 10 (K2019)	_DBTANC10	VTF210C	41	NN	02/06/2023	5	VVT	VIET
1240	NN112	Mai Thị Thúy Phượng	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7101	45	NN	17/05/2023	5	MTL	
1241	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7102	45	NN	17/05/2023	5	MTL	
1242	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7103	45	NN	17/05/2023	5	MTL	
1243	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7104	43	NN	18/05/2023	5	MTL	
1244	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7105	43	NN	18/05/2023	5	MTL	
1245	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7106	33	NN	18/05/2023	5	MTL	
1246	NN112	Mai Thị Thúy Phượng	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7108	33	NN	18/05/2023	5	MTL	
1247	NN383	Dương Thị Vân Anh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7205	45	NN	04/06/2023	3	MTL	
1248	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_MLAVNC2	ML7206	36	NN	04/06/2023	3	MTL	
1249	NN055	Nguyễn Thị Phương Khanh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7101	46	NN	17/05/2023	5	NK	
1250	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7102	44	NN	17/05/2023	5	NK	
1251	NN055	Nguyễn Thị Phương Khanh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7103	45	NN	17/05/2023	5	NK	
1252	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7104	45	NN	17/05/2023	5	NK	
1253	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7105	44	NN	17/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1254	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7106	45	NN	17/05/2023	5	NK	
1255	NN192	Châu Thị Khánh Linh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7107	43	NN	17/05/2023	5	NK	
1256	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7108	46	NN	18/05/2023	5	NK	
1257	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7109	44	NN	18/05/2023	5	NK	
1258	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7110	44	NN	18/05/2023	5	NK	
1259	NN563	Huỳnh Ngọc An	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7111	46	NN	18/05/2023	5	NK	
1260	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7112	44	NN	18/05/2023	5	NK	
1261	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7113	45	NN	18/05/2023	5	NK	
1262	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7114	46	NN	18/05/2023	5	NK	
1263	NN055	Nguyễn Thị Phương Khanh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7201	43	NN	04/06/2023	3	NK	
1264	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7202	43	NN	04/06/2023	3	NK	
1265	NN055	Nguyễn Thị Phương Khanh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7203	46	NN	04/06/2023	3	NK	
1266	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7204	44	NN	04/06/2023	3	NK	
1267	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7205	45	NN	04/06/2023	3	NK	
1268	NN048	Hoàng Hồ Trang	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7206	44	NN	04/06/2023	3	NK	
1269	NN192	Châu Thị Khánh Linh	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7207	46	NN	04/06/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1270	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7208	46	NN	04/06/2023	3	NK	
1271	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7209	46	NN	04/06/2023	3	NK	
1272	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_NKAVNC2	NK7210	47	NN	04/06/2023	3	NK	
1273	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7101C	40	NN	16/05/2023	5	VVT	
1274	NN391	Hồ Nữ Nguyệt Quế	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7102C	40	NN	16/05/2023	5	VVT	
1275	NN597	Nguyễn Thị Yên Nhung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7103C	40	NN	16/05/2023	5	VVT	
1276	NN597	Nguyễn Thị Yên Nhung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7104C	41	NN	16/05/2023	5	VVT	
1277	NN303	Trần Hoàng Yên	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7105C	42	NN	18/05/2023	5	VVT	
1278	NN146	Võ Thị Ngọc Trang	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7106C	13	NN	18/05/2023	5	VVT	
1279	NN174	Phạm Lê Kim Tuyến	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7109C	39	NN	18/05/2023	5	VVT	
1280	NN174	Phạm Lê Kim Tuyến	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7110C	40	NN	18/05/2023	5	VVT	
1281	NN480	Trần Thị Bách Khoa	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7201C	41	NN	28/05/2023	4	VVT	
1282	NN402	Lương Minh Hiếu	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7202C	39	NN	28/05/2023	4	VVT	
1283	NN597	Nguyễn Thị Yên Nhung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7203C	40	NN	28/05/2023	4	VVT	
1284	NN597	Nguyễn Thị Yên Nhung	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	_DBTANC2	VT7204C	40	NN	28/05/2023	4	VVT	
1285	NN112	Mai Thị Thúy Phượng	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8201	43	NN	29/05/2023	5	MTL	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1286	NN112	Mai Thị Thúy Phượng	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8202	39	NN	30/05/2023	5	MTL	
1287	NN651	Nguyễn Tấn Lợi	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8203	45	NN	29/05/2023	5	MTL	
1288	NN331	Dương Thị Tuyết Lan	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8204	43	NN	29/05/2023	5	MTL	
1289	NN476	Nguyễn Hằng My Đoan	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8205	43	NN	30/05/2023	5	MTL	
1290	NN476	Nguyễn Hằng My Đoan	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8206	35	NN	30/05/2023	5	MTL	
1291	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_MLAVNC3	ML8208	43	NN	30/05/2023	5	MTL	
1292	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8103	46	NN	29/05/2023	5	NK	
1293	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8104	46	NN	29/05/2023	5	NK	
1294	NN563	Huỳnh Ngọc An	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8201	45	NN	29/05/2023	5	NK	
1295	NN224	Bùi Nguyễn Nguyệt Minh	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8202	47	NN	29/05/2023	5	NK	
1296	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8203	46	NN	19/05/2023	5	NK	
1297	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8204	45	NN	19/05/2023	5	NK	
1298	AV008	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8205	46	NN	29/05/2023	5	NK	
1299	NN334	Lê Anh Tú	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8206	46	NN	29/05/2023	5	NK	
1300	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8207	46	NN	29/05/2023	5	NK	
1301	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8208	46	NN	30/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1302	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8209	46	NN	30/05/2023	5	NK	
1303	NN429	Trần Văn Đoàn	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8210	45	NN	30/05/2023	5	NK	
1304	NN563	Huỳnh Ngọc An	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8211	45	NN	30/05/2023	5	NK	
1305	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8212	44	NN	30/05/2023	5	NK	
1306	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8213	46	NN	30/05/2023	5	NK	
1307	NN300	Nguyễn Trần ái Duyệt	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_NKAVNC3	NK8214	44	NN	30/05/2023	5	NK	
1308	NN399	Hồ Lệ Hằng	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	LK22ROVN	VN2201	11	QT	19/05/2023	5	VVT	
1309	NN254	Phạm Thị Hồng Anh	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8201C	41	NN	19/05/2023	5	VVT	
1310	AV051	Lê Phương Thảo	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8202C	40	NN	19/05/2023	5	VVT	
1311	NN303	Trần Hoàng Yến	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8203C	41	NN	19/05/2023	5	VVT	
1312	NN404	Nguyễn Thị Việt Nga	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8204C	39	NN	19/05/2023	5	VVT	
1313	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8205C	40	NN	17/05/2023	5	VVT	
1314	NN283	Nguyễn Thành Tuấn	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8206C	26	NN	17/05/2023	5	VVT	
1315	NN480	Trần Thị Bách Khoa	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8209C	39	NN	17/05/2023	5	VVT	
1316	AV051	Lê Phương Thảo	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	_DBTANC3	VT8210C	40	NN	17/05/2023	5	VVT	
1317	NN360	Tổng Thị Thu Dung	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NNPHU	GENG41	40	NN	04/06/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1318	NN327	Đàng Nguyễn Diên Khánh	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NNPHU	GENG42	37	NN	04/06/2023	4	NK	
1319	NN360	Tổng Thị Thu Dung	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NNPHU	GENG43	40	NN	04/06/2023	4	NK	
1320	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9101	39	NN	21/05/2023	1	MTL	
1321	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9102	31	NN	21/05/2023	1	MTL	
1322	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9103	39	NN	21/05/2023	1	MTL	
1323	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9104	39	NN	21/05/2023	1	MTL	
1324	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9105	35	NN	21/05/2023	1	MTL	
1325	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9106	18	NN	21/05/2023	2	MTL	
1326	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9107	39	NN	21/05/2023	2	MTL	
1327	NN448	Nguyễn Trường Giang	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9108	39	NN	21/05/2023	2	MTL	
1328	NN651	Nguyễn Tấn Lợi	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9109	37	NN	21/05/2023	2	MTL	
1329	NN331	Dương Thị Tuyết Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_MLAVNC4	ML9110	39	NN	21/05/2023	2	MTL	
1330	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9101	38	NN	10/05/2023	5	NK	
1331	NN300	Nguyễn Trần ái Duy	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9102	38	NN	10/05/2023	5	NK	
1332	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9103	38	NN	10/05/2023	5	NK	
1333	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9104	38	NN	10/05/2023	5	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1334	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9105	36	NN	10/05/2023	5	NK	
1335	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9106	30	NN	10/05/2023	5	NK	
1336	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9107	38	NN	10/05/2023	5	NK	
1337	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9108	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1338	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9109	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1339	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9110	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1340	AV008	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9111	37	NN	11/05/2023	5	NK	
1341	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9113	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1342	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9114	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1343	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9115	38	NN	11/05/2023	5	NK	
1344	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9116	38	NN	11/05/2023	3	NK	
1345	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9117	37	NN	11/05/2023	3	NK	
1346	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9118	37	NN	11/05/2023	5	NK	
1347	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9119	38	NN	11/05/2023	3	NK	
1348	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9120	38	NN	11/05/2023	3	NK	
1349	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9121	38	NN	11/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1350	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9122	38	NN	11/05/2023	3	NK	
1351	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9203	44	NN	04/06/2023	4	NK	
1352	NN468	Phạm Thị Thùy Lan	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_NKAVNC4	NK9204	45	NN	04/06/2023	4	NK	
1353	NN399	Hồ Lệ Hằng	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	LK22ROVN	VN2201	11	QT	04/06/2023	4	VVT	
1354	NN401	Lý Mai Hương	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9101C	41	NN	10/05/2023	5	VVT	
1355	NN401	Lý Mai Hương	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9102C	40	NN	10/05/2023	5	VVT	
1356	NN404	Nguyễn Thị Việt Nga	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9103C	41	NN	10/05/2023	5	VVT	
1357	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9104C	42	NN	11/05/2023	5	VVT	
1358	NN182	Lê Thị Hằng	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9105C	41	NN	11/05/2023	5	VVT	
1359	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9106C	41	NN	11/05/2023	5	VVT	
1360	NN597	Nguyễn Thị Yên Nhung	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9201C	11	NN	04/06/2023	4	VVT	
1361	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	_DBTANC4	VT9202C	9	NN	04/06/2023	4	VVT	
1362	NN480	Trần Thị Bách Khoa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	DH22BA01E,D H22FB01E	BA2201E	38	NN	07/05/2023	1	VVT	
1363	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA101	34	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1364	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA101	34	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1365	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA101	34	NN	09/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1366	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA102	36	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1367	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA102	36	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1368	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA102	36	NN	09/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1369	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA103	34	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1370	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA103	34	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1371	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA103	34	NN	11/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1372	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA104	34	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1373	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA104	34	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1374	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA104	34	NN	11/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1375	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA105	32	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1376	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA105	32	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1377	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA105	32	NN	12/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1378	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA106	14	NN	12/05/2023	5	MTL	VIET
1379	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA106	14	NN	14/05/2023	1	MTL	D-N
1380	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA106	14	NN	12/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1381	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA201	35	NN	01/06/2023	5	MTL	VIET

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1382	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA201	35	NN	04/06/2023	1	MTL	D-N
1383	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA201	35	NN	29/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1384	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA202	34	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1385	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA202	34	NN	04/06/2023	1	MTL	D-N
1386	NN345	Nguyễn Lê Ngọc Quyên	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA202	34	NN	29/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1387	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA203	35	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1388	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA203	35	NN	04/06/2023	1	MTL	D-N
1389	NN638	Nguyễn Thúy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA203	35	NN	29/05/2023	3	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1390	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA204	35	NN	01/06/2023	5	MTL	VIET
1391	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA204	35	NN	04/06/2023	1	MTL	D-N
1392	NN446	Ngô Tuấn Duy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA204	35	NN	30/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1393	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA205	32	NN	01/06/2023	5	MTL	VIET
1394	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA205	32	NN	04/06/2023	1	MTL	D-N
1395	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA205	32	NN	31/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1396	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA206	17	NN	01/06/2023	5	MTL	VIET
1397	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA206	17	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1398	NN529	Bùi Nhật Huy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA206	17	NN	31/05/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1399	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA207	32	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1400	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA207	32	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N
1401	NN568	Phạm Trần Mỹ Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA207	32	NN	01/06/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1402	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA208	35	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1403	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA208	35	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N
1404	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA208	35	NN	01/06/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1405	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA209	34	NN	01/06/2023	5	MTL	VIET
1406	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA209	34	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N
1407	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA209	34	NN	02/06/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1408	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA210	24	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1409	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA210	24	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N
1410	NN524	Trương Minh Hòa	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA210	24	NN	02/06/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)
1411	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA213	32	NN	02/06/2023	5	MTL	VIET
1412	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA213	32	NN	04/06/2023	2	MTL	D-N
1413	NN500	Trần Hoàng Mai Thảo	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_MLAVNC5	MLA213	32	NN	02/06/2023	1	MTL	Thi Nói (Vấn đáp)

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐDT	Ghi chú
1414	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA101	37	NN	12/05/2023	5	NK	VIET
1415	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA101	37	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1416	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA101	37	NN	12/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1417	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA102	36	NN	12/05/2023	5	NK	VIET
1418	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA102	36	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1419	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA102	36	NN	09/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1420	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA103	37	NN	12/05/2023	5	NK	VIET
1421	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA103	37	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1422	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA103	37	NN	10/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1423	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA104	35	NN	12/05/2023	5	NK	VIET
1424	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA104	35	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1425	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA104	35	NN	10/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1426	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA105	35	NN	12/05/2023	5	NK	VIET
1427	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA105	35	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1428	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA105	35	NN	11/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1429	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA106	36	NN	12/05/2023	5	NK	VIET

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1430	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA106	36	NN	14/05/2023	1	NK	D-N
1431	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA106	36	NN	11/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1432	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA201	36	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1433	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA201	36	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1434	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA201	36	NN	29/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1435	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA202	37	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1436	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA202	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1437	AV092	Phan Thị Thu Nga	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA202	37	NN	29/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1438	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA203	38	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1439	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA203	38	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1440	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA203	38	NN	29/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1441	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA204	37	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1442	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA204	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1443	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA204	37	NN	29/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1444	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA205	25	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1445	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA205	25	NN	04/06/2023	1	NK	D-N

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1446	NN497	Nguyễn Thị Tiểu Hà	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA205	25	NN	30/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1447	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA206	27	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1448	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA206	27	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1449	NN481	Huyền Huyền Tôn Nữ Quỳnh Mai	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA206	27	NN	30/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1450	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA207	37	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1451	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA207	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1452	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA207	37	NN	30/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1453	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA208	21	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1454	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA208	21	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1455	NN508	Nguyễn Bảo Ngọc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA208	21	NN	30/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1456	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA209	36	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1457	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA209	36	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1458	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA209	36	NN	30/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1459	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA210	37	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1460	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA210	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1461	NN436	Phan Thị Thùy Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA210	37	NN	31/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1462	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA213	37	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1463	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA213	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1464	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA213	37	NN	31/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1465	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA214	34	NN	01/06/2023	5	NK	VIET
1466	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA214	34	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1467	NN567	Dương Trần Thủy Trinh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA214	34	NN	31/05/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1468	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA215	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1469	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA215	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1470	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA215	37	NN	31/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1471	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA216	36	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1472	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA216	36	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1473	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA216	36	NN	31/05/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1474	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA217	29	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1475	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA217	29	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1476	NN334	Lê Anh Tú	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA217	29	NN	01/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1477	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA219	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1478	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA219	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1479	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA219	37	NN	01/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1480	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA220	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1481	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA220	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1482	NN427	Trần Thị Như ý	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA220	37	NN	01/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1483	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA221	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1484	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA221	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1485	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA221	37	NN	01/06/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1486	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA222	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1487	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA222	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1488	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA222	37	NN	01/06/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1489	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA223	34	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1490	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA223	34	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1491	NN649	Từ Khiết Bình	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA223	34	NN	02/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1492	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA225	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1493	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA225	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1494	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA225	37	NN	02/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1495	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA226	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1496	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA226	37	NN	04/06/2023	1	NK	D-N
1497	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA226	37	NN	02/06/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1498	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA227	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1499	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA227	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1500	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA227	37	NN	02/06/2023	3	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1501	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA228	37	NN	02/06/2023	5	NK	VIET
1502	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA228	37	NN	04/06/2023	2	NK	D-N
1503	NN492	Nguyễn Thị Hà Vy	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_NKAVNC5	NKA228	37	NN	02/06/2023	1	NK	Thi Nói (Vấn đáp)
1504	NN415	Nguyễn Thị Phước Lộc	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A101C	41	NN	07/05/2023	1	VVT	
1505	NN402	Lương Minh Hiếu	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A102C	41	NN	07/05/2023	1	VVT	
1506	NN401	Lý Mai Hương	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A103C	41	NN	07/05/2023	1	VVT	
1507	AV011	Nguyễn Thị Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A104C	41	NN	07/05/2023	2	VVT	
1508	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A105C	41	NN	07/05/2023	2	VVT	
1509	NN283	Nguyễn Thành Tuấn	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A106C	40	NN	07/05/2023	2	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1510	AV011	Nguyễn Thị Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A201C	41	NN	21/05/2023	2	VVT	
1511	NN607	Lê Võ Kim Tiếng	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A202C	41	NN	21/05/2023	1	VVT	
1512	NN182	Lê Thị Hằng	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A203C	41	NN	21/05/2023	1	VVT	
1513	AV011	Nguyễn Thị Hạnh	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A204C	41	NN	21/05/2023	1	VVT	
1514	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A205C	41	NN	21/05/2023	2	VVT	
1515	NN146	Võ Thị Ngọc Trang	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	_DBTANC5	VT A206C	39	NN	21/05/2023	2	VVT	
1516	NN303, NN661	Trần Hoàng Yến, Craig Donald McIvor	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	DH22BA01E, D H22FB01E	BA2201E	38	NN	14/05/2023	4	VVT	
1517	NN324, NN560	Lê Đỗ Ngọc Hằng, Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB101C	39	NN	14/05/2023	4	VVT	
1518	NN560, NN607	Andries Frederick Dreyer, Lê Võ Kim Tiếng	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB102C	40	NN	14/05/2023	4	VVT	
1519	NN399, NN560	Hồ Lệ Hằng, Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB103C	38	NN	14/05/2023	4	VVT	
1520	NN420, NN560	Mai Thị Hồng Dung, Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB104C	39	NN	14/05/2023	4	VVT	
1521	NN501, NN560	Phan Thị Minh Thảo, Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB105C	39	NN	14/05/2023	4	VVT	
1522	NN560, NN607	Andries Frederick Dreyer, Lê Võ Kim Tiếng	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB106C	21	NN	14/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1523	NN465, NN560	Huỳnh Thạch Vũ,Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB201C	40	NN	23/05/2023	4	VVT	
1524	NN406, NN420	Alexander Kenji Ikeda,Mai Thị Hồng Dung	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB202C	40	NN	23/05/2023	4	VVT	
1525	NN401, NN560	Lý Mai Hương,Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB203C	40	NN	23/05/2023	4	VVT	
1526	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyền,Craig Donald McIvor	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB204C	40	NN	23/05/2023	4	VVT	
1527	NN182, NN560	Lê Thị Hằng,Andries Frederick Dreyer	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB205C	39	NN	23/05/2023	4	VVT	
1528	NN560, TA006	Andries Frederick Dreyer,Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1344	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2019)	_DBTANC6	VTB206C	32	NN	23/05/2023	4	VVT	
1529	NN303, NN661	Trần Hoàng YẾN,Craig Donald McIvor	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	DH22BA01E,D H22FB01E	BA2201E	40	NN	23/05/2023	3	VVT	
1530	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC101C	35	NN	11/05/2023	1	VVT	
1531	NN420, NN636	Mai Thị Hồng Dung,Acker Michael Steven	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC102C	34	NN	11/05/2023	1	VVT	
1532	NN399, NN636	Hồ Lê Hằng,Acker Michael Steven	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC103C	35	NN	11/05/2023	1	VVT	
1533	NN420, NN636	Mai Thị Hồng Dung,Acker Michael Steven	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC104C	27	NN	11/05/2023	1	VVT	
1534	NN465	Huỳnh Thạch Vũ	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC201C	34	NN	23/05/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1535	NN401, NN406	Lý Mai Huong,Alexander Kenji Ikeda	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC202C	33	NN	23/05/2023	3	VVT	
1536	NN174, NN661	Phạm Lê Kim Tuyển,Craig Donald McIvor	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC203C	35	NN	23/05/2023	3	VVT	
1537	NN420, NN560	Mai Thị Hồng Dung,Andries Frederick Dreyer	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC204C	35	NN	23/05/2023	3	VVT	
1538	NN182, NN560	Lê Thị Hằng,Andries Frederick Dreyer	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC205C	20	NN	23/05/2023	3	VVT	
1539	NN636, TA006	Acker Michael Steven,Nguyễn Thị Kiều Miên	GENG1345	Tiếng Anh Nâng cao 7 (K2019)	_DBTANC7	VTC206C	14	NN	23/05/2023	3	VVT	
1540	AV011, NN636	Nguyễn Thị Hanh,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD101C	35	NN	29/05/2023	3	VVT	
1541	NN415, NN636	Nguyễn Thị Phước Lộc,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD102C	35	NN	29/05/2023	3	VVT	
1542	NN182, NN636	Lê Thị Hằng,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD103C	34	NN	29/05/2023	4	VVT	
1543	AV044, NN636	Nguyễn Kim Quý,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD104C	30	NN	29/05/2023	3	VVT	
1544	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD201C	24	NN	29/05/2023	4	VVT	
1545	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD202C	25	NN	29/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1546	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD203C	35	NN	29/05/2023	4	VVT	
1547	AV044, NN636	Nguyễn Kim Quý,Acker Michael Steven	GENG1346	Tiếng Anh Nâng cao 8 (K2019)	_DBTANC8	VTD204C	25	NN	29/05/2023	3	VVT	
1548	NN303, NN661	Trần Hoàng Yến,Craig Donald McIvor	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE101C	41	NN	01/06/2023	4	VVT	
1549	NN560, NN607	Andries Frederick Dreyer,Lê Võ Kim Tiếng	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE102C	36	NN	01/06/2023	4	VVT	
1550	NN182, NN560	Lê Thị Hằng,Andries Frederick Dreyer	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE103C	35	NN	01/06/2023	4	VVT	
1551	NN283, NN560	Nguyễn Thành Tuấn,Andries Frederick Dreyer	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE104C	34	NN	01/06/2023	4	VVT	
1552	NN501, NN636	Phan Thị Minh Thảo,Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE105C	10	NN	01/06/2023	3	VVT	
1553	NN607, NN636	Lê Võ Kim Tiếng,Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE106C	11	NN	01/06/2023	4	VVT	
1554	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE201C	18	NN	01/06/2023	3	VVT	
1555	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE202C	18	NN	01/06/2023	3	VVT	
1556	NN324, NN636	Lê Đỗ Ngọc Hằng,Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE203C	28	NN	01/06/2023	3	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1557	AV044, NN636	Nguyễn Kim Quý, Acker Michael Steven	GENG1347	Tiếng Anh Nâng cao 9 (K2019)	_DBTANC9	VTE204C	13	NN	01/06/2023	3	VVT	
1558	NN631	Oh Hyungkyo	KORE2301	Tiếng Hàn 1	DH22EL05C,D H22EL01C,DH 22EL03C	EL2201C	27	NN	12/05/2023	5	VVT	
1559	NN662	Ji Byungrim	KORE2301	Tiếng Hàn 1	DH22EL06C,D H22EL02C,DH 22EL04C	EL2206C	35	NN	12/05/2023	5	VVT	
1560	NN566	Trần Thị Trang	KORE2301	Tiếng Hàn 1	_NNPHU	KORE11	50	NN	12/05/2023	1	NK	
1561	NN659	Phan Thị Thanh Minh	KORE2301	Tiếng Hàn 1	_NNPHU	KORE12	50	NN	12/05/2023	1	NK	
1562	NN582	Jin Yong Soo	KORE2304	Tiếng Hàn 4	DH21EL03C,D H21EL05C,DH 21EL01C	EL211C	30	NN	12/05/2023	3	VVT	
1563	NN582	Jin Yong Soo	KORE2304	Tiếng Hàn 4	DH21EL02C,D H21EL04C,DH 21EL06C	EL212C	30	NN	12/05/2023	3	VVT	
1564	AV103	Vũ Hồng Vẹn	KORE2304	Tiếng Hàn 4	_NNPHU	KORE41	42	NN	12/05/2023	3	NK	
1565	AV103	Vũ Hồng Vẹn	KORE2304	Tiếng Hàn 4	_NNPHU	KORE42	36	NN	12/05/2023	3	NK	
1566	XH079	Nguyễn Thị Thu Hằng	INDO2301	Tiếng Indonesia 1	DH21SA01,DH 21SA02	SA2101	33	XH	15/05/2023	1	NK	
1567	XH079	Nguyễn Thị Thu Hằng	INDO2304	Tiếng Indonesia 4	DH20DN02,DH 20DN01	SA2001	30	XH	15/05/2023	2	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1568	NN132	Nguyễn Như Ngân	GJAP2301	Tiếng Nhật 1	DH22EL05C,DH22EL06C,DH22EL02C,DH22EL04C,DH22EL01C,DH22EL03C	EL2201C	40	NN	14/05/2023	3	VVT	
1569	NN655	Võ Thị Minh Diễm	GJAP2301	Tiếng Nhật 1	_NNPHU	GJAP11	53	NN	14/05/2023	3	NK	
1570	NN293	Lê Võ Phương Linh	JAPA0301	Tiếng Nhật 1	DH22IT01J	IT2201J	17	NN	14/05/2023	3	NK	
1571	NN132	Nguyễn Như Ngân	GJAP2304	Tiếng Nhật 4	DH21EL03C,DH21EL05C,DH21EL01C	EL211C	20	NN	14/05/2023	4	VVT	
1572	NN132	Nguyễn Như Ngân	GJAP2304	Tiếng Nhật 4	DH21EL02C,DH21EL04C,DH21EL06C	EL212C	19	NN	14/05/2023	4	VVT	
1573	NN495	Trần Lê Thùy Anh	GJAP2304	Tiếng Nhật 4	_NNPHU	GJAP41	35	NN	14/05/2023	4	NK	
1574	NN495	Trần Lê Thùy Anh	GJAP2304	Tiếng Nhật 4	_NNPHU	GJAP42	16	NN	14/05/2023	4	NK	
1575	NN579	Phan Châu Phương Anh	JAPA1416	Tiếng Nhật tổng hợp II	DH22JL01	JL2201	50	NN	08/05/2023	1	NK	
1576	NN579	Phan Châu Phương Anh	JAPA1416	Tiếng Nhật tổng hợp II	DH22JL02	JL2202	50	NN	08/05/2023	1	NK	
1577	NN639	Trần Thị Kim Dung	JAPA1416	Tiếng Nhật tổng hợp II	DH22JL03	JL2203	50	NN	08/05/2023	1	NK	
1578	NN639	Trần Thị Kim Dung	JAPA1416	Tiếng Nhật tổng hợp II	DH22JL03	JL2204	11	NN	08/05/2023	1	NK	
1579	NN085	Phạm Thị Ngọc Diệp	FREN2301	Tiếng Pháp 1	_NNPHU	FREN11	22	NN	12/05/2023	1	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1580	NN085	Phạm Thị Ngọc Diệp	FREN2305	Tiếng Pháp 5	HC21BE01,BH21EL01,HC21ET01	EL211B	13	NN	14/05/2023	3	VVT	
1581	NN085	Phạm Thị Ngọc Diệp	FREN2305	Tiếng Pháp 5	HC21BE01,BH21EL01,HC21ET01	EL211B	13	NN	14/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1582	AV075	Trương Vĩ Quyền	GCHI2301	Tiếng Trung 1	DH22EL01C,DH22EL03C	EL2201C	33	NN	12/05/2023	5	VVT	
1583	AV075	Trương Vĩ Quyền	GCHI2301	Tiếng Trung 1	DH22EL02C,DH22EL04C	EL2202C	31	NN	12/05/2023	5	VVT	
1584	AV075	Trương Vĩ Quyền	GCHI2301	Tiếng Trung 1	DH22EL05C,DH22EL06C	EL2205C	34	NN	12/05/2023	5	VVT	
1585	NN521	Thái ái Châu	GCHI2301	Tiếng Trung 1	_NNPHU	GCHI11	45	NN	12/05/2023	2	NK	
1586	NN658	Nguyễn Phong Nhã	GCHI2301	Tiếng Trung 1	_NNPHU	GCHI12	45	NN	12/05/2023	2	NK	
1587	NN646	Kiều Thị Kim Tuyền	GCHI2301	Tiếng Trung 1	_NNPHU	GCHI13	45	NN	12/05/2023	2	NK	
1588	NN656	Tô Thục	GCHI2301	Tiếng Trung 1	_NNPHU	GCHI14	23	NN	12/05/2023	2	NK	
1589	NN521	Thái ái Châu	GCHI2301	Tiếng Trung 1	DH21SA01,DH21SA02	SA2101	49	NN	12/05/2023	2	NK	
1590	NN626	Lý Gia Yến	GCHI2304	Tiếng Trung 4	DH21EL03C,DH21EL05C,DH21EL01C	EL211C	31	NN	12/05/2023	4	VVT	
1591	NN626	Lý Gia Yến	GCHI2304	Tiếng Trung 4	DH21EL02C,DH21EL04C,DH21EL06C	EL212C	37	NN	12/05/2023	4	VVT	
1592	NN658	Nguyễn Phong Nhã	GCHI2304	Tiếng Trung 4	_NNPHU	GCHI41	40	NN	12/05/2023	4	NK	
1593	NN658	Nguyễn Phong Nhã	GCHI2304	Tiếng Trung 4	_NNPHU	GCHI42	30	NN	12/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1594	NN657	Lê Đắc Toàn	GCHI2304	Tiếng Trung 4	DH20DN01	SA2001	40	NN	12/05/2023	4	NK	
1595	NN657	Lê Đắc Toàn	GCHI2304	Tiếng Trung 4	DH20DN02	SA2002	30	NN	12/05/2023	4	NK	
1596	NN520	Trần Khánh Linh	GCHI2305	Tiếng Trung 5	HC21BE01,BH21EL01,HC21ET01	EL211B	51	NN	14/05/2023	3	VVT	
1597	NN520	Trần Khánh Linh	GCHI2305	Tiếng Trung 5	HC21BE01,BH21EL01,HC21ET01	EL211B	51	NN	14/05/2023	1	VVT	Thi Nói (Vấn đáp)
1598	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN1323	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	DH22CL01	CL2201	47	NN	18/05/2023	4	NK	
1599	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN0302	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	DH22CL01C	CL2201C	35	NN	17/05/2023	2	VVT	
1600	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN1323	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	DH22CL02	CL2202	47	NN	18/05/2023	4	NK	
1601	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN1326	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	DH21CL01	CL2101	37	NN	18/05/2023	1	NK	
1602	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN1326	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	DH21CL02	CL2102	23	NN	18/05/2023	1	NK	
1603	NN140	Châu A Phí	CHIN1326	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	BH21CL01	CL211B	8	NN	21/05/2023	4	VVT	
1604	NN505	Nguyễn Thùy Nương	VIET1201	Tiếng Việt thực hành	DH22EL01,DH22EL03	EL2201	85	NN	19/05/2023	4	NK	
1605	NN505	Nguyễn Thùy Nương	VIET1201	Tiếng Việt thực hành	DH22EL02,DH22EL04	EL2202	52	NN	19/05/2023	4	NK	
1606	NN518	Nguyễn Trần Quý	VIET1201	Tiếng Việt thực hành	DH22EL05	EL2205	90	NN	19/05/2023	4	NK	
1607	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC01	AC2201	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1608	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC02	AC2202	47	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1609	GV005	Nguyễn Thị Trâm Anh	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC03	AC2203	50	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1610	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC01	AC2204	48	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1611	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC02	AC2205	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1612	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC03	AC2206	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1613	GV418	Nguyễn Cao Tùng	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC01	AC2207	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1614	GV418	Nguyễn Cao Tùng	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC02	AC2208	48	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1615	GV733	Trương Bá Vĩnh	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AC03	AC2209	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1616	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AU01	AU2201	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1617	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP1307	Tin học đại cương	DH22AU02	AU2202	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1618	GV018	Thái Chí Biền	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA01C	BA2201C	38	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1619	GV018	Thái Chí Biền	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA02C	BA2202C	39	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1620	GV005	Nguyễn Thị Trâm Anh	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA03C	BA2203C	39	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1621	GV005	Nguyễn Thị Trâm Anh	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA04C	BA2204C	38	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1622	GV726	Nguyễn Văn Tú	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA05C	BA2205C	39	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1623	GV726	Nguyễn Văn Tú	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA01C, DH22BA03C, DH22BA05C	BA2206C	39	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1624	TH018	Nguyễn Phi Hùng	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BA02C, DH22BA04C	BA2207C	24	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1625	GV418	Nguyễn Cao Tùng	COMP1307	Tin học đại cương	DH22BT01	BT2201	48	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1626	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP6301	Tin học đại cương	DH22BT01C	BT2201C	39	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1627	GV345	Lê Hồng Thái	COMP1307	Tin học đại cương	DH22BT02	BT2202	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1628	GV345	Lê Hồng Thái	COMP1307	Tin học đại cương	DH22BT01	BT2203	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1629	GV418	Nguyễn Cao Tùng	COMP1307	Tin học đại cương	DH22BT02	BT2204	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1630	GV726	Nguyễn Văn Tú	COMP1307	Tin học đại cương	DH22EL01	EL2201	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1631	TH006	Huỳnh Minh Quang	COMP1307	Tin học đại cương	DH22EL02	EL2202	48	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1632	TH098	Đào Quốc Phương	COMP1307	Tin học đại cương	DH22EL03	EL2203	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1633	TH098	Đào Quốc Phương	COMP1307	Tin học đại cương	DH22EL04	EL2204	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1634	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP1307	Tin học đại cương	DH22EL05	EL2205	47	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1635	GV252	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB01	FB2201	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1636	GV252	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB02	FB2202	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1637	GV726	Nguyễn Văn Tú	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB03	FB2203	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1638	GV252	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB01	FB2204	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1639	GV252	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB02	FB2205	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1640	GV005	Nguyễn Thị Trâm Anh	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB03	FB2206	49	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1641	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB01	FB2207	46	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1642	TH091	Trần Chí Hiếu	COMP1307	Tin học đại cương	DH22FB02	FB2208	46	CB				Khoa Khoa học cơ bản tổ chức thi
1643	CT126	Nguyễn Thanh Phong	CMAN6201	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	XD20DB01	CE201C	5	KT	11/05/2023	3	VVT	
1644	XH080	Phan Thị Anh Thư	SEAS1241	Tổ chức sự kiện và lễ hội	DH20DN01	SA2001	69	XH	22/05/2023	3	NK	
1645	XH080	Phan Thị Anh Thư	SEAS1241	Tổ chức sự kiện và lễ hội	DH20DN02	SA2002	53	XH	22/05/2023	3	NK	
1646	CT301	Bá Văn Hùng	CENG1228	Tổ chức và quản lý thi công	DH20XD01	CE2001	41	KT	17/05/2023	2	NK	
1647	CT310	Nguyễn Khắc Quân	CENG1228	Tổ chức và quản lý thi công	DH20CE02	CE2002	45	KT	17/05/2023	2	NK	
1648	CT227	Nguyễn Hoài Nghĩa	CENG6204	Tổ chức và quản lý thi công	XD20DB01	CE201C	5	KT	24/05/2023	5	VVT	
1649	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH2402	Toán rời rạc	DH21CS01	CS2101	70	TH	15/05/2023	3	NK	
1650	TH041	Vũ Văn Hưng	MATH2402	Toán rời rạc	DH21CS02	CS2102	70	TH	15/05/2023	3	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1651	GV345	Lê Hồng Thái	MATH2402	Toán rời rạc	DH21IM01	IM2101	55	TH	15/05/2023	3	NK	
1652	GV345	Lê Hồng Thái	MATH2402	Toán rời rạc	DH21IM02	IM2102	57	TH	15/05/2023	3	NK	
1653	TH112	Hồ Văn Thanh	MATH2402	Toán rời rạc	DH21IT01	IT2101	70	TH	15/05/2023	3	NK	
1654	TH112	Hồ Văn Thanh	MATH2402	Toán rời rạc	DH21IT02	IT2102	70	TH	15/05/2023	3	NK	
1655	TH112	Hồ Văn Thanh	MATH2402	Toán rời rạc	DH21IT03	IT2103	70	TH	15/05/2023	3	NK	
1656	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH1318	Toán tài chính	DH20FI01	FI2001	35	TC	19/05/2023	1	NK	
1657	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	TOUR1301	Tổng quan du lịch	DH22TO01	TO2201	64	QT	15/05/2023	2	MTL	
1658	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2327	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	DH19NL01	HM1901	75	QT	30/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận
1659	QT336	Trương Mỹ Diễm	BADM2327	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	DH20NL01	HM2001	80	QT	30/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận
1660	QT078	Vân Thị Hồng Loan	BADM5307	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	QT20DBE1	BA201E	20	QT	15/05/2023	5	VVT	
1661	GV627	Nguyễn Giang Châu	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22BL01	BL2201	96	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1662	GV627	Nguyễn Giang Châu	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22BL02	BL2202	97	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1663	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CE01	CE2201	94	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1664	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CE01C	CE2201C	28	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1665	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CE02	CE2202	94	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1666	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CL02,DH22CL01	CL2201	90	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1667	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CM01	CM2201	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1668	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22CM02	CM2202	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1669	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH21CS01C,D H21CS02C	CS212C	80	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1670	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22FT01	FT2201	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1671	GV725	Đỗ Duy Tú	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22FT02	FT2202	92	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1672	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22LA01	LA2201	80	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1673	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22LA02	LA2202	82	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1674	GV737	Hoàng Xuân Phú	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22PM01	PM2201	75	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1675	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SA01	SA2201	89	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1676	GV674	Dương Thị Ngọc Dung	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SA02	SA2202	90	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1677	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SC01	SC2201	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1678	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SC01	SC2201	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1679	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SC02	SC2202	89	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1680	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SW01	SW2201	91	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1681	GV723	Hồ Ngọc Anh	POLI1304	Triết học Mác - Lênin	DH22SW02	SW2202	90	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1682	QT383	Nguyễn Thị Minh Mẫn	BADM1394	Truyền thông Marketing tích hợp	DH20MK01	MK2001	53	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1683	QT638	Phạm Xuân Ngọc	BADM1394	Truyền thông Marketing tích hợp	DH20MK02	MK2002	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1684	QT592	Kiều Anh Tài	BADM5319	Truyền thông Marketing tích hợp	QT20DB01	MK201C	55	QT	19/05/2023	2	VVT	
1685	QT592	Kiều Anh Tài	BADM5319	Truyền thông Marketing tích hợp	QT20DB02	MK202C	56	QT	18/05/2023	1	VVT	
1686	QT592	Kiều Anh Tài	BADM5319	Truyền thông Marketing tích hợp	QT20DB03	MK203C	55	QT	19/05/2023	2	VVT	
1687			CHEM1202	TT Hóa phân tích & hóa hữu cơ	DH22BT01	BT2201	89	SH				Khoa tổ chức thi
1688			CHEM1202	TT Hóa phân tích & hóa hữu cơ	DH22BT02	BT2202	94	SH				Khoa tổ chức thi
1689	KI195	Ngô Đôn Uy	BLAW1309	Tư duy phản biện	DH22BL01	BL2201	100	LA				Khoa tổ chức thi
1690	KI195	Ngô Đôn Uy	BLAW1309	Tư duy phản biện	DH22BL02	BL2202	98	LA				Khoa tổ chức thi
1691	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA01C	BA2201C	25	QT				Khoa tổ chức thi
1692	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA02C	BA2202C	25	QT				Khoa tổ chức thi
1693	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA03C	BA2203C	25	QT				Khoa tổ chức thi
1694	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA04C	BA2204C	25	QT				Khoa tổ chức thi
1695	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA05C	BA2205C	25	QT				Khoa tổ chức thi
1696	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA01C	BA2206C	16	QT				Khoa tổ chức thi
1697	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA02C	BA2207C	18	QT				Khoa tổ chức thi
1698	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA03C	BA2208C	20	QT				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1699	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA04C	BA2209C	14	QT				Khoa tổ chức thi
1700	QT558	Bùi Ngọc Tuấn Anh	BADM6102	Tư duy phản biện và sáng tạo	DH22BA05C	BA2210C	21	QT				Khoa tổ chức thi
1701	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM5102	Tư duy phản biện và sáng tạo	LK22ROVN	VN2201	14	QT				Khoa tổ chức thi
1702	KI073	Phan Đăng Hiếu Thuận	BLAW1327	Tư pháp quốc tế	DH20LA01	LA2001	44	LA	17/05/2023	1	NK	
1703	KI073	Phan Đăng Hiếu Thuận	BLAW1327	Tư pháp quốc tế	DH20LA02	LA2002	68	LA	17/05/2023	1	NK	
1704	KI203	Ngô Kim Hoàng Nguyên	BLAW6318	Tư pháp quốc tế	LK20DB01	BL201C	36	LA	01/06/2023	5	VVT	
1705	KI203	Ngô Kim Hoàng Nguyên	BLAW6318	Tư pháp quốc tế	LK20DB02	BL202C	36	LA	01/06/2023	5	VVT	
1706	KI203	Ngô Kim Hoàng Nguyên	BLAW6318	Tư pháp quốc tế	LK20DB03	BL203C	34	LA	01/06/2023	5	VVT	
1707	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	KT20DB01	AC201C	42	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1708	GV135	Phạm Kim Dung	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	KT20DB02	AC202C	36	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1709	GV135	Phạm Kim Dung	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	KT20DB03	AC203C	42	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1710	GV677	Lê Thị Bích Nga	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	KT20DB04	AU201C	50	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1711	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	QT20DBE1,KT20DBE1	BA201E	36	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1712	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20LK01	BL2001	74	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1713	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20LK02	BL2002	73	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1714	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20LK03	BL2003	73	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1715	GV135	Phạm Kim Dung	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20CS01	CS2001	24	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1716	GV677	Lê Thị Bích Nga	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20CS02	CS2002	87	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1717	GV135	Phạm Kim Dung	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20IM01	IM2001	73	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1718	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20IM02	IM2002	61	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1719	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20IT01	IT2001	61	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1720	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20IT02	IT2002	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1721	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20IT03	IT2003	64	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1722	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20LA01	LA2001	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1723	AV185	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	POLI1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DH20LA02	LA2002	70	CB				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1724	AV172	Nguyễn Lý Uy Hân	CHIN1243	Từ vựng Hán ngữ	BH21CL01	CL211B	9	NN	04/06/2023	2	VVT	
1725	QT539	Nguyễn Nguyên Phong	BADM2374	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	DH21TO01	TO2101	58	QT	30/05/2023	3	MTL	Nộp tiểu luận
1726	SH235, SH462, SH463	Đặng Thanh Dũng, Lê Quang Anh Tuấn, Hồ Bảo Thùy Quyên	BIOT2275	Ứng dụng của công nghệ sinh học: Thành tựu và triển vọng	DH19SH01	PB1901	7	SH				Khoa tổ chức thi
1727	NN495	Trần Lê Thùy Anh	JAPA3205	Văn hóa - phong tục Nhật Bản	DH21JL01	JL2101	40	NN	09/05/2023	4	NK	
1728	NN495	Trần Lê Thùy Anh	JAPA3205	Văn hóa - phong tục Nhật Bản	DH21JL02	JL2102	34	NN	09/05/2023	4	NK	
1729	NN495	Trần Lê Thùy Anh	JAPA3205	Văn hóa - phong tục Nhật Bản	DH21JL03	JL2103	34	NN	09/05/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1730	DN072	Đàng Năng Hòa	SEAS1239	Văn hóa Chăm ở Đông Nam Á	DH20DN01	SA2001	68	XH	09/05/2023	2	NK	
1731	DN072	Đàng Năng Hòa	SEAS1239	Văn hóa Chăm ở Đông Nam Á	DH20DN02	SA2002	59	XH	09/05/2023	2	NK	
1732	NN645	Thái Nguyễn Hoàng Tuấn	ENGL1246	Văn học Mỹ	DH20AV02	EL2002	41	NN				Khoa tổ chức thi
1733	NN448	Nguyễn Trường Giang	ENGL1246	Văn học Mỹ	DH20AV04	EL2004	32	NN				Khoa tổ chức thi
1734	QT590	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	BADM3309	Vận tải và bảo hiểm	QT19DB01	IB191C	47	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1735	QT590	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	BADM3309	Vận tải và bảo hiểm	QT19DB03	IB192C	48	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1736	QT479	Huỳnh Kim Tôn	BADM6313	Vận tải và bảo hiểm	QT20DB04	IB201C	53	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1737	QT590	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	BADM6313	Vận tải và bảo hiểm	QT20DB05	IB202C	52	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1738	QT631	Phạm Thị Minh Hạnh	BADM2348	Vận tải và bảo hiểm	DH21LG01	LG2101	60	QT				Phòng Khảo thí tổ chức thi
1739	CT125	Lâm Ngọc Trà My	CENG2208	Vật liệu xây dựng	DH21CE01	CE2101	86	KT	08/05/2023	4	NK	
1740	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2208	Vật liệu xây dựng	DH20XD02	CE2102	78	KT	08/05/2023	4	NK	
1741	CT125	Lâm Ngọc Trà My	CENG2208	Vật liệu xây dựng	DH21CM01	CM2101	70	KT	08/05/2023	4	NK	
1742	CT309	Nguyễn Thị Bích Thủy	CENG2208	Vật liệu xây dựng	DH21CM02	CM2102	70	KT	08/05/2023	4	NK	
1743	SH234	Dương Nhật Linh	BIOT2352	Vi sinh Công nghệ Dược	DH20PB01	PB2001	32	SH	31/05/2023	4	NK	
1744	SH473	Nguyễn Thành Luân	BIOT3339	Vi sinh nông nghiệp	SH20DB01	BT201C	9	SH	19/05/2023	5	VVT	
1745	SH482	Bùi Phú Nam Anh	BIOT3421	Vi sinh Thực phẩm	DH20FT01	FT2001	32	SH	02/06/2023	4	NK	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1746	SH463	Hồ Bảo Thùy Quyên	BIOT2501	Vi sinh vật đại cương	DH21BT01C	BT211C	15	SH	31/05/2023	1	VVT	
1747	SH170	Lý Thị Minh Hiền	FOOD1302	Vi sinh vật học thực phẩm	DH21FT01	FT2101	42	SH	01/06/2023	1	NK	
1748	SH170	Lý Thị Minh Hiền	FOOD1302	Vi sinh vật học thực phẩm	DH21FT02	FT2102	46	SH	01/06/2023	1	NK	
1749	SH234	Dương Nhật Linh	BIOT3420	Vi sinh Y học	DH20PB01	PB2001	34	SH	30/05/2023	4	NK	
1750	NN246	Nguyễn Thị Xuân Mai	GENG1427	Viết 2	LK22BO01,LK22FLEL,LK22FLFI,LK22FLAC	BO2201	15	DB	31/05/2023	1	VVT	
1751	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1326	Viết học thuật	DH21EL01	EL2101	43	NN				Khoa tổ chức thi
1752	NN641	Lữ Đình Bảo	ENGL1326	Viết học thuật	DH21EL02	EL2102	43	NN				Khoa tổ chức thi
1753	AV051	Lê Phương Thảo	ENGL1326	Viết học thuật	DH21EL03	EL2103	43	NN				Khoa tổ chức thi
1754	AV051	Lê Phương Thảo	ENGL1326	Viết học thuật	DH21EL04	EL2104	25	NN				Khoa tổ chức thi
1755	AV131	Nguyễn Đông Phương Tiên	ENGL1326	Viết học thuật	BH21EL01	EL211B	20	NN				Khoa tổ chức thi
1756	NN393	Ngô Phan Lan Dung	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL01C	EL211C	27	NN				Khoa tổ chức thi
1757	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL02C	EL212C	29	NN				Khoa tổ chức thi
1758	NN393	Ngô Phan Lan Dung	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL03C	EL213C	26	NN				Khoa tổ chức thi
1759	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL04C	EL214C	26	NN				Khoa tổ chức thi
1760	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL05C	EL215C	27	NN				Khoa tổ chức thi

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1761	NN417	Nguyễn Đức Phong	ENGL5307	Viết học thuật	DH21EL06C	EL216C	30	NN				Khoa tổ chức thi
1762	XH015	Đỗ Hồng Quân	SOCI1301	Xã hội học đại cương (NMXHH)	DH22SC01	SC2201	74	XH	18/05/2023	1	NK	
1763	XH015, XH017	Đỗ Hồng Quân, Bùi Nhật Phong	SOCI1301	Xã hội học đại cương (NMXHH)	DH22SC02	SC2202	74	XH	18/05/2023	1	NK	
1764	XH017	Bùi Nhật Phong	SOCI1301	Xã hội học đại cương (NMXHH)	DH22SW01	SW2201	71	XH	18/05/2023	1	NK	
1765	XH017	Bùi Nhật Phong	SOCI1301	Xã hội học đại cương (NMXHH)	DH22SW02	SW2202	64	XH	18/05/2023	1	NK	
1766	XH017	Bùi Nhật Phong	SOCI2325	Xã hội học giáo dục	DH21SC01	SC2101	53	XH	31/05/2023	5	NK	Nộp tiểu luận
1767	XH017	Bùi Nhật Phong	SOCI2325	Xã hội học giáo dục	DH21SC02	SC2102	56	XH	31/05/2023	5	NK	Nộp tiểu luận
1768	XH015	Đỗ Hồng Quân	SOCI2323	Xã hội học truyền thông đại chúng	DH21SC01	SC2101	56	XH	23/05/2023	3	NK	
1769	XH015	Đỗ Hồng Quân	SOCI2323	Xã hội học truyền thông đại chúng	DH21SC02	SC2102	56	XH	23/05/2023	3	NK	
1770	QT584	Võ Hồ Hoàng Phúc	BADM5107	Xác định mục tiêu	LK22ROVN	VN2201	14	QT				Khoa tổ chức thi
1771	GV114	Võ Thanh Hải	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22AC01C	AC2201C	52	CB	22/05/2023	4	VVT	
1772	GV114	Võ Thanh Hải	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22AC02C	AC2202C	50	CB	22/05/2023	4	VVT	
1773	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22AC03C	AC2203C	52	CB	22/05/2023	3	VVT	
1774	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH21CE01C	CE211C	12	CB	22/05/2023	3	VVT	
1775	GV114	Võ Thanh Hải	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22FB01C	FB2201C	42	CB	22/05/2023	4	VVT	
1776	GV114	Võ Thanh Hải	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22FB02C	FB2202C	45	CB	22/05/2023	4	VVT	

Lịch thi được sắp xếp theo thứ tự Tên môn và Nhóm

Stt	Mã GV	Giảng viên	Mã môn	Tên môn	Lớp	Nhóm	Sĩ số	Khoa	Ngày thi	Ca thi	ĐĐT	Ghi chú
1777	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22FB03C	FB2203C	42	CB	22/05/2023	3	VVT	
1778	GV671	Hà Minh Tuấn	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22FB04C	FB2204C	45	CB	22/05/2023	3	VVT	
1779	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH6303	Xác suất và Thống kê	DH22FB05C	FB2205C	45	CB	22/05/2023	3	VVT	
1780	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH1315	Xác suất và Thống kê	DH21IT01	IT2101	61	CB	22/05/2023	3	NK	
1781	GV673	Nguyễn Đăng Minh	MATH1315	Xác suất và Thống kê	DH21IT02	IT2102	34	CB	22/05/2023	3	NK	
1782	GV114	Võ Thanh Hải	MATH1315	Xác suất và Thống kê	DH21IT03	IT2103	66	CB	22/05/2023	3	NK	

1/ Thời gian thi:

- Ca 1: bắt đầu lúc 07g00
- Ca 2: bắt đầu lúc 09g30
- Ca 3: bắt đầu lúc 13g00
- Ca 4: bắt đầu lúc 15g30
- Ca 5: bắt đầu lúc 18g00

2/ Địa điểm thi:

- BD: Số 68 Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- MTL: Số 2 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
- NK: Số 371 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM
- VVT: Số 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký)

Lê Thị Vũ Anh